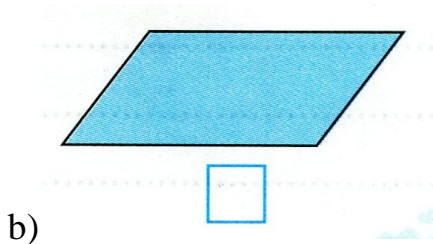
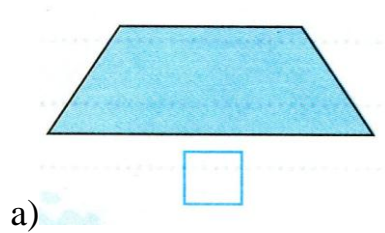
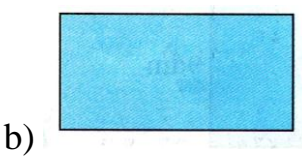
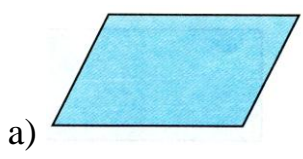


Bài 1. Đánh dấu (×) vào ô trống đặt dưới hình có hai cặp cạnh đối diện song song và bằng nhau:

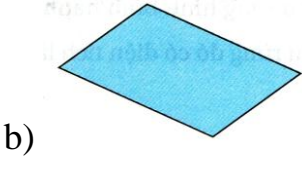
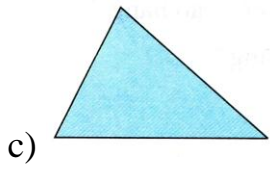


Bài 2: Đặt tên cho hình là hình bình hành và viết vào chỗ chấm:



.....

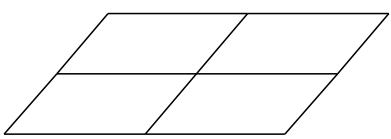
.....



.....

.....

Bài 3: Hình dưới đây có bao nhiêu hình bình hành?



Bài 4: Tính chu vi của hình bình hành biết độ dài hai cạnh liên tiếp của nó là 12cm và 25cm.

Thứ năm

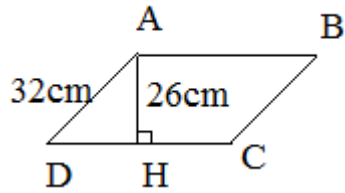
Bài 1: Một khu đất hình bình hành có chiều cao 32m, cạnh đáy gấp 2 lần chiều cao. Tính diện tích khu đất hình bình hành đó.

Bài 2: Một cái hồ hình bình hành có độ dài đáy là 4km. Chiều cao bằng $\frac{1}{8}$ độ dài đáy.

Hỏi cái hồ đó có diện tích là bao nhiêu ki-lô-mét vuông?

Bài 3: Hình bình hành có diện tích bằng 96cm^2 . Chiều cao bằng 12cm . Tính cạnh đáy hình bình hành đó.

Bài 4*: Cho hình bình hành ABCD có chu vi 160cm , cạnh $AD = 32\text{cm}$, chiều cao AH bằng 26cm . Tính diện tích của hình bình hành đó.



PHIẾU 2 (CƠ BẢN)

Bài 1: Viết số thích hợp vào chỗ chấm

a) $2\text{km}^2 = \dots\dots\dots \text{m}^2$

$10\text{km}^2 = \dots\dots\dots \text{m}^2$

$150\text{m}^2 = \dots\dots\dots \text{dm}^2$

$9\text{m}^2 = \dots\dots\dots \text{cm}^2$

b) $6000\ 000\text{m}^2 = \dots\dots\dots \text{km}^2$

$17\ 000\ 000\text{m}^2 = \dots\dots\dots \text{km}^2$

$900\ 000\text{m}^2 = \dots\dots\dots \text{m}^2$

$35\text{m}^2\ 72\text{dm}^2 = \dots\dots\dots \text{dm}^2$

Bài 2: Khoanh vào chữ đặt trước câu trả lời đúng:

a) Diện tích bảng lớp em khoảng:

A. 2cm^2

B. 2dm^2

C. 2m^2

D. 2km^2

b) Diện tích Thành phố Hồ Chí Minh (theo số liệu 2002) là:

A. 2095cm^2

B. 2095dm^2

C. 2095m^2

D. 2095km^2

c) $4\text{m}^2\ 70\text{cm}^2 = \dots \text{cm}^2$. Số thích hợp để viết vào chỗ chấm là:

A. 470

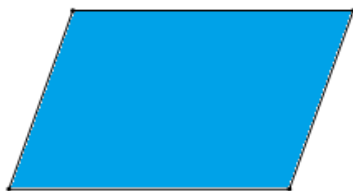
B. 4070

C. 40 070

D. 47 000

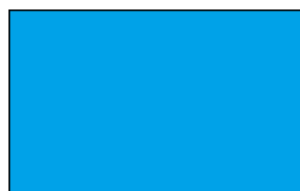
Bài 3: Viết tên mỗi hình vào chỗ chấm

a)



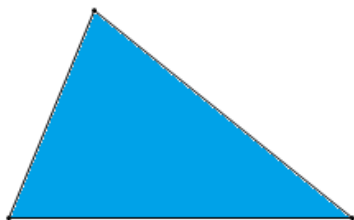
.....

b)



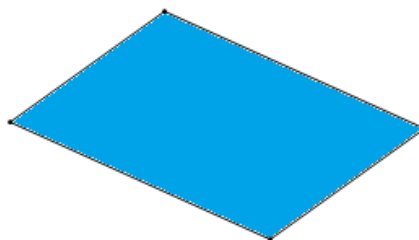
.....

c)



.....

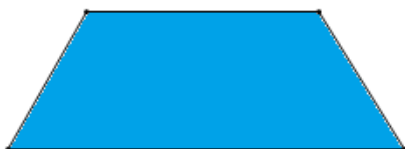
d)



.....

Bài 4: Đánh dấu (×) vào ô trống đặt dưới hình có hai cặp cạnh đối diện song song và bằng nhau:

a)



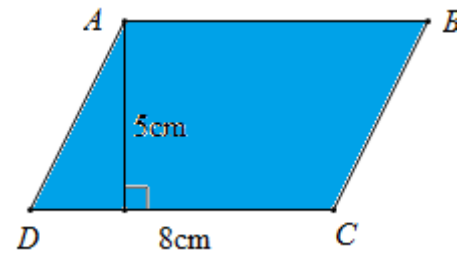
b)



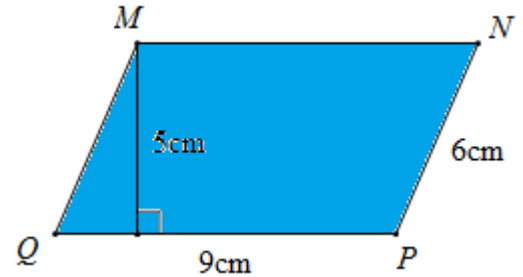
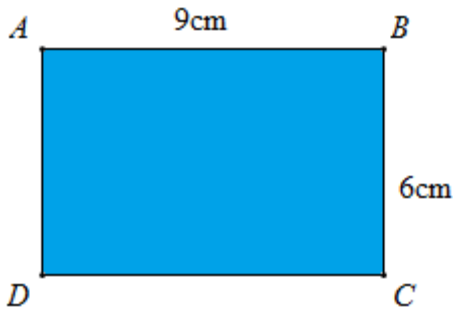
Bài 5: Tính diện tích hình bình hành bên:

Bài giải

.....



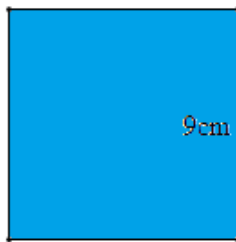
Bài 6: Đúng ghi Đ, sai ghi S:



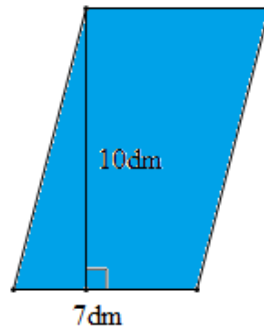
- a) Chu vi hình chữ nhật ABCD bằng chu vi hình bình hành MNPQ.
- b) Chu vi hình chữ nhật ABCD lớn hơn chu vi hình bình hành MNPQ.
- c) Diện tích hình chữ nhật ABCD bằng diện tích hình bình hành MNPQ.
- d) Diện tích hình chữ nhật ABCD lớn hơn diện tích hình bình hành MNPQ.

Bài 7: Khoanh vào chữ đặt trước hình có diện tích lớn nhất:

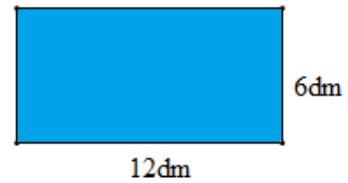
A.



B.



C.



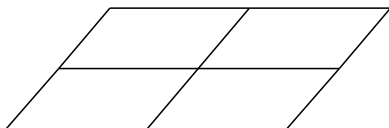
Bài 8: Một khu rừng hình bình hành có độ dài đáy là 4km. Chiều cao bằng $\frac{1}{8}$ độ dài đáy. Hỏi khu rừng đó có diện tích là bao nhiêu ki-lô-mét vuông?

Bài giải

.....

PHIẾU 3 (CƠ BẢN VÀ NÂNG CAO)

I. PHẦN TRẮC NGHIỆM: Điền đáp án vào ô trống.

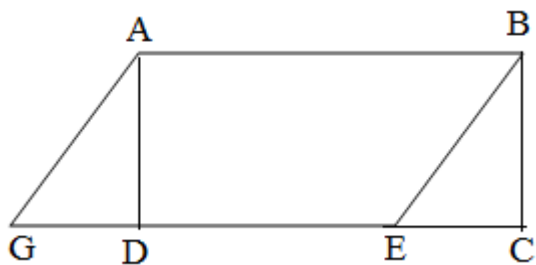
Câu	Đề bài	Đáp án
1.	Một khu đất hình chữ nhật có chiều dài là 4km, chiều rộng là 1500m. Diện tích khu rừng đó là:km ² . Số thích hợp điền vào chỗ trống là:.....	
2.	Diện tích hình bình hành có độ dài đáy 6dm, chiều cao 37cm bằng:cm ² .	
3.	Chu vi hình bình hành biết độ dài hai cạnh liên tiếp là 7cm và 15cm bằng:cm.	
4.	Một mảnh đất trồng hoa hình bình hành có độ dài đáy là 47dm, chiều cao là 23dm. Diện tích mảnh đất đó là:dm ² .	
5.	Viết số thích hợp vào chỗ chấm: 36m ² =dm ²	
6.	Số hình bình hành có trong hình dưới đây là:hình. 	
7.	Hình bình hành có diện tích bằng 144dm ² . Cạnh đáy bằng 12dm. Chiều cao tương ứng là:dm.	
8.	Hình bình hành có diện tích bằng 1400cm ² . Chiều cao bằng 28cm. Cạnh đáy tương ứng là:dm.	
9.	Hình bình hành ABCD có cạnh DC là 32cm. Kéo dài cạnh AB về phía B 4cm, kéo dài cạnh DC về phía C 4cm thì diện tích tăng thêm 56cm ² . Diện tích hình bình hành ABCD là:cm ² .	
10.	Cho hình bình hành có diện tích 100m ² và cạnh đáy gấp 4 lần chiều cao tương ứng. Vậy chiều cao của hình bình hành đó là:m.	

II. PHẦN TỰ LUẬN: Trình bày chi tiết bài làm rồi điền đáp án vào ô trống.

Bài 11. Diện tích hình bình hành bằng diện tích hình chữ nhật có chiều dài, chiều rộng lần lượt là 8m, 12m. Biết độ dài đáy hình bình hành là 16m. Tính chiều cao của hình bình hành đó.

Bài giải

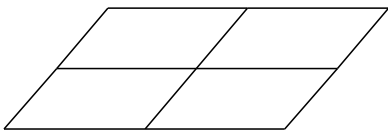
Bài 12. Hình vẽ bên có hình chữ nhật ABCD và hình bình hành ABEG. Biết chu vi hình chữ nhật là 120cm, chiều dài hơn chiều rộng là 10cm. Tính diện tích của hình bình hành ABEG.



Bài giải

ĐÁP ÁN PHIẾU 3 (CƠ BẢN VÀ NÂNG CAO)

I. PHẦN TRẮC NGHIỆM: Điền đáp án vào ô trống.

Câu	Đề bài	Đáp án
1.	Một khu đất hình chữ nhật có chiều dài là 4km, chiều rộng là 1500m. Diện tích khu rừng đó là:km ² . Số thích hợp điền vào chỗ trống là:.....	6
2.	Diện tích hình bình hành có độ dài đáy 6dm, chiều cao 37cm bằng:cm ² .	2220
3.	Chu vi hình bình hành biết độ dài hai cạnh liên tiếp là 7cm và 15cm bằng:cm.	44
4.	Một mảnh đất trồng hoa hình bình hành có độ dài đáy là 47dm, chiều cao là 23dm. Diện tích mảnh đất đó là:dm ² .	1081
5.	Viết số thích hợp vào chỗ chấm: 36m ² =dm ²	3600
6.	Số hình bình hành có trong hình dưới đây là:hình. 	9
7.	Hình bình hành có diện tích bằng 144dm ² . Cạnh đáy bằng 12dm. Chiều cao tương ứng là:dm.	12
8.	Hình bình hành có diện tích bằng 1400cm ² . Chiều cao bằng 28cm. Cạnh đáy tương ứng là:dm.	5
9.	Hình bình hành ABCD có cạnh DC là 32cm. Kéo dài cạnh AB về phía B 4cm, kéo dài cạnh DC về phía C 4cm thì diện tích tăng thêm 56cm ² . Diện tích hình bình hành ABCD là:cm ² .	448
10.	Cho hình bình hành có diện tích 100m ² và cạnh đáy gấp 4 lần chiều cao tương ứng. Vậy chiều cao của hình bình hành đó là:m.	5

II. PHẦN TỰ LUẬN: Trình bày chi tiết bài làm rồi điền đáp án vào ô trống.

Bài 11. Diện tích hình bình hành bằng diện tích hình chữ nhật có chiều dài, chiều rộng lần lượt là 8m, 12m. Biết độ dài đáy hình bình hành là 16m. Tính chiều cao của hình bình hành đó.

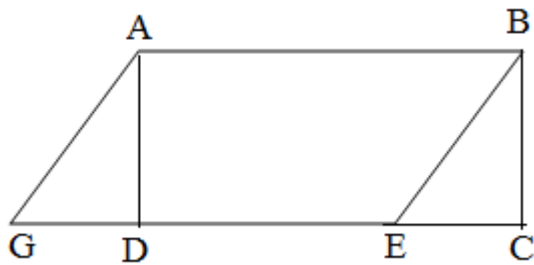
Bài làm:

Diện tích của hình bình hành là: $8 \times 12 = 96 \text{ (m}^2\text{)}$

Chiều cao của hình bình hành là: $96 : 16 = 6 \text{ (m)}$

Đáp án: 6m

Bài 12. Hình vẽ bên có hình chữ nhật ABCD và hình bình hành ABEG. Biết chu vi hình chữ nhật là 120cm, chiều dài hơn chiều rộng là 10cm. Tính diện tích của hình bình hành ABEG.



Bài làm

Độ dài cạnh AB là: 35cm

Độ dài AD: 25cm

Diện tích hình bình hành là: 875cm^2

Đáp án: 875cm^2

PHIẾU 4 (NÂNG CAO)

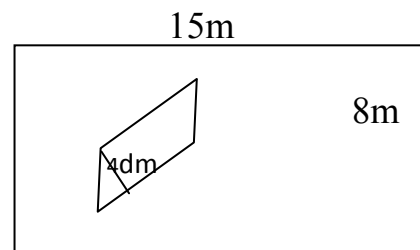
Bài 1: Một hình bình hành có trung bình cộng độ dài đáy và chiều cao là 75cm, chiều cao kém cạnh đáy 20cm.

a) Tính diện tích hình bình hành đó.

b) Một hình chữ nhật có diện tích bằng diện tích hình bình hành trên, chiều rộng là 25cm. Tính chu vi hình chữ nhật đó.

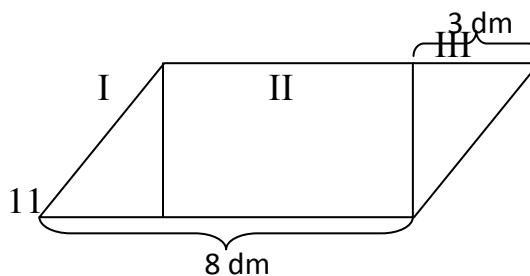
Bài giải

Bài 2: Một mảnh vườn hình chữ nhật có chiều dài 15m, chiều rộng 8m. Người ta trồng một vườn hoa hình bình hành ở trong mảnh vườn đó. Biết chiều cao của vườn hoa là 4m. Tính độ dài đáy tương ứng của vườn hoa, biết diện tích phần còn lại là $76m^2$.



Bài giải

Bài 3: Một miếng bìa hình bình hành có diện tích $24dm^2$, được cắt thành ba miếng như hình vẽ. Tính diện tích mỗi miếng bìa.

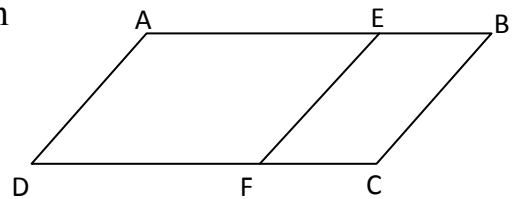


Bài giải

Bài 4: Một hình bình hành có độ dài đáy và chiều cao tương ứng là các số tự nhiên (đơn vị đo xăng-ti-mét) có tổng độ dài đáy và đường cao là 8cm. Tìm hình bình hành có diện tích lớn nhất, hình bình hành có diện tích bé nhất.

Bài giải

Bài 5: Cho hình bên có các hình bình hành ABCD, EBCF, AEFD.
Tính diện tích hình bình hành EBCF biết diện tích hình bình hành ABCD là 45cm^2 và độ dài cạnh AB gấp 3 lần độ dài cạnh EB.



Bài giải

ĐÁP ÁN PHIẾU 4

Bài 1. a) Tổng độ dài đáy và chiều cao là: $75 \times 2 = 150$ (cm)

Chiều cao của hình bình hành là: $(150 - 20) : 2 = 65$ (cm)

Cạnh đáy của hình bình hành là: $150 - 65 = 85$ (cm)

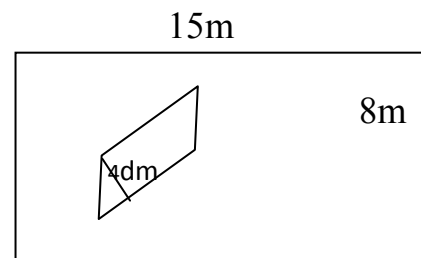
Diện tích hình bình hành là: $85 \times 65 = 5525$ (cm²)

b) Diện tích hình chữ nhật bằng diện tích hình bình hành nên diện tích hình chữ nhật là 5525 cm². Chiều dài hình chữ nhật là: $5525 : 25 = 221$ (cm)

Chu vi hình chữ nhật là: $(221 + 25) \times 2 = 492$ (cm)

Đáp số: a) 5525 cm² và b) 492 cm

Bài 2. Một mảnh vườn hình chữ nhật có chiều dài 15m, chiều rộng 8m. Người ta trồng một vườn hoa hình bình hành ở trong mảnh vườn đó. Biết chiều cao của vườn hoa là 4m. Tính độ dài đáy tương ứng của vườn hoa, biết diện tích phần còn lại là 76m².



HD:

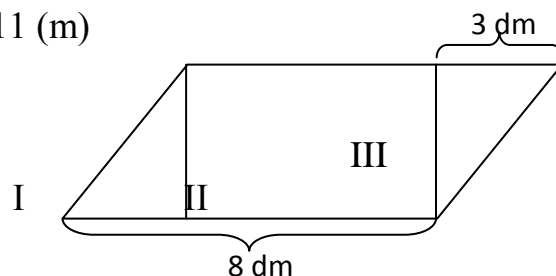
Diện tích mảnh vườn hình chữ nhật là: $15 \times 8 = 120$ (m²)

Diện tích vườn trồng hoa là: $120 - 76 = 44$ (m²)

Độ dài đáy tương ứng của vườn hoa là: $44 : 4 = 11$ (m)

Đáp số: 11m

Bài 3. Một miếng bìa hình bình hành có diện tích 24dm², được cắt thành ba miếng như hình vẽ. Tính diện tích mỗi miếng bìa.



HD:

Miếng bìa được cắt thành 3 miếng, trong đó miếng thứ I và miếng thứ III có diện tích bằng nhau. Miếng thứ II là hình chữ nhật có một cạnh là chiều cao của hình bình hành và có độ dài bằng: $24 : 8 = 3$ (dm)

Cạnh còn lại của miếng thứ hai là: $8 - 3 = 5$ (dm)

Diện tích miếng thứ hai là: $5 \times 3 = 15$ (dm²)

Tổng diện tích miếng thứ nhất và miếng thứ III là: $24 - 15 = 9$ (dm²)

Diện tích mỗi miếng là: $9 : 2 = 4.5$ (dm²)

Đáp số: Miếng I: 4.5dm²; Miếng II: 15dm²; Miếng III: 4.5dm²

Bài 4. Một hình bình hành có độ dài đáy và chiều cao tương ứng là các số tự nhiên (đơn vị đo xăng-ti-mét) có tổng độ dài đáy và đường cao là 8cm. Tìm hình bình hành có diện tích lớn nhất, hình bình hành có diện tích bé nhất.

HD:

Ta có: $8 = 1 + 7 = 2 + 6 = 3 + 5 = 4 + 4$

Mà $1 \times 7 = 7$; $2 \times 6 = 12$; $3 \times 5 = 15$; $4 \times 4 = 16$

Và $7 < 12 < 15 < 16$

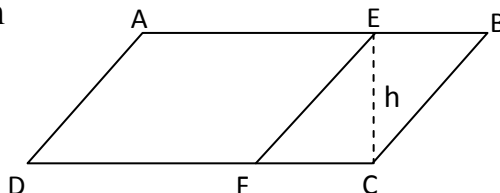
Hình bình hành có diện tích lớn nhất là 16cm² khi đáy và chiều cao lần lượt là 4cm và 4cm

Hình bình hành có diện tích bé nhất là 7cm^2 khi đáy và chiều cao lần lượt là 1cm và 7cm (hoặc 7cm và 1cm)

Bài 5. Cho hình bên có các hình bình hành ABCD, EBCF, AEFD.

Tính diện tích hình bình hành EBCF biết diện tích hình bình hành ABCD là 45cm^2 và độ dài cạnh AB gấp 3 lần độ dài cạnh EB.

HD:



Chiều cao hạ từ đỉnh C xuống đáy AB của hình bình hành ABCD cũng chính là chiều cao của hình bình hành EBCF hạ từ đỉnh C xuống đáy EB.

Gọi chiều cao trên là h thì diện tích hình bình hành ABCD là: $AB \times h = 45 (\text{cm}^2)$

Diện tích hình bình hành EBCF là: $EB \times h$

Mà $AB = 3 \times EB$ nên ta có:

$$AB \times h = 3 \times EB \times h = 45 (\text{cm}^2) \Rightarrow EB \times h = 45 : 3 = 15 (\text{cm}^2)$$

Vậy diện tích hình bình hành EBCF là 15cm^2 .

Đáp số: 15cm^2 .

TUẦN 20

Phân số. Phân số và phép chia số tự nhiên. Phân số bằng nhau.

PHIẾU 1 (HƯỚNG DẪN TỰ HỌC)

Thứ hai

Bài 1: Viết (theo mẫu):

Phân số	Tử số	Mẫu số	Đọc
$\frac{4}{5}$	4	5	bốn phần năm
$\frac{6}{10}$			
			chín phần mười bốn
	15	21	

Bài 2: Viết số thích hợp vào chỗ chấm:

$$3\text{m}^2 21 \text{dm}^2 = \dots\dots\dots \text{dm}^2 1\text{m}^2 45 \text{cm}^2 = \dots\dots\dots \text{cm}^2$$

$$1\text{km}^2 500000 \text{m}^2 = \dots\dots\dots \text{m}^2 20\text{km}^2 = \dots\dots\dots \text{m}^2$$

$$2\text{km}^2 345 \text{m}^2 = \dots\dots\dots \text{m}^2 1\text{m}^2 2345 \text{cm}^2 = \dots\dots\dots \text{cm}^2$$

Bài 3: Một hình bình hành có độ dài đáy 1dm 8cm, chiều cao bằng $\frac{1}{3}$ độ dài đáy. Tính diện tích hình bình hành đó.

Thứ ba

Bài 1: Viết các phân số sau

- Một phần năm:
- Bốn phần mười:
- Bốn lăm phần mười lăm:
- Ba trăm linh hai phần một trăm linh tám:

Bài 2: Viết thương dưới dạng phân số rồi tính kết quả:

$$88 : 11; \quad 144 : 12; \quad 1078 : 14; \quad 5545 : 123$$

Bài 3: Viết phân số dưới dạng thương rồi tính:

$$\frac{18}{6}; \quad \frac{72}{9}; \quad \frac{42}{7}; \quad \frac{99}{11}; \quad \frac{115}{23}; \quad \frac{100}{25}$$

Thứ tư

Bài 1: Điền dấu $>$, $<$, $=$

$$\frac{3}{4} \dots\dots 11 \dots\dots \frac{47}{46} \frac{4}{3} \dots\dots 1 \frac{4}{4} \dots\dots 1$$

$$\frac{6}{6} \dots\dots \frac{17}{17} 1 \dots\dots \frac{35}{36} \frac{35}{36} \dots\dots \frac{36}{35} \frac{41}{39} \dots\dots 1$$

Bài 2: Từ 3 số: 5, 7, 12, hãy viết các phân số có tử số và mẫu số là các số đã cho.

Bài 3: Viết các phân số lớn hơn 1 và có tích của tử số và mẫu số bằng 24.

Thứ năm

Bài 1: Mỗi đoạn thẳng dưới đây đều được chia thành các phần có độ dài bằng nhau. Viết phân số thích hợp vào chỗ chấm (theo mẫu):



$$AM = \frac{5}{6} AB; \quad MB = \dots\dots\dots AB; \quad AB = \dots\dots\dots AM; \quad MB = \dots\dots\dots AM$$

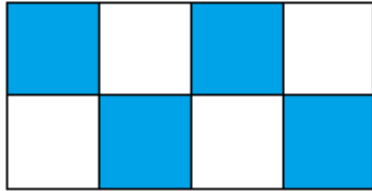
Bài 2: Hãy viết tất cả các phân số có tử số bằng 5; có mẫu số nhỏ hơn 30 và chia hết cho cả 2 và 3.

Bài 3: Tìm một phân số có tổng của tử số và mẫu số là 25, nếu thêm vào tử số 7 đơn vị và giữ nguyên mẫu số ta được một phân số có giá trị bằng 1.

PHIẾU 2 (CƠ BẢN)

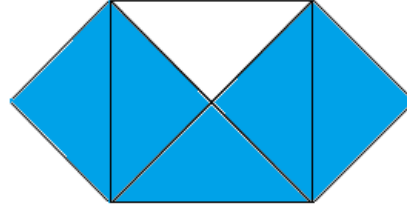
Bài 1: Viết phân số chỉ phần đã tô màu của mỗi hình dưới đây vào chỗ chấm:

a)



.....

b)



.....

Bài 2: Viết (theo mẫu)

Phân số	Tử số	Mẫu số	Đọc
$\frac{4}{5}$	4	5	bốn phần năm
$\frac{6}{10}$			
			chín phần mười bốn

Bài 3: Viết (theo mẫu):

a) Mẫu: $5:8 = \frac{5}{8}$

$4:9 = \dots\dots\dots$ $8:11 = \dots\dots\dots$ $7:15 = \dots\dots\dots$ $6:18 = \dots\dots\dots$

b) Mẫu: $12:3 = \frac{12}{3} = 4$

$15:5 = \dots\dots\dots$ $63:21 = \dots\dots\dots$ $45:9 = \dots\dots\dots$ $144:24 = \dots\dots\dots$

c) Mẫu: $4 = \frac{4}{1}$

$7 = \dots\dots\dots$ $15 = \dots\dots\dots$ $10 = \dots\dots\dots$ $0 = \dots\dots\dots$

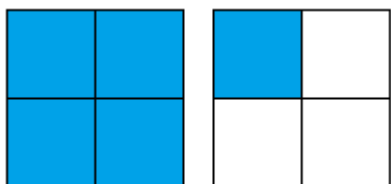
Bài 4: Viết các phân số thích hợp vào chỗ chấm:

Trong các phân số: $\frac{4}{7}; \frac{9}{5}; \frac{15}{21}; \frac{12}{12}; \frac{17}{15}; \frac{39}{39}$:

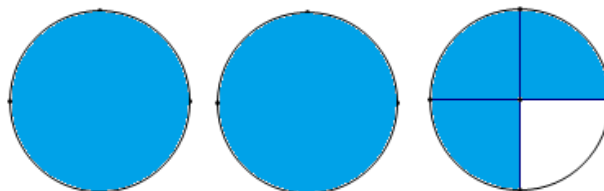
Các phân số bé hơn 1 là:
 Các phân số bằng 1 là:
 Các phân số lớn hơn 1 là:

Bài 5:

a) Viết phân số thích hợp vào chỗ chấm:

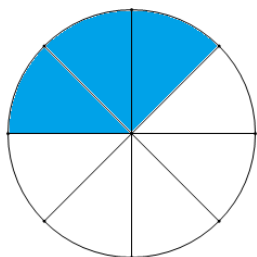


Đã tô màu hình vuông

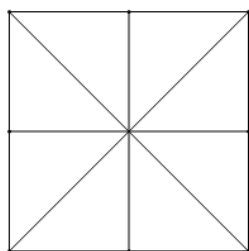


Đã tô màu hình tròn

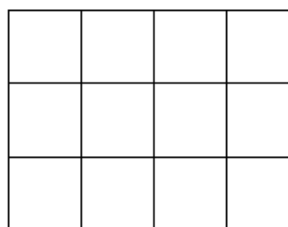
b) Tô màu vào mỗi hình dưới đây (theo mẫu):



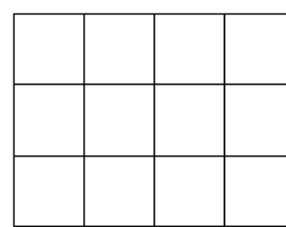
$$\frac{3}{8}$$



$$\frac{1}{2}$$



$$\frac{5}{12}$$



$$\frac{8}{12}$$

Bài 6: Viết số thích hợp vào chỗ chấm:

a) $\frac{2}{3} = \frac{2 \times 4}{3 \times 4} = \frac{\dots}{\dots}$

$\frac{5}{9} = \frac{5 \times \dots}{9 \times 3} = \frac{\dots}{\dots}$

$\frac{8}{14} = \frac{8 : 2}{14 : 2} = \frac{\dots}{\dots}$

$\frac{35}{40} = \frac{35 : 5}{40 : \dots} = \frac{\dots}{\dots}$

b) $\frac{4}{5} = \frac{12}{\dots}$;

$\frac{15}{21} = \frac{5}{\dots}$;

$\frac{3}{8} = \frac{\dots}{32}$;

$\frac{36}{24} = \frac{\dots}{4}$

Bài 7: Mỗi đoạn thẳng dưới đây đều được chia thành các phần có độ dài bằng nhau. Viết phân số thích hợp vào chỗ chấm (theo mẫu):



$$AM = \frac{5}{6}AB; \quad MB = \dots\dots AB; \quad AB = \dots\dots\dots AM; \quad MB = \dots\dots\dots AM$$

Bài 8:

a) Viết 5 phân số bé hơn 1, có mẫu số là 6 và có tử số lớn hơn 0:

.....

b) Viết 5 phân số lớn hơn 1 và có mẫu số là 7:

.....

c) Viết 5 phân số bằng phân số $\frac{6}{8}$:

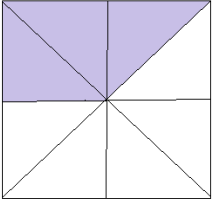
.....

d) Viết các phân số có tổng của tử số và mẫu số bằng 5:

.....

PHIẾU 3 (CƠ BẢN – NÂNG CAO)

Phần I. Trắc nghiệm

Câu	Đề bài	Đáp án
1.	Phân số chỉ phần tô đậm trong hình bên là: 	
2.	Thương của phép chia $5:7$ được viết dưới dạng phân số là:.....	
3.	Phân số bốn phần chín được viết là:	
4.	Cho các phân số: $3/4$; $5/6$; $6/7$; $7/8$; $9/10$; $11/11$; $12/11$ Phân số bằng 1 là:	
5.	Cho các phân số: $3/4$; $5/6$; $6/7$; $7/8$; $9/10$; $11/11$; $12/11$ Phân số lớn hơn 1 là:	
6.	Cho các phân số: $4/3$; $6/5$; $7/6$; $8/7$; $10/9$; $11/11$; $11/12$ Phân số bé hơn 1 là:	
7.	Cho các phân số $15/5$; $6/5$; $9/15$; $10/6$. Phân số bằng $3/5$ là phân số:	
8.	Cho các phân số: $112/115$; $305/305$; $401/400$ và $1000/1000$. Phân số lớn nhất là: ...	
9.	Phân số có mẫu số lớn nhất có thể, có tử số bằng 5 và có giá trị lớn hơn 1 là:	
10.	Phân số có tử số lớn nhất có thể, có mẫu số bằng 2015 và có giá trị nhỏ hơn 1 là:	

II. TỰ LUẬN: Trình bày chi tiết bài làm và viết đáp án vào ô trống.

Bài 11. Tìm một phân số có tổng của tử số và mẫu số là 25, nếu thêm vào tử số 7 đơn vị và giữ nguyên mẫu số ta được một phân số có giá trị bằng 1.

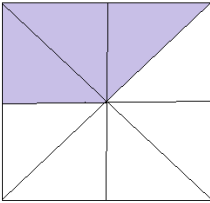
Bài giải

Bài 12: Mai vẽ một hình vuông, rồi chia thành 9 phần bằng nhau. Mai đã tô màu một số phần. Nếu Mai tô thêm 4 phần nữa thì phân số chỉ số phần Mai đã tô màu có giá trị bằng 1. Hỏi Mai đã tô màu bao nhiêu phần? Em hãy vẽ hình rồi tô màu như bạn Mai nhé!

Bài giải

PHIẾU 3 (CƠ BẢN – NÂNG CAO)

Phần I. Trắc nghiệm

Câu	Đề bài	Đáp án
11.	Phân số chỉ phần tô đậm trong hình bên là: 	3/8
12.	Thương của phép chia 5:7 được viết dưới dạng phân số là:.....	5/7
13.	Phân số bốn phần chín được viết là:	4/9
14.	Cho các phân số: 3/4; 5/6; 6/7; 7/8; 9/10; 11/11; 12/11 Phân số bằng 1 là:	11/11
15.	Cho các phân số: 3/4; 5/6; 6/7; 7/8; 9/10; 11/11; 12/11 Phân số lớn hơn 1 là:	12/11
16.	Cho các phân số: 4/3; 6/5; 7/6; 8/7; 10/9; 11/11; 11/12 Phân số bé hơn 1 là:	11/12
17.	Cho các phân số 15/5; 6/5; 9/15; 10/6. Phân số bằng 3/5 là phân số:	9/15
18.	Cho các phân số: 112/115; 305/305; 401/400 và 1000/1000. Phân số lớn nhất là: ...	401/400
19.	Phân số có mẫu số lớn nhất có thể, có tử số bằng 5 và có giá trị lớn hơn 1 là:	5/4
20.	Phân số có tử số lớn nhất có thể, có mẫu số bằng 2015 và có giá trị nhỏ hơn 1 là:	2014/2015

II. TỰ LUẬN: Trình bày chi tiết bài làm và viết đáp án vào ô trống.

Bài 11. Tìm một phân số có tổng của tử số và mẫu số là 25, nếu thêm vào tử số 7 đơn vị và giữ nguyên mẫu số ta được một phân số có giá trị bằng 1.

Bài giải

TS kém MS 7 đơn vị

Tử số là: $(25 - 7) : 2 = 9$

Mẫu số là: $9 + 7 = 16$

Phân số là: $9/16$

Đáp số: $9/16$

Bài 12: Mai vẽ một hình vuông, rồi chia thành 9 phần bằng nhau. Mai đã tô màu một số phần. Nếu Mai tô thêm 4 phần nữa thì phân số chỉ số phần Mai đã tô màu có giá trị bằng 1. Hỏi Mai đã tô màu bao nhiêu phần? Em hãy vẽ hình rồi tô màu như bạn Mai nhé!

Bài giải

Tổng số phần bằng nhau là 9 phần và phân số chỉ số phần đã tô màu lúc sau bằng 1 nên tử số bằng mẫu số hay lúc sau Mai đã tô màu 9 phần. Vậy lúc đầu Mai đã tô màu số phần là: $9 - 4 = 5$ (phần)

Đáp án: 5

HS vẽ hình vào vở.

PHIẾU 4 (NÂNG CAO)

I. PHẦN TRẮC NGHIỆM : Khoanh vào đáp án đúng

Bài 1. Rút gọn phân số $\frac{75}{100}$ ta được phân số tối giản là:

A. $\frac{7}{10}$

B. $\frac{25}{50}$

C. $\frac{15}{20}$

D. $\frac{3}{4}$

Bài 2. Chu vi và diện tích hình bình hành ABCD có cạnh AB = 2cm, cạnh BC = 4cm, chiều cao AH = 3cm lần lượt là:

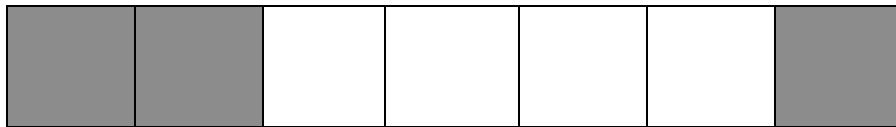
A. 12cm^2 và 6cm

B. 12cm và 12cm^2

C. 6cm^2 và 12cm

D. 12cm và 6cm

Bài 3. Phân số chỉ phần bằng giấy được tô màu là:



A. $\frac{2}{7}$

B. $\frac{3}{7}$

C. $\frac{4}{7}$

D. $\frac{1}{7}$

Bài 4. Số 5 có thể viết dưới dạng phân số là:

A. $\frac{1}{5}$

B. $\frac{5}{1}$

C. $\frac{10}{50}$

D. $\frac{11}{5}$

Bài 5. Khoanh vào chữ cái trước ba phân số bằng nhau

A. $\frac{1}{3}$; $\frac{2}{6}$; $\frac{3}{6}$

B. $\frac{2}{4}$; $\frac{4}{8}$; $\frac{8}{32}$

C. $\frac{4}{3}$; $\frac{8}{6}$; $\frac{16}{6}$

D. $\frac{4}{16}$; $\frac{2}{8}$; $\frac{3}{12}$

Bài 6. Một hình bình hành có độ dài đáy 1dm 8cm, chiều cao bằng $\frac{2}{3}$ độ dài đáy. Vậy diện tích hình bình hành đó là:

A. 216cm^2

B. 108cm^2

C. 60cm^2

D. 486cm^2

II. PHẦN TỰ LUẬN

Bài 1. Viết số thích hợp vào chỗ trống.

a. $\frac{42}{54} = \frac{14}{\dots} = \frac{\dots}{9}$

b. $\frac{4}{7} = \frac{8}{\dots} = \frac{\dots}{21} = \frac{20}{\dots}$

Bài 2. Tìm phân số tối giản có giá trị bằng các phân số sau.

a. $\frac{54}{18} = \dots$

b. $\frac{72}{56} = \dots$

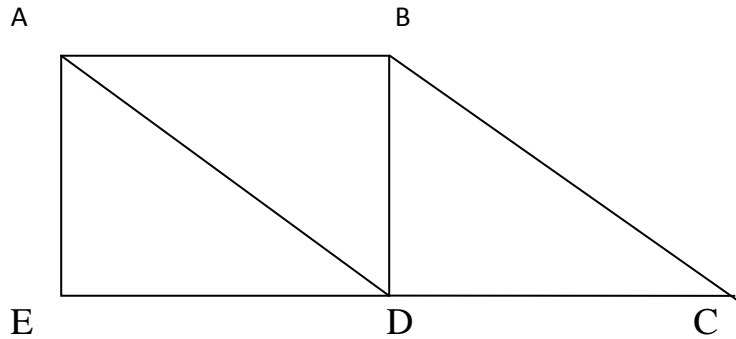
c. $\frac{23}{69} = \dots\dots\dots$

d. $\frac{42}{84} = \dots\dots\dots$

Bài 3. Hãy viết tất cả các phân số có tử số bằng 5; có mẫu số nhỏ hơn 30 và chia hết cho cả 2 và 3.

.....
.....

Bài 4. So sánh diện tích của hình chữ nhật ABDE và hình bình hành ABCD, biết AB = 12cm; BD = 8cm; AB = CD.



Bài giải

.....
.....
.....
.....
.....

Bài 5. Tìm một phân số có tổng của tử số và mẫu số bằng 14, tử số kém mẫu số 4 đơn vị

.

Bài giải

.....
.....
.....
.....
.....

ĐÁP ÁN PHIẾU 4 (NÂNG CAO)

II. PHẦN TRẮC NGHIỆM : Khoanh vào đáp án đúng

Bài 1. Rút gọn phân số $\frac{75}{100}$ ta được phân số tối giản là:

- A. $\frac{7}{10}$ B. $\frac{25}{50}$ C. $\frac{15}{20}$ D. $\frac{3}{4}$

Bài 2. Chu vi và diện tích hình bình hành ABCD có cạnh AB = 2cm, cạnh BC = 4cm, chiều cao AH = 3cm lần lượt là:

- A. 12cm^2 và 6cm B. **12cm** và **12cm^2**
C. 6cm^2 và 12cm D. 12cm và 6cm

Bài 3. Phân số chỉ phần bằng giấy được tô màu là:



- A. $\frac{2}{7}$ B. $\frac{3}{7}$ C. $\frac{4}{7}$ D. $\frac{1}{7}$

Bài 4. Số 5 có thể viết dưới dạng phân số là:

- A. $\frac{1}{5}$ B. $\frac{5}{1}$ C. $\frac{10}{50}$ D. $\frac{11}{5}$

Bài 5. Khoanh vào chữ cái trước ba phân số bằng nhau

- A. $\frac{1}{3}$; $\frac{2}{6}$; $\frac{3}{6}$ B. $\frac{2}{4}$; $\frac{4}{8}$; $\frac{8}{32}$
C. $\frac{4}{3}$; $\frac{8}{6}$; $\frac{16}{6}$ D. $\frac{4}{16}$; $\frac{2}{8}$; $\frac{3}{12}$

Bài 6. Một hình bình hành có độ dài đáy 1dm 8cm, chiều cao bằng $\frac{2}{3}$ độ dài đáy. Vậy diện tích hình bình hành đó là:

- A. **216cm^2** B. 108cm^2 C. 60cm^2 D. 486cm^2

I. PHẦN TỰ LUẬN

Bài 1. Viết số thích hợp vào chỗ trống.

- a. $\frac{42}{54} = \frac{14}{18} = \frac{7}{9}$ b. $\frac{4}{7} = \frac{8}{14} = \frac{12}{21} = \frac{20}{35}$

Bài 2. Tìm phân số tối giản có giá trị bằng các phân số sau.

- a. $\frac{54}{18} = \mathbf{3/1}$ b. $\frac{72}{56} = \mathbf{9/7}$

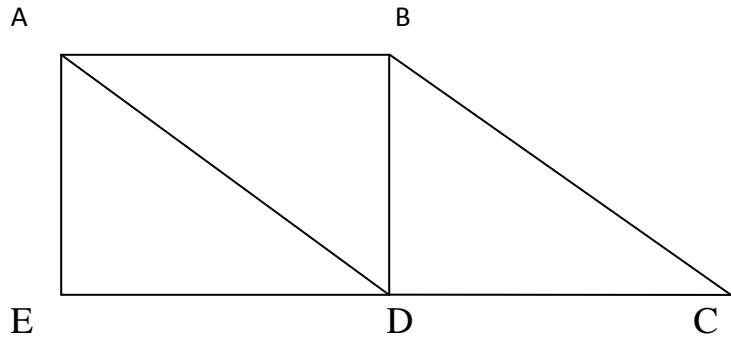
c. $\frac{23}{69} = 1/3$

d. $\frac{42}{84} = 1/2$

Bài 3. Hãy viết tất cả các phân số có tử số bằng 5; có mẫu số nhỏ hơn 30 và chia hết cho cả 2 và 3.

5/6; 5/12; 5/18; 5/24

Bài 4. So sánh diện tích của hình chữ nhật ABDE và hình bình hành ABCD, biết AB = 12cm; BD = 8cm; AB = CD.



Giải

Diện tích hình chữ nhật ABDE là: $12 \times 8 = 96 \text{ (cm}^2\text{)}$

Diện tích hình bình hành ABCD là: $12 \times 8 = 96 \text{ (cm}^2\text{)}$

Vậy hai hình có diện tích bằng nhau.

Đ/S: Bằng nhau

Bài 5. Tìm một phân số có tổng của tử số và mẫu số bằng 14, tử số kém mẫu số 4 đơn vị

Giải

Tử số là: $(14-4) : 2 = 5$

Mẫu số là: $14 - 5 = 9$

Vậy phân số đó là: $5/9$

Đ/S: $5/9$

TUẦN 21

Rút gọn phân số. Quy đồng mẫu số các phân số.

PHIẾU 1 (HƯỚNG DẪN TỰ HỌC)

Thứ hai

Bài 1: Rút gọn các phân số sau:

$$\frac{6}{10} = \dots\dots\dots \frac{70}{90} = \dots\dots\dots \frac{96}{72} = \dots\dots\dots \frac{45}{35} = \dots\dots\dots$$

Bài 2: Viết các phân số thích hợp vào chỗ chấm:

a) Trong các phân số $\frac{6}{9}; \frac{7}{8}; \frac{12}{15}; \frac{8}{11}; \frac{25}{35}; \frac{17}{21}$, phân số nào là phân số tối giản?

b) Trong các phân số $\frac{6}{8}; \frac{4}{9}; \frac{12}{9}; \frac{27}{36}; \frac{45}{60}; \frac{15}{21}$, phân số nào bằng $\frac{3}{4}$?

Bài 3: Viết các phân số thích hợp vào chỗ chấm:

Trong các phân số: $\frac{4}{7}; \frac{9}{5}; \frac{15}{21}; \frac{12}{12}; \frac{17}{15}; \frac{39}{39}$

a) Các phân số bé hơn 1 là:.....

b) Các phân số bằng 1 là:

c) Các phân số lớn hơn 1 là:

Thứ ba

Bài 1: Rút gọn các phân số sau :

$$\frac{24}{36} = \dots\dots\dots \frac{25}{100} = \dots\dots\dots$$

$$\frac{143}{132} = \dots\dots\dots \frac{3535}{3737} = \dots\dots\dots$$

Bài 2: Tính:

a) $\frac{3 \times 4 \times 7}{5 \times 3 \times 4}$

b) $\frac{2 \times 5 \times 6 \times 8}{6 \times 2 \times 8 \times 9}$

c) $\frac{4 \times 5 \times 6}{3 \times 10 \times 8}$

Bài 3: Tìm một phân số có tổng của tử số và mẫu số bằng số lớn nhất có hai chữ số. Biết nếu thêm vào tử số 22 đơn vị và thêm vào mẫu số 11 đơn vị ta được một phân số bằng 1.

Thứ tư

Bài 1: Quy đồng mẫu số các phân số:

a) $\frac{3}{4}$ và $\frac{5}{9}$ b) $\frac{5}{6}$ và $\frac{7}{18}$ c) $\frac{3}{8}$ và $\frac{7}{12}$

Bài 2:Viết tiếp vào chỗ chấm cho thích hợp:

a) Viết $\frac{4}{7}$ và 2 thành hai phân số đều có mẫu số bằng 7:

b) Viết 3 và $\frac{6}{8}$ thành hai phân số đều có mẫu số bằng 4:.....

Bài 3:Nhà Lan còn 2kg gạo, mẹ Lan mua thêm 4kg gạo nữa. Tất cả số gạo đó đủ cho nhà Lan ăn trong một tuần. Hỏi trung bình mỗi ngày nhà Lan ăn hết mấy ki-lô-gam gạo?

Thứ năm

Bài 1: Quy đồng mẫu số các phân số sau:

a) $\frac{11}{12}$ và $\frac{7}{48}$

b) $\frac{61}{200}$ và $\frac{9}{50}$

c) $\frac{1}{3}$; $\frac{2}{15}$ và $\frac{4}{45}$

Bài 2: Thực hiện các yêu cầu sau:

a) Hãy viết 4 và $\frac{9}{4}$ thành hai phân số có mẫu số chung là 12.

.....
.....

b) Hãy viết $\frac{5}{8}$; $\frac{25}{30}$ và 2 thành các phân số có mẫu số chung là 24.

.....
.....

Bài 3: Tính:

a) $\frac{8 \times 3 \times 4}{16 \times 3} =$

b) $\frac{30 \times 25 \times 7 \times 8}{75 \times 8 \times 12 \times 14} =$

PHIẾU 2 (CƠ BẢN)

Bài 1: Rút gọn các phân số:

$$\frac{6}{10} = \dots\dots\dots \quad \frac{70}{90} = \dots\dots\dots \quad \frac{96}{72} = \dots\dots\dots \quad \frac{45}{35} = \dots\dots\dots$$

Bài 2: Viết các phân số thích hợp vào chỗ chấm:

a) Trong các phân số $\frac{6}{9}; \frac{7}{8}; \frac{12}{15}; \frac{8}{11}; \frac{25}{35}; \frac{17}{21}$ có các phân số tối giản là:.....

b) Trong các phân số $\frac{6}{8}; \frac{4}{9}; \frac{12}{9}; \frac{27}{36}; \frac{45}{60}; \frac{15}{21}$ có các phân số bằng $\frac{3}{4}$ là:.....

Bài 3: Nối hai phân số bằng nhau theo mẫu:

$\frac{5}{6}$	$\frac{12}{16}$	$\frac{8}{12}$	$\frac{9}{11}$	$\frac{25}{40}$
$\frac{27}{33}$	$\frac{15}{18}$	$\frac{5}{8}$	$\frac{36}{48}$	$\frac{40}{60}$

Bài 4 : Quy đồng mẫu số các phân số sau:

a) $\frac{3}{4}$ và $\frac{5}{9}$

Ta có: $\frac{3}{4} = \dots\dots\dots$ $\frac{5}{9} = \dots\dots\dots$

Vậy: Quy đồng mẫu số của $\frac{3}{4}$ và $\frac{5}{9}$ được và

b) $\frac{5}{6}$ và $\frac{7}{18}$ (mẫu số chung là 18)

Ta có:

Vậy :

Bài 5: Viết tiếp vào chỗ chấm cho thích hợp :

a) Viết $\frac{4}{7}$ và 2 thành hai phân số đều có mẫu số bằng 7 là:

b) Viết 3 và $\frac{6}{8}$ thành hai phân số đều có mẫu số bằng 4 là:

Bài 6: Quy đồng mẫu số các phân số sau:

a) $\frac{4}{7}$ và $\frac{3}{4}$

.....
.....

b) $\frac{5}{4}$ và $\frac{5}{6}$

.....
.....

c) $\frac{1}{2}$; $\frac{2}{3}$ và $\frac{1}{6}$

.....
.....

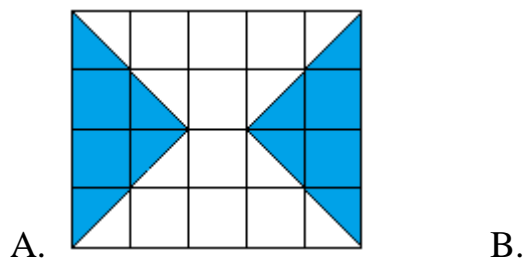
Bài 7: Tính

a) $\frac{3 \times 4 \times 7}{5 \times 3 \times 4} = \dots\dots\dots$

b) $\frac{2 \times 5 \times 6 \times 8}{6 \times 2 \times 8 \times 9} = \dots\dots\dots$

c) $\frac{4 \times 5 \times 6}{3 \times 8 \times 10} = \dots\dots\dots$

Bài 8: Khoanh tròn vào chữ đặt trước hình đã tô màu $\frac{2}{5}$ hình đó :



PHIẾU 3 (CƠ BẢN VÀ NÂNG CAO)

I. Trắc nghiệm:

Câu	Đề bài	Đáp án
1	Trong các phân số $3/4$; $1/3$; $7/9$; $19/17$, phân số bằng phân số $12/16$ là: ...	
2	Trong các phân số $12/15$; $3/12$; $5/13$; $18/21$, phân số tối giản là: ...	
3	Viết 3 và $5/7$ thành hai phân số có mẫu số bằng 28 là ... và $20/28$.	
4	Quy đồng mẫu số của $1/20$ và $2/5$ ta được $1/20$ và ...	
5	Tìm một phân số có tổng của tử số và mẫu số là 30. Tử số bé hơn mẫu số 4 đơn vị. Phân số đó là: ...	
6	Tính: $(2 \times 5 \times 7)/(3 \times 7 \times 5) = \dots$	
7	Rút gọn phân số $12/28$ ta được phân số tối giản là: ...	
8	Nhân cả tử số và mẫu số của phân số $5/13$ với 4 ta được phân số: ...	
9	Quy đồng mẫu số hai phân số $3/8$ và $5/12$ ta được hai phân số $9/24$ và phân số: ...	
10	Khi nhân cả tử số và mẫu số của một phân số với 8 ta được một phân số mới. Khi chia cả tử số và mẫu số của phân số mới cho 16 ta được phân số $1/2$. Phân số ban đầu là: ...	

II. Tự luận

Câu	Câu hỏi	Đáp án
11	Tính nhanh: $(1 \times 2 \times 3 \times 4 \times 5 \times \dots \times 101) / (3 \times 4 \times 5 \times 6 \times \dots \times 100)$
12	Một phân số bé hơn 1 và có tổng tử số và mẫu số bằng số lớn nhất có hai chữ số. Hiệu của tử số và mẫu số bằng số lớn nhất có một chữ số. Khi rút gọn phân số đó ta được phân số tối giản là phân số nào?

ĐÁP ÁN PHIẾU 3 (CƠ BẢN VÀ NÂNG CAO)

(Học sinh chú ý kẻ ngang phân số được viết bởi dấu / trên bàn phím)

I. Trắc nghiệm:

Câu	Đề bài	Đáp án
1	Trong các phân số $3/4$; $1/3$; $7/9$; $19/17$, phân số bằng phân số $12/16$ là: ...	$3/4$
2	Trong các phân số $12/15$; $3/12$; $5/13$; $18/21$, phân số tối giản là: ...	$5/13$
3	Viết 3 và $5/7$ thành hai phân số có mẫu số bằng 28 là ... và $20/28$.	$84/28$
4	Quy đồng mẫu số của $1/20$ và $2/5$ ta được $1/20$ và ...	$8/20$
5	Tìm một phân số có tổng của tử số và mẫu số là 30. Tử số bé hơn mẫu số 4 đơn vị. Phân số đó là: ...	$13/17$
6	Tính: $(2 \times 5 \times 7)/(3 \times 7 \times 5) = \dots$	$2/3$
7	Rút gọn phân số $12/28$ ta được phân số tối giản là: ...	$3/7$
8	Nhân cả tử số và mẫu số của phân số $5/13$ với 4 ta được phân số: ...	$20/52$
9	Quy đồng mẫu số hai phân số $3/8$ và $5/12$ ta được hai phân số $9/24$ và phân số: ...	$10/24$
10	Khi nhân cả tử số và mẫu số của một phân số với 8 ta được một phân số mới. Khi chia cả tử số và mẫu số của phân số mới cho 16 ta được phân số $1/2$. Phân số ban đầu là: ...	$2/4$

II. Tự luận

Câu	Câu hỏi	Đáp án
11	Tính nhanh: $(1 \times 2 \times 3 \times 4 \times 5 \times \dots \times 101) / (3 \times 4 \times 5 \times 6 \times \dots \times 100)$	202
12	Một phân số bé hơn 1 và có tổng tử số và mẫu số bằng số lớn nhất có hai chữ số. Hiệu của tử số và mẫu số bằng số lớn nhất có một chữ số. Khi rút gọn phân số đó ta được phân số tối giản là phân số nào?	Tử số + mẫu số = 99 Mẫu số - tử số = 9 Tử số: 45 Mẫu số: 54 Phân số: 45/54 Rút gọn: 5/6 Đáp án: 5/6

PHIẾU 4 (NÂNG CAO)

Bài 1. Tìm x, biết:

a) $\frac{x}{3} = \frac{65}{39}$

b) $\frac{x-5}{15} = \frac{42}{105}$

c) $\frac{8}{x+3} = \frac{56}{91}$

.....

.....

.....

.....

Bài 2. Tìm phân số $\frac{x}{y}$, biết tổng của x và y bằng 20 và $\frac{x}{y}$ sau khi rút gọn thì bằng $\frac{3}{2}$.

Bài giải

.....

.....

.....

.....

.....

.....

Bài 3. Tìm phân số $\frac{x}{y}$, biết hiệu của x và y bằng 12 và $\frac{x}{y}$ sau khi rút gọn thì bằng $\frac{5}{3}$.

Bài giải

.....

.....

.....

.....

.....

.....

Bài 4. Cho phân số $\frac{18}{27}$. Hỏi phải trừ đi ở tử số và mẫu số của phân số đã cho cùng một số tự nhiên nào để được phân số bằng $\frac{1}{2}$?

Bài giải

Bài 5. Cho phân số $\frac{4}{13}$. Hỏi phải cộng thêm tử số và mẫu số của phân số đã cho cùng một số tự nhiên nào để được phân số bằng $\frac{5}{8}$?

Bài giải

Bài 6. Cho phân số $\frac{4}{17}$. Hỏi phải thêm tử số và bớt đi ở mẫu số của phân số đã cho cùng một số tự nhiên nào để được phân số bằng $\frac{3}{4}$?

Bài giải

ĐÁP ÁN PHIẾU 4 (NÂNG CAO)

Bài 1. Tìm x, biết:

$$\text{a) } \frac{x}{3} = \frac{65}{39}$$

$$\frac{x \times 13}{3 \times 13} = \frac{65}{39}$$

$$\Rightarrow x \times 13 = 65 \Rightarrow x = 5$$

$$\text{b) } \frac{x-5}{15} = \frac{42}{105}$$

$$\frac{(x-5) \times 7}{15 \times 7} = \frac{42}{105}$$

$$\Rightarrow (x-5) \times 7 = 42$$

$$\Rightarrow x-5 = 6 \Rightarrow x = 11$$

$$\text{c) } \frac{8}{x+3} = \frac{56}{91}$$

$$\frac{8}{x+3} = \frac{56}{91}$$

$$\Rightarrow \frac{8 \times 7}{(x+3) \times 7} = \frac{56}{91}$$

$$\Rightarrow x+3 = 13 \Rightarrow x = 10$$

Bài 2. Tìm phân số $\frac{x}{y}$, biết tổng của x và y bằng 20 và $\frac{x}{y}$ sau khi rút gọn thì bằng $\frac{2}{3}$.

HD: Vì $\frac{x}{y}$ sau khi rút gọn thì bằng $\frac{2}{3}$ nên ta coi x là 2 phần bằng nhau thì y gồm 3 phần như thế.

Tổng số phần bằng nhau là: $2 + 3 = 5$ (phần)

Tử số là: $20 : 5 \times 2 = 8$

Mẫu số là: $20 - 8 = 12$. Vậy phân số đó là: $\frac{8}{12}$

Bài 3. Tìm phân số $\frac{x}{y}$, biết hiệu của x và y bằng 12 và $\frac{x}{y}$ sau khi rút gọn thì bằng $\frac{5}{3}$.

HD: Vì $\frac{x}{y}$ sau khi rút gọn thì bằng $\frac{5}{3}$ nên ta coi x là 5 phần bằng nhau thì y gồm 3 phần như thế. Hiệu số phần bằng nhau là: $5 - 3 = 2$ (phần)

Tử số là: $12 : 2 \times 5 = 30$. Mẫu số là: $30 - 12 = 18$. Vậy phân số đó là: $\frac{30}{18}$

Bài 4. Cho phân số $\frac{18}{27}$. Hỏi phải trừ đi ở tử số và mẫu số của phân số đã cho cùng một

số tự nhiên nào để được phân số bằng $\frac{1}{2}$?

HD: Hiệu của mẫu số và tử số là: $27 - 18 = 9$.

Khi trừ đi ở tử số và mẫu số của phân số $\frac{18}{27}$ cho cùng một số thì hiệu của mẫu số và tử

số không thay đổi. Phân số mới bằng $\frac{1}{2}$ nên ta có sơ đồ: (...)

Tử số = 9; Mẫu số bằng $9 \times 2 = 18$. Phân số mới là $\frac{9}{18}$.

Vậy phải bớt cả tử và mẫu đi cùng một số là: $18 - 9 = 9$. **Đáp số: 9**

Bài 5. Cho phân số $\frac{4}{13}$. Hỏi phải cộng thêm tử số và mẫu số của phân số đã cho cùng

một số tự nhiên nào để được phân số bằng $\frac{5}{8}$?

HD: Hiệu của mẫu số và tử số của phân số đã cho là: $13 - 4 = 9$

Khi thêm tử số và mẫu số của phân số đã cho cùng một số tự nhiên ta được phân số mới có hiệu không đổi.

Tử số = 5 phần, Mẫu số = 8 phần. Tử số mới là: $9 : 3 \times 5 = 15$

Mẫu số mới là: $15 + 9 = 24$. Phân số mới là: $\frac{15}{24}$.

Số phải thêm vào cả tử số và mẫu số của phân số đã cho là: $15 - 4 = 11$.

Bài 6. Cho phân số $\frac{4}{17}$. Hỏi phải thêm vào tử số và bớt đi ở mẫu số của phân số đã cho

cùng một số tự nhiên nào để được phân số bằng $\frac{3}{4}$?

HD: Tổng của tử số và mẫu số của phân số đã cho là: $4 + 17 = 21$

Khi thêm vào tử số và bớt đi ở mẫu số của phân số đã cho cùng một số thì ta được phân số mới có tổng của tử số và mẫu số vẫn bằng 21. Tử số = 3 phần; mẫu số = 4 phần.

Tử số mới là: $21 : (3+4) \times 3 = 9$

Mẫu số mới là: $21 - 9 = 12$. Phân số mới là: $\frac{9}{12}$

Số phải thêm vào tử và bớt đi ở mẫu là: $9 - 4 = 5$.

TUẦN 22

Luyện tập chung. So sánh hai phân số cùng mẫu số.

So sánh hai phân số khác mẫu số.

PHIẾU 1 (TRẮC NGHIỆM TỔNG HỢP)

Dễ	1	Mẫu số chung nhỏ nhất của các phân số $1/4; 1/6; 1/10$ là:	
	2	Quy đồng hai phân số $\frac{3}{4}$ và $\frac{3}{6}$ được phân số $3/4$ và phân số	
	3	Trong các phân số: $4/5; 7/45; 21/45; 10/45$ phân số lớn nhất là:	
	4	Số thích hợp khác 0 điền vào chỗ chấm $2/11 > \dots/11$ là:	
	5	Phân số $4/16$ bé hơn phân số nào dưới đây: $1/2; 1/5; 1/6; 1/7$	
Trung bình	6	Tìm hai phân số lớn hơn $1/3$ và bé hơn $2/3$ sao cho bốn phân số này có tử số là các số tự nhiên liên tiếp. Hai phân số đó là: 4/9 và	
	7	Điền dấu $<$; $>$; $=$ vào chỗ chấm: $5/6 \dots 6/5$	
	8	Điền dấu $<$; $>$; $=$ vào chỗ chấm: $5/4 \dots 15/24$	
	9	Điền dấu $<$; $>$; $=$ vào chỗ chấm: $3/9 \dots 25/15$	
	10	Tìm một phân số biết rằng trung bình cộng của tử số và mẫu số bằng 21 và tử số kém mẫu số 4 đơn vị. Phân số đó là:	
Khó	11	Điền dấu $<$; $>$; $=$ vào chỗ chấm: $14/27 \dots 15/26$	
	12	Điền dấu $<$; $>$; $=$ vào chỗ chấm: $2014/2015 \dots 1999/2000$	
	13	Điền dấu $<$; $>$; $=$ vào chỗ chấm: $2015/2014 \dots 2016/2015$	
	14	Tìm x sao cho: $1/3 < x/12 < 1/2$. Vậy x = ...	
	15	Có ... giá trị của x thoả mãn: $1/2 < 6/x < 3/4$	

ĐÁP ÁN PHIẾU 1 (TRẮC NGHIỆM TỔNG HỢP)

Đễ	16	Mẫu số chung nhỏ nhất của các phân số $1/4; 1/6; 1/10$ là:	60
	17	Quy đồng hai phân số $\frac{3}{4}$ và $\frac{3}{6}$ được phân số $3/4$ và phân số	$2/4$
	18	Trong các phân số: $4/5; 7/45; 21/45; 10/45$ phân số lớn nhất là:	$21/45$
	19	Số thích hợp khác 0 điền vào chỗ chấm $2/11 > \dots/11$ là:	1
	20	Phân số $4/16$ bé hơn phân số nào dưới đây: $1/2; 1/5; 1/6; 1/7$	$1/2$
Trung bình	21	Tìm hai phân số lớn hơn $1/3$ và bé hơn $2/3$ sao cho bốn phân số này có tử số là các số tự nhiên liên tiếp. Hai phân số đó là: $4/9$ và	$5/9$
	22	Điền dấu $<; >; =$ vào chỗ chấm: $5/6 \dots 6/5$	$<$
	23	Điền dấu $<; >; =$ vào chỗ chấm: $5/4 \dots 15/24$	$>$
	24	Điền dấu $<; >; =$ vào chỗ chấm: $3/9 \dots 25/15$	$<$
	25	Tìm một phân số biết rằng trung bình cộng của tử số và mẫu số bằng 21 và tử số kém mẫu số 4 đơn vị. Phân số đó là:	$19/23$
Khó	26	Điền dấu $<; >; =$ vào chỗ chấm: $14/27 \dots 15/26$	$<$
	27	Điền dấu $<; >; =$ vào chỗ chấm: $2014/2015 \dots 1999/2000$	$>$
	28	Điền dấu $<; >; =$ vào chỗ chấm: $2015/2014 \dots 2016/2015$	$>$
	29	Tìm x sao cho: $1/3 < x/12 < 1/2$. Vậy x = ...	5
	30	Có ... giá trị của x thoả mãn: $1/2 < 6/x < 3/4$	3

PHIẾU 2 (CƠ BẢN)

Bài 1: Rút gọn các phân số:

$$\frac{12}{27} = \dots\dots\dots$$

$$\frac{39}{75} = \dots\dots\dots$$

$$\frac{48}{78} = \dots\dots\dots$$

$$\frac{120}{90} = \dots\dots\dots$$

Bài 2: Quy đồng mẫu số các phân số sau:

a) $\frac{7}{9}$ và $\frac{2}{5}$

.....
.....

b) $\frac{6}{7}$ và $\frac{17}{21}$

.....
.....

c) $\frac{2}{3}$; $\frac{1}{4}$ và $\frac{5}{9}$

.....
.....

Bài 3: Điền dấu (> ; < ; =)

$$\frac{5}{8} \dots\dots \frac{6}{8}$$

$$\frac{14}{17} \dots\dots \frac{41}{17}$$

$$\frac{2}{5} \dots\dots \frac{4}{10}$$

$$\frac{15}{14} \dots\dots 1$$

$$\frac{7}{12} \dots\dots \frac{5}{12}$$

$$\frac{25}{34} \dots\dots \frac{25}{34}$$

$$\frac{7}{9} \dots\dots \frac{2}{3}$$

$$\frac{18}{23} \dots\dots 1$$

Bài 4 : Viết các phân số:

a) $\frac{3}{7}$; $\frac{2}{7}$; $\frac{5}{7}$; $\frac{4}{7}$ theo thứ tự từ bé đến lớn:

b) $\frac{5}{9}$; $\frac{2}{9}$; $\frac{7}{9}$; $\frac{8}{9}$ theo thứ tự từ lớn đến bé:

Bài 5: Viết tiếp vào chỗ chấm cho thích hợp :

a) So sánh $\frac{3}{4}$ và $\frac{5}{7}$

Quy đồng mẫu số của $\frac{3}{4}$ và $\frac{5}{7}$ được

Vì Vậy

b) So sánh $\frac{7}{8}$ và $\frac{5}{6}$

Quy đồng mẫu số của

Vì Vậy

c) So sánh $\frac{3}{4}$ và $\frac{13}{16}$

.....
.....

d) So sánh $\frac{11}{15}$ và $\frac{33}{39}$

.....
.....

Bài 6: Điền dấu ($>$; $<$; $=$)

$$\frac{9}{8} \dots \frac{8}{9}$$

$$\frac{8}{11} \dots \frac{8}{10}$$

$$\frac{13}{15} \dots \frac{11}{10}$$

$$\frac{16}{23} \dots \frac{16}{25}$$

$$\frac{10}{13} \dots \frac{19}{26}$$

$$\frac{11}{9} \dots \frac{44}{36}$$

Bài 7: Viết tiếp vào chỗ chấm:

An ăn hết $\frac{1}{3}$ cái bánh, Bình ăn hết $\frac{2}{5}$ cái bánh, Hoa ăn hết $\frac{1}{2}$ cái bánh. Hỏi ai ăn nhiều bánh nhất, ai ăn ít bánh nhất ?

Đáp số:

Bài 8: Viết tiếp vào chỗ chấm:

Tìm hai phân số vừa lớn hơn $\frac{1}{5}$ vừa bé hơn $\frac{1}{2}$.

Đáp số:

PHIẾU 3 (CƠ BẢN VÀ NÂNG CAO)

I. Trắc nghiệm:

Câu	Đề bài	Đáp án
1	Mẫu số chung nhỏ nhất của các phân số $1/4$; $1/6$; $1/10$ là: ...	
2	Quy đồng mẫu số hai phân số $3/4$ và $3/6$ được $9/12$ và ...	
3	Trong các phân số: $4/45$; $7/45$; $21/45$; $10/45$ phân số lớn nhất là: ...	
4	Số thích hợp khác 0 điền vào ô trống $2/11 > \square/11$ là: ...	
5	Phân số $4/16$ bé hơn phân số nào sau đây: $1/2$; $1/6$; $1/5$; $1/7$? Đó là phân số: ...	
6	So sánh: $766/556765/566$. Dấu thích hợp điền vào chỗ trống là: <input type="checkbox"/>	
7	An vẽ hai hình vuông bằng nhau. An chia hình vuông thứ nhất thành 4 phần bằng nhau rồi An tô màu 3 phần. An chia hình vuông thứ hai thành 12 phần bằng nhau. Hỏi An phải tô màu mấy phần ở hình thứ hai để diện tích phần đã tô màu ở hai hình bằng nhau? An cần tô phần.	
8	Viết phép chia $181818 : 545454$ thành phân số rồi rút gọn phân số này ta được phân số tối giản là:	
9*	Tìm một phân số lớn hơn $1/3$ và bé hơn $2/3$ sao cho tử số và mẫu số bé nhất có thể. Đó là phân số:	
10*	Tìm một phân số, biết nếu thêm 8 đơn vị vào tử số và giữ nguyên mẫu số ta được phân số mới bằng 1, còn nếu bớt cả tử số và mẫu số 6 đơn vị ta được phân số bằng $1/3$. Phân số cần tìm là:	

II. Tự luận

Câu	Câu hỏi	Đáp án
11	Trình bày chi tiết cách sắp xếp các phân số sau theo thứ tự từ bé đến lớn rồi tìm phân số lớn nhất. $2/12$; $4/16$; $3/15$; $36/72$; $9/27$
12	Tìm một phân số biết rằng trung bình cộng của tử số và mẫu số bằng 21 và tử số kém mẫu số 4 đơn vị.

ĐÁP ÁN PHIẾU 3 (CƠ BẢN VÀ NÂNG CAO)

I. Trắc nghiệm:

Câu	Đề bài	Đáp án
1	Mẫu số chung nhỏ nhất của các phân số $1/4$; $1/6$; $1/10$ là: ...	60
2	Quy đồng mẫu số hai phân số $3/4$ và $3/6$ được $9/12$ và ...	$6/12$
3	Trong các phân số: $4/45$; $7/45$; $21/45$; $10/45$ phân số lớn nhất là: ...	$21/45$
4	Số thích hợp khác 0 điền vào ô trống $2/11 > \square / 11$ là: ...	1
5	Phân số $4/16$ bé hơn phân số nào sau đây: $1/2$; $1/6$; $1/5$; $1/7$? Đó là phân số: ...	$1/2$
6	So sánh: $766/556765/566$. Dấu thích hợp điền vào chỗ trống là:	$>$
7	An vẽ hai hình vuông bằng nhau. An chia hình vuông thứ nhất thành 4 phần bằng nhau rồi An tô màu 3 phần. An chia hình vuông thứ hai thành 12 phần bằng nhau. Hỏi An phải tô màu mấy phần ở hình thứ hai để diện tích phần đã tô màu ở hai hình bằng nhau? An cần tô phần.	9
8	Viết phép chia $181818 : 545454$ thành phân số rồi rút gọn phân số này ta được phân số tối giản là:	$1/3$
9*	Tìm một phân số lớn hơn $1/3$ và bé hơn $2/3$ sao cho tử số và mẫu số bé nhất có thể. Đó là phân số:	$1/2$
10*	Tìm một phân số, biết nếu thêm 8 đơn vị vào tử số và giữ nguyên mẫu số ta được phân số mới bằng 1, còn nếu bớt cả tử số và mẫu số 6 đơn vị ta được phân số bằng $1/3$. Phân số cần tìm là:	$10/18$

II. Tự luận

Câu	Câu hỏi	Đáp án
11	Trình bày chi tiết cách sắp xếp các phân số sau theo thứ tự từ bé đến lớn rồi tìm phân số lớn nhất. $2/12$; $4/16$; $3/15$; $36/72$; $9/27$.	$2/12 = 1/6$; $4/16 = 1/4$; $3/15 = 1/5$; $36/72 = 1/2$ và $9/27 = 1/3$. Vì $1/6 < 1/5 < 1/4 < 1/3 < 1/2$ nên thứ tự từ bé đến lớn là: $2/12$; $3/15$; $4/16$; $9/27$; $36/72$. Phân số lớn nhất là: $36/72$
12	Tìm một phân số biết rằng trung bình cộng của tử số và mẫu số bằng 21 và tử số kém mẫu số 4 đơn vị.	Tổng TS và MS là: $21 \times 2 = 42$ TS là: $(42 - 4) : 2 = 19$ MS là: $42 - 19 = 23$ PS đó là: $19/23$ Đ/S: $19/23$

PHIẾU 4 (NÂNG CAO)

Bài 1. Hãy so sánh rồi sắp xếp các phân số sau theo thứ tự từ lớn đến bé:

Bài 2. Sắp xếp các phân số sau theo thứ tự từ bé đến lớn:

a) $\frac{14}{31}; \frac{13}{31}; \frac{27}{31}; \frac{21}{31}; \frac{11}{31}$.	c) $\frac{19}{5}; \frac{19}{9}; \frac{19}{35}; \frac{19}{33}; \frac{19}{18}$.
b) $\frac{6}{7}; \frac{5}{6}; \frac{7}{8}; \frac{9}{10}; \frac{8}{9}$.	d) $\frac{7}{9}; \frac{3}{5}; \frac{1}{3}; \frac{9}{11}; \frac{11}{13}$.

Bài 3. So sánh các phân số sau bằng cách hợp lý nhất:

a) $\frac{6}{7} \dots \frac{9}{10}$; b) $\frac{2012}{2013} \dots \frac{2014}{2015}$; c) $\frac{12}{25} \dots \frac{27}{50}$. d) $\frac{15}{16} \dots \frac{7}{8}$.

Bài 4. So sánh các phân số sau bằng cách hợp lý nhất: (phân hơn)

a) $\frac{37}{34} \dots \frac{27}{24}$; b) $\frac{563}{561} \dots \frac{725}{723}$; c) $\frac{317}{315} \dots \frac{315}{313}$; d) $\frac{2013}{2012} \dots \frac{2014}{2013}$.

Bài 5. So sánh các phân số sau bằng cách hợp lý nhất: (phân số trung gian)

a) $\frac{10}{21}$ và $\frac{9}{23}$; b) $\frac{32}{33}$ và $\frac{31}{34}$; c) $\frac{44}{47}$ và $\frac{45}{46}$; d) $\frac{15}{23}$ và $\frac{70}{117}$.

b)

Bài 6. So sánh A và B, biết: $A = \frac{2013 \times 2014 - 1}{2013 \times 2014}$; $B = \frac{2014 \times 2015 - 1}{2014 \times 2015}$.

ĐÁP ÁN PHIẾU 4 (NÂNG CAO)

Bài 1. Hãy so sánh rồi sắp xếp các phân số sau theo thứ tự từ lớn đến bé:

$$\frac{8}{5}; \frac{11}{8}; \frac{16}{13}; \frac{14}{11}; \frac{21}{18}; \frac{5}{2}$$

Ta có:

$$\frac{8}{5} - 1 = \frac{3}{5}; \quad \frac{11}{8} - 1 = \frac{3}{8}; \quad \frac{16}{13} - 1 = \frac{3}{13}; \quad \frac{14}{11} - 1 = \frac{3}{11}; \quad \frac{21}{18} - 1 = \frac{3}{18}; \quad \frac{5}{2} - 1 = \frac{3}{2}$$

$$\text{Vì } \frac{3}{18} < \frac{3}{13} < \frac{3}{11} < \frac{3}{8} < \frac{3}{5} < \frac{3}{2} \text{ nên } \frac{21}{18} < \frac{16}{13} < \frac{14}{11} < \frac{11}{8} < \frac{8}{5} < \frac{5}{2}.$$

Bài 2. Sắp xếp các phân số sau theo thứ tự từ bé đến lớn:

e) $\frac{14}{31}; \frac{13}{31}; \frac{27}{31}; \frac{21}{31}; \frac{11}{31}$

Cùng mẫu số, tử lớn hơn thì p/s lớn hơn.

$$\frac{11}{31} < \frac{13}{31} < \frac{14}{31} < \frac{21}{31} < \frac{27}{31}$$

f) $\frac{6}{7}; \frac{5}{6}; \frac{7}{8}; \frac{9}{10}; \frac{8}{9}$

Phản bù: $\frac{5}{6} < \frac{6}{7} < \frac{7}{8} < \frac{8}{9} < \frac{9}{10}$

g) $\frac{19}{5}; \frac{19}{9}; \frac{19}{35}; \frac{19}{33}; \frac{19}{18}$

Cùng tử số

$$\frac{19}{35} < \frac{19}{33} < \frac{19}{18} < \frac{19}{9} < \frac{19}{5}$$

h) $\frac{7}{9}; \frac{3}{5}; \frac{1}{3}; \frac{9}{11}; \frac{11}{13}$

Tách $1 - \frac{7}{9} = \frac{2}{9}; 1 - \frac{3}{5} = \frac{2}{5} \dots$

$$\Rightarrow \frac{1}{3} < \frac{3}{5} < \frac{7}{9} < \frac{9}{11} < \frac{11}{13}$$

Bài 3. So sánh các phân số sau bằng cách hợp lý nhất:

b) $\frac{6}{7} < \frac{9}{10}$;

b) $\frac{2012}{2013} < \frac{2014}{2015}$;

c) $\frac{12}{25} < \frac{27}{50}$.

d) $\frac{15}{16} > \frac{7}{8}$.

Bài 4. So sánh các phân số sau bằng cách hợp lý nhất: (phần hơn)

c) $\frac{37}{34} < \frac{27}{24}$;

b) $\frac{563}{561} > \frac{725}{723}$;

c) $\frac{317}{315} < \frac{315}{313}$;

d) $\frac{2013}{2012} > \frac{2014}{2013}$.

Bài 5. So sánh các phân số sau bằng cách hợp lý nhất: (phân số trung gian)

a) $\frac{10}{21}$ và $\frac{9}{23}$; b) $\frac{32}{33}$ và $\frac{31}{34}$; c) $\frac{44}{47}$ và $\frac{45}{46}$; d) $\frac{15}{23}$ và $\frac{70}{117}$.

HD: a) Ta có: $\frac{10}{21} > \frac{10}{23}$ mà $\frac{10}{23} > \frac{9}{23} \Rightarrow \frac{10}{21} > \frac{9}{23}$

d) $\frac{32}{33} > \frac{32}{34}$ mà $\frac{32}{34} > \frac{31}{34} \Rightarrow \frac{32}{33} > \frac{31}{34}$. c) Tương tự: $\frac{44}{47} < \frac{45}{46}$;

d) Ta có: $\frac{15}{23} = \frac{15 \times 5}{23 \times 5} = \frac{75}{115}$. So sánh $\frac{75}{115}$ và $\frac{70}{117} \Rightarrow \frac{70}{117} < \frac{70}{115} < \frac{75}{115} \Rightarrow \frac{15}{23} > \frac{70}{117}$.

Bài 6. So sánh A và B, biết: $A = \frac{2013 \times 2014 - 1}{2013 \times 2014}$; $B = \frac{2014 \times 2015 - 1}{2014 \times 2015}$.

Ta có:

$$A = \frac{2013 \times 2014 - 1}{2013 \times 2014} = \frac{2013 \times 2014}{2013 \times 2014} - \frac{1}{2013 \times 2014} = 1 - \frac{1}{2013 \times 2014};$$

$$B = \frac{2014 \times 2015 - 1}{2014 \times 2015} = \frac{2014 \times 2015}{2014 \times 2015} - \frac{1}{2014 \times 2015} = 1 - \frac{1}{2014 \times 2015}$$

mà $\frac{1}{2013 \times 2014} > \frac{1}{2014 \times 2015} \Rightarrow A < B$

TUẦN 23

Luyện tập chung. Phép cộng phân số PHIẾU 1 (HƯỚNG DẪN TỰ HỌC)

Thứ hai

Bài 1: So sánh các phân số dưới đây bằng cách thuận tiện nhất:

a, $\frac{5}{4}$ và $\frac{12}{16}$

b, $\frac{4}{3}$ và $\frac{98}{99}$

c, $\frac{6}{7}$ và $\frac{7}{6}$

Bài 2: Cho các phân số sau $\frac{2}{3}$; $\frac{5}{5}$; $\frac{3}{4}$; $\frac{3}{2}$; $\frac{3}{5}$; $\frac{2}{5}$. Không quy đồng mẫu số, sắp xếp các phân số trên theo thứ tự từ lớn đến bé.

Bài 3: Viết số thích hợp vào chỗ chấm :

a) $\frac{72}{84} = \frac{\dots}{42} = \frac{6}{\dots} = \frac{\dots}{14}$

b) $\frac{135}{120} = \frac{\dots}{8} = \frac{18}{\dots} = \frac{63}{\dots}$

Thứ ba

Bài 1: Không quy đồng mẫu số, so sánh các phân số sau :

a, $\frac{5}{4}$ và $\frac{3}{7}$

b, $\frac{12}{24}$ và $\frac{7}{14}$

c, $\frac{16}{5}$ và 3

d, $\frac{22}{33}$ và $\frac{6}{9}$

Bài 2: Tính nhanh

a) $\frac{64 \times 15 \times 9}{72 \times 45 \times 6}$

b) $\frac{4242 \times 12 \times 15}{2121 \times 15 \times 20}$

Bài 3: Cho phân số $\frac{19}{42}$. Tìm một số sao cho khi tử số của phân số đã cho trừ đi số đó và giữ nguyên mẫu số thì được phân số mới bằng $\frac{3}{7}$.

Thứ tư

Bài 1: Tính

a, $\frac{5}{11} + \frac{4}{11}$

b, $\frac{10}{11} + \frac{9}{10}$

c, $\frac{15}{30} + \frac{7}{30}$

Bài 2: Một xe ô tô giờ đầu chạy được $\frac{2}{9}$ quãng đường, giờ thứ hai chạy được quãng đường, giờ thứ ba chạy được $\frac{1}{9}$ quãng đường. Hỏi trong ba giờ ô tô chạy $\frac{3}{9}$ được bao nhiêu phần quãng đường?

Bài 3: Cho phân số $\frac{37}{45}$. Tìm một số tự nhiên sao cho khi tử số đã cho cộng với số đó và giữ nguyên mẫu số thì được phân số mới bằng $\frac{8}{9}$.

Thứ năm

Bài 1: Tính

a, $\frac{1}{2} + \frac{1}{3}$

b, $\frac{3}{5} + \frac{11}{15}$

c, $\frac{3}{4} + \frac{5}{6}$

Bài 2: Một tấm tôn hình chữ nhật có chiều dài là $\frac{2}{3}$ m, chiều rộng là $\frac{1}{4}$ m. Tính chu vi của tấm tôn đó.

Bài 3: Tính bằng cách thuận tiện nhất :

a) $\frac{1}{5} + \frac{5}{9} + \frac{4}{5} + \frac{1}{9} + \frac{3}{9}$

b) $\frac{1}{3} + \frac{1}{6} + \frac{4}{3} + \frac{2}{6} + \frac{2}{3} + \frac{5}{6}$

PHIẾU 2 (TRẮC NGHIỆM TỔNG HỢP)

Dễ	1	Cho các số 2724; 9856; 78 930; 3615; 96 7530. Số chia hết cho cả 2; 5; 3 và 9 là:.....	
	2	Trong các phân số 50/100; 21/35; 15/60; 8/20 phân số bằng 1/4 là:	
	3	Trong các phân số 20/92; 23/32; 21/83; 6/5; 7/9 có bao nhiêu phân số bé hơn 1? Có phân số bé hơn 1.	
	4	Trong các phân số 1/2; 4/5; 3/6; 9/2; 11/2 phân số lớn nhất là:.....	
	5	Một lớp có 30 học sinh, trong đó có: 15 học sinh giỏi, còn lại là học sinh khá và trung bình. Phân số tối giản chỉ phần học sinh giỏi trong số học sinh của cả tổ đó là:.....	

	6	Tính: $2/11 + 3/11$. Phân số tối giản chỉ kết quả của tổng trên là:	
Trung bình	7	Tính: $1/2 + 1/3 = \dots\dots$. Phân số tối giản chỉ kết quả của tổng trên là:	
	8	Một hình chữ nhật có chiều dài $2/3$ m và chiều rộng $1/3$ m. Chu vi của hình chữ nhật đó là:m.	
	9	Tính bằng cách thuận tiện nhất: $3/4 + 2/7 + 1/4 + 1/7 + 4/7 = \dots$	
	10	Tính bằng cách thuận tiện nhất: $1/3 + 1/4 + 1/5 + 8/10 + 15/20 + 20/30 = \dots$	
Khó	11	Với bốn chữ số 0; 1; 2; 5 lập được số lớn nhất có ba chữ số chia hết cho 2 và 5 là:	
	12	Cho ba chữ số 2; 4; 5. Từ ba chữ số đã cho có số có ba chữ số chia hết cho 5.	
	13	Mẹ mua về một chai dầu. Sau khi dùng $1/4$ l và $1/6$ l dầu thì trong chai còn $7/12$ l dầu. Lượng dầu lúc đầu ở trong chai dầu mẹ mua về là:l dầu.	
	14	Tính tổng bằng cách hợp lí: $1/(1 \times 2) + 1/(2 \times 3) + 1/(3 \times 4) + 1/(4 \times 5) + 1/(5 \times 6)$. Phân số tối giản chỉ giá trị của biểu thức trên là: ...	
	15	Biết rằng $1/a - 1/b = 2/63$; a, b là hai số tự nhiên lẻ liên tiếp ($a < b$). Trung bình cộng của a và b là:	

ĐÁP ÁN PHIẾU 2 (TRẮC NGHIỆM TỔNG HỢP)

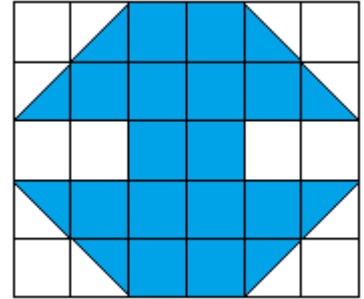
Dễ	1	Cho các số 2724; 9856; 78 930; 3615; 96 7530. Số chia hết cho cả 2; 5; 3 và 9 là:.....	78930
	2	Trong các phân số $50/100$; $21/35$; $15/60$; $8/20$ phân số bằng $1/4$ là:	$15/60$
	3	Trong các phân số $20/92$; $23/32$; $21/83$; $6/5$; $7/9$ có bao nhiêu phân số bé hơn 1? Có phân số bé hơn 1.	4
	4	Trong các phân số $1/2$; $4/5$; $3/6$; $9/2$; $11/2$ phân số lớn nhất là:.....	$11/2$
	5	Một lớp có 30 học sinh, trong đó có: 15 học sinh giỏi, còn lại là học sinh khá và trung bình. Phân số tối giản chỉ phần học sinh giỏi trong số học sinh của cả tổ đó là:.....	$1/2$
	6	Tính: $2/11 + 3/11$. Phân số tối giản chỉ kết quả của tổng trên là:	$5/11$
Trung bình	7	Tính: $1/2 + 1/3 = \dots\dots$. Phân số tối giản chỉ kết quả của tổng trên là:	$5/6$
	8	Một hình chữ nhật có chiều dài $2/3$ m và chiều rộng $1/3$ m. Chu vi của hình chữ nhật đó là:m.	2
	9	Tính bằng cách thuận tiện nhất: $3/4 + 2/7 + 1/4 + 1/7 + 4/7 = \dots$	2
	10	Tính bằng cách thuận tiện nhất: $1/3 + 1/4 + 1/5 + 8/10 + 15/20 + 20/30 = \dots$	3
Khó	11	Với bốn chữ số 0; 1; 2; 5 lập được số lớn nhất có ba chữ số chia hết cho 2 và 5 là:	520
	12	Cho ba chữ số 2; 4; 5. Từ ba chữ số đã cho có số có ba chữ số chia hết cho 5.	9
	13	Mẹ mua về một chai dầu. Sau khi dùng $1/4$ l và $1/6$ l dầu thì trong chai còn $7/12$ l dầu. Lượng dầu lúc đầu ở trong chai dầu mẹ mua về là:l dầu.	1
	14	Tính tổng bằng cách hợp lí: $1/(1 \times 2) + 1/(2 \times 3) + 1/(3 \times 4) + 1/(4 \times 5) + 1/(5 \times 6)$. Phân số tối giản chỉ giá trị của biểu thức trên là: ...	$5/6$
	15	Biết rằng $1/a - 1/b = 2/63$; a, b là hai số tự nhiên lẻ liên tiếp ($a < b$). Trung bình cộng của a và b là:	8

PHIẾU 3 (CƠ BẢN)

Bài 1: Khoanh trong chữ cái trước câu trả lời đúng:

a) Phân số chỉ phần đã tô màu của hình bên là:

- A. $\frac{2}{3}$ B. $\frac{3}{2}$ C. $\frac{3}{5}$ D. $\frac{5}{3}$



b) Phân số nào dưới đây bằng $\frac{4}{7}$?

- A. $\frac{12}{25}$ B. $\frac{20}{35}$ C. $\frac{8}{11}$ D. $\frac{16}{21}$

c) Phân số nào dưới đây lớn hơn 1?

- A. $\frac{10}{11}$ B. $\frac{12}{11}$ C. $\frac{15}{15}$ D. $\frac{7}{8}$

d) Phân số nào dưới đây lớn nhất?

- A. $\frac{5}{8}$ B. $\frac{1}{2}$ C. $\frac{6}{11}$ D. $\frac{9}{16}$

Bài 2: Viết số thích hợp vào ô trống sao cho:

a) $68\boxed{}$ chia hết cho 5 nhưng không chia hết cho 2.

b) $98\boxed{}$ chia hết cho cả 2 và 5

c) $82\boxed{}$ chia hết cho cả 2 và 9

d) $98\boxed{}$ chia hết cho cả 3 và 5

Bài 3: Tính:

a) $\frac{3}{5} + \frac{1}{5} = \dots\dots\dots$

$\frac{2}{9} + \frac{5}{9} = \dots\dots\dots$

$\frac{9}{16} + \frac{7}{16} = \dots\dots\dots$

$\frac{14}{17} + \frac{5}{17} = \dots\dots\dots$

$$\text{b) } \frac{2}{3} + \frac{4}{5} = \dots\dots\dots$$

$$\frac{3}{5} + \frac{7}{8} = \dots\dots\dots$$

Bài 4: Tính:

$$\text{a) } \frac{2}{3} + \frac{7}{12} = \dots\dots\dots$$

$$\frac{25}{48} + \frac{11}{24} = \dots\dots\dots$$

$$\text{b) } \frac{5}{7} + \frac{3}{18} = \dots\dots\dots$$

$$\frac{15}{24} + \frac{12}{16} = \dots\dots\dots$$

$$\text{c) } \frac{5}{6} + \frac{3}{4} = \dots\dots\dots$$

$$\frac{3}{8} + \frac{7}{12} = \dots\dots\dots$$

Bài 5: Đúng ghi Đ, sai ghi S

a) $\frac{3}{8} + \frac{4}{8} = \frac{7}{8}$ <input type="checkbox"/>	b) $\frac{4}{7} + \frac{3}{5} = \frac{7}{12}$ <input type="checkbox"/>
c) $\frac{5}{8} + \frac{3}{5} = \frac{45}{40}$ <input type="checkbox"/>	d) $\frac{2}{3} + \frac{3}{4} = \frac{17}{12}$ <input type="checkbox"/>

Bài 6: Tính:

$$\text{a) } \frac{5}{18} + \frac{7}{18} + \frac{11}{18} = \dots\dots\dots$$

$$= \dots\dots\dots$$

$$\text{b) } \frac{1}{2} + \frac{1}{3} + \frac{5}{9} = \dots\dots\dots$$

$$= \dots\dots\dots$$

Bài 7: Một ô tô giờ đầu đi được $\frac{2}{5}$ quãng đường, giờ thứ hai đi được hơn giờ đầu $\frac{1}{7}$ quãng đường. Hỏi sau hai giờ, ô tô đi được bao nhiêu phần của quãng đường ?

Bài giải

Bài 8: Viết phân số $\frac{5}{6}$ thành tổng hai phân số tối giản.

Bài giải

PHIẾU 4 (CƠ BẢN VÀ NÂNG CAO)

I. PHẦN TRẮC NGHIỆM:

Bài	Đề bài	Đáp án
1	Trong các số: 1820; 3675; 954000; 47206, số chia hết cho cả 2, 3, 5 và 9 là:	
2	Trong các phân số: $13/26$; $14/27$; $16/28$; $18/28$; $25/35$, phân số tối giản là:	
3	Dấu thích hợp điền vào chỗ trống: $13/16 \dots 24/16$ là:	
4	Tổng của ba phân số: $1/5$; $1/6$; $5/8$ là:	
5	Số thích hợp điền vào chỗ trống $13/15 + 14/15 = 27/.....$ là:	
6	Số thích hợp điền vào chỗ trống: $5/8 + 7/8 = 3/.....$ là:	
7	An ăn hết $1/3$ cái bánh, Bình ăn hết $2/5$ cái bánh, Cường ăn hết $4/15$ cái bánh. Cả ba bạn ăn hết cái bánh. Số thích hợp điền vào chỗ trống là:	
8	Có 11 viên bi xanh, 15 viên bi đỏ và 19 viên bi vàng. Phân số chỉ phần bi vàng so với tổng số bi là:	
9	Tổng của hai phân số là $14/25$. Nếu thêm vào phân số thứ nhất $3/5$ và giữ nguyên phân số thứ hai thì tổng hai phân số lúc này là:	
10	Số tự nhiên lớn nhất có 8 chữ số chia hết cho 2; 3; 5; 9 là:	

II. PHẦN TỰ LUẬN: Làm bài chi tiết vào vở rồi điền đáp án vào ô trống

Bài 11. Đội I nhận sửa $1/5$ quãng đường; đội II nhận sửa hơn đội I là $1/20$ quãng đường đó; đội III nhận sửa đoạn đường bằng cả hai đội kia gộp lại. Hỏi cả ba đội nhận sửa được bao nhiêu phần quãng đường?

Cả ba đội nhận sửa được quãng đường. Phân số thích hợp điền vào chỗ chấm là:

Bài giải

--	--

Bài 12. Người ta mở vòi thứ nhất chảy vào bể, sau một giờ chảy được $\frac{2}{7}$ bể. Đóng vòi thứ nhất lại và mở tiếp vòi thứ hai, sau một giờ chảy được $\frac{4}{9}$ bể. Nếu bể đầy nước chứa 6300l nước thì lượng nước hai vòi đó đã chảy vào bể là.....l nước. Số thích hợp điền vào chỗ trống là:

Bài giải

ĐÁP ÁN PHIẾU 4 (CƠ BẢN VÀ NÂNG CAO)

II. PHẦN TRẮC NGHIỆM:

Bài	Đề bài	Đáp án
1	Trong các số: 1820; 3675; 954000; 47206, số chia hết cho cả 2, 3, 5 và 9 là:	954000
2	Trong các phân số: $13/26$; $14/27$; $16/28$; $18/28$; $25/35$, phân số tối giản là:	$14/27$
3	Dấu thích hợp điền vào chỗ trống: $13/16$ $24/16$ là:	<
4	Tổng của ba phân số: $1/5$; $1/6$; $5/8$ là:	$119/120$
5	Số thích hợp điền vào chỗ trống $13/15 + 14/15 = 27/.....$ là:	15
6	Số thích hợp điền vào chỗ trống: $5/8 + 7/8 = 3/.....$ là:	2
7	An ăn hết $1/3$ cái bánh, Bình ăn hết $2/5$ cái bánh, Cường ăn hết $4/15$ cái bánh. Cả ba bạn ăn hết cái bánh. Số thích hợp điền vào chỗ trống là:	1
8	Có 11 viên bi xanh, 15 viên bi đỏ và 19 viên bi vàng. Phân số chỉ phần bi vàng so với tổng số bi là:	$19/45$
9	Tổng của hai phân số là $14/25$. Nếu thêm vào phân số thứ nhất $3/5$ và giữ nguyên phân số thứ hai thì tổng hai phân số lúc này là:	$29/25$
10	Số tự nhiên lớn nhất có 8 chữ số chia hết cho 2; 3; 5; 9 là:	99999990

II. PHẦN TỰ LUẬN: Làm bài chi tiết vào vở rồi điền đáp án vào ô trống

Bài 11. Đội I nhận sửa $1/5$ quãng đường; đội II nhận sửa hơn đội I là $1/20$ quãng đường đó; đội III nhận sửa đoạn đường bằng cả hai đội kia gộp lại. Hỏi cả ba đội nhận sửa được bao nhiêu phần quãng đường?

Cả ba đội nhận sửa được quãng đường. Phân số thích hợp điền vào chỗ chấm là:

Bài làm

Đội II sửa được: $1/5 + 1/20 = 1/4$ (quãng đường)

Đội III sửa được: $1/5 + 1/4 = 9/20$ (quãng đường)

Cả ba đội sửa được: $1/5 + 1/4 + 9/20 = 9/10$ (quãng đường)

Đáp án: $9/10$

Bài 12. Người ta mở vòi thứ nhất chảy vào bể, sau một giờ chảy được $2/7$ bể. Đóng vòi thứ nhất lại và mở tiếp vòi thứ hai, sau một giờ chảy được $4/9$ bể. Nếu bể đầy nước chứa $6300l$ nước thì lượng nước hai vòi đó đã chảy vào bể là..... l nước. Số thích hợp điền vào chỗ trống là:

Bài làm

Cả hai vòi chảy được: $2/7 + 4/9 = 46/63$ (bể nước)

Coi bể nước đầy là 63 phần bằng nhau thì giá trị một phần là: $6300 : 63 = 100$ (l)

Lượng nước hai vòi đã chảy được là: $100 \times 46 = 4600$ (l)

Đáp án: 4600

b) $\frac{5}{3} - \frac{4}{5} = \dots\dots\dots$
 $\frac{6}{7} - \frac{5}{8} = \dots\dots\dots$

Bài 5: Tính:

a) $3 - \frac{5}{3} = \dots\dots\dots$

$\frac{15}{7} - 2 = \dots\dots\dots$

b) $\frac{36}{21} - \frac{15}{20} = \dots\dots\dots$

$\frac{63}{45} - \frac{20}{25} = \dots\dots\dots$

Bài 6: Tìm x :

a) $x + \frac{3}{5} = \frac{7}{6}$

b) $\frac{4}{9} - x = \frac{1}{3}$

.....

.....

Bài 7: Tính bằng cách thuận tiện nhất :

a) $\frac{13}{19} + \frac{18}{19} + \frac{17}{19} = \dots\dots\dots$

b) $\frac{3}{5} + \frac{3}{16} + \frac{13}{16} = \dots\dots\dots$

=

=

=

=

Bài 8: Chu vi một tấm bìa hình chữ nhật là 4m, Chiều rộng là $\frac{5}{6}$ m. Tính chiều dài của tấm bìa đó.

Bài giải

.....

PHIẾU 2

I. PHẦN TRẮC NGHIỆM: Điền đáp án vào ô trống.

Bài	Đề bài	Đáp án
1	Kết quả của phép tính $\frac{5}{4} + \frac{17}{12}$ (kết quả viết dưới dạng phân số tối giản) là:	
2	Một hình chữ nhật có chiều dài là 1m, chiều rộng là $\frac{7}{10}$ m. Nửa chu vi hình chữ nhật là....m. Phân số thích hợp điền vào chỗ chấm là:	
3	Kết quả của phép tính: $\frac{3}{5} - \frac{1}{5}$ là:	
4	Kết quả của phép tính $\frac{17}{18} - \frac{1}{6}$ (kết quả viết dưới dạng phân số tối giản) là:	
5	Một hình bình hành có cạnh dài là 2m, cạnh ngắn ngắn hơn cạnh dài $\frac{1}{3}$ m. nửa chu vi của hình bình hành đó là.....m. Số thích hợp điền vào chỗ chấm là:	
6	Giá trị của biểu thức $\frac{3}{4} + \frac{5}{8} - \frac{5}{6}$ là:	
7	Tìm a biết: $\frac{4}{5} - \frac{1}{a} = \frac{3}{10}$. a là:	
8	An và Mai cùng làm một công việc. Sau 2 ngày, cả hai bạn làm được $\frac{4}{7}$ công việc. Hỏi hai bạn cần phải làm bao nhiêu phần công việc nữa để hoàn thành công việc. Hai bạn cần làm thêmcông việc nữa. Phân số thích hợp điền vào chỗ chấm là:	
9*	Kết quả của phép tính (viết phân số tối giản): $\frac{1}{2 \times 3} + \frac{1}{3 \times 4} + \frac{1}{4 \times 5} + \frac{1}{5 \times 6} + \dots + \frac{1}{9 \times 10}$ là:	
10*	Kết quả của phép tính : $\frac{1}{7} + \frac{2}{9} + \frac{3}{10} + \frac{7}{9} + \frac{6}{7} + \frac{7}{10}$	

II. PHẦN TỰ LUẬN: Trình bày chi tiết bài làm rồi điền đáp án vào ô trống.

Bài 11. Ba vòi cùng chảy vào một bể. Vòi thứ nhất mỗi giờ chảy được $\frac{1}{5}$ bể, vòi thứ hai mỗi giờ chảy được $\frac{1}{6}$ bể, vòi thứ ba mỗi giờ chảy được $\frac{1}{3}$ bể. Hỏi sau một giờ còn bao nhiêu phần bể chưa có nước?

Bài giải

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

Bài 12. Ba người thợ được thưởng một số tiền. Người thứ nhất được $\frac{3}{8}$ số tiền, người thứ hai được $\frac{3}{10}$ số tiền. Hỏi người thứ ba được bao nhiêu phần số tiền đó?

Bài giải

.....

.....

.....

.....

.....

.....

ĐÁP ÁN

I. PHẦN TRẮC NGHIỆM: Điền đáp án vào ô trống.

Bài	Đề bài	Đáp án
1	Kết quả của phép tính $5/4 + 17/12$ (kết quả viết dưới dạng phân số tối giản) là:	8/3
2	Một hình chữ nhật có chiều dài là 1m, chiều rộng là $7/10$ m. Nửa chu vi hình chữ nhật là...m. Phân số thích hợp điền vào chỗ chấm là:	17/10
3	Kết quả của phép tính: $3/5 - 1/5$ là:	2/5
4	Kết quả của phép tính $17/18 - 1/6$ (kết quả viết dưới dạng phân số tối giản) là:	7/9
5	Một hình bình hành có cạnh dài là 2m, cạnh ngắn ngắn hơn cạnh dài $1/3$ m. nửa chu vi của hình bình hành đó là.....m. Số thích hợp điền vào chỗ chấm là:	11/3
6	Giá trị của biểu thức $3/4 + 5/8 - 5/6$ là:	13/24
7	Tìm a biết: $4/5 - 1/a = 3/10$. a là:	2
8	An và Mai cùng làm một công việc. Sau 2 ngày, cả hai bạn làm được $4/7$ công việc. Hỏi hai bạn cần phải làm bao nhiêu phần công việc nữa để hoàn thành công việc. Hai bạn cần làm thêmcông việc nữa. Phân số thích hợp điền vào chỗ chấm là:	3/7
9*	Kết quả của phép tính (viết phân số tối giản): $1/(2 \times 3) + 1/(3 \times 4) + 1/(4 \times 5) + \dots + 1/(9 \times 10)$ là:	2/5
10*	Kết quả của phép tính : $1/7 + 2/9 + 3/10 + 7/9 + 6/7 + 7/10$	3

II. PHẦN TỰ LUẬN: Trình bày chi tiết bài làm rồi điền đáp án vào ô trống.

Bài 11. Ba vòi cùng chảy vào một bể. Vòi thứ nhất mỗi giờ chảy được $1/5$ bể, vòi thứ hai mỗi giờ chảy được $1/6$ bể, vòi thứ ba mỗi giờ chảy được $1/3$ bể. Hỏi sau một giờ còn bao nhiêu phần bể chưa có nước?

Sau một giờ số phần bể chưa có nước là:....bể nước. Phân số thích hợp điền vào chỗ chấm là:

Bài làm

1 giờ cả ba vòi chảy được: $1/5 + 1/6 + 1/3 = 7/10$ (bể)

Số phần bể chưa có nước: $1 - 7/10 = 3/10$ (bể)

Đáp án: $3/10$

Bài 12. Ba người thợ được thưởng một số tiền. Người thứ nhất được $3/8$ số tiền, người thứ hai được $3/10$ số tiền. Hỏi người thứ ba được bao nhiêu phần số tiền đó?

Người thứ ba đượcsố tiền . Phân số thích hợp điền vào chỗ chấm là:

Bài làm

Hai người đầu được: $3/8 + 3/10 = 27/40$ (số tiền)

Người thứ ba được: $1 - 27/40 = 13/40$ (số tiền)Đáp án: $13/40$

PHIẾU 3

Dễ	1	Một hình chữ nhật có chiều dài 1m, chiều rộng $\frac{7}{10}$ m. Chu vi của hình chữ nhật đó là:m	
	2	Kết quả của phép tính: $\frac{3}{5} - \frac{1}{5}$ là:	
	3	Kết quả của phép tính: $\frac{1}{4} - \frac{3}{7} - \frac{11}{14}$ là:	
	5	$\frac{7}{5} - \frac{a}{4} = \frac{13}{20}$; a là:	
	6	Dấu thích hợp điền vào chỗ trống: $\frac{7}{5} + \frac{5}{4} + \frac{9}{8} + \frac{3}{2} \dots 4$ là:	
	Trung bình	7	Một hình bình hành có cạnh dài là 2m, cạnh ngắn ngắn hơn cạnh dài $\frac{1}{3}$ m. Nửa chu vi của hình bình hành đó là:m.
8		$\frac{23}{69} - x = \frac{17}{153}$, x là:	
9		Con bò nặng $\frac{1}{3}$ tấn, con bò nặng hơn con bê $\frac{5}{24}$ tấn. Con bê nặngtấn.	
10		Tính: $2 - \frac{7}{9} - \frac{5}{6} = \dots$ (Kết quả được viết dưới dạng phân số tối giản)	
11		$\frac{2}{3} - x = \frac{8}{21}$; x - phân số tối giản là:	
Khó	12	Cho phân số: $\frac{53}{90}$. Tìm số tự nhiên m, biết rằng khi bớt m ở tử và giữ nguyên mẫu số của phân số đã cho ta được phân số mới có giá trị bằng $\frac{5}{9}$. Vậy m là:	
	13	Một tứ giác có độ dài của ba cạnh đầu là: $\frac{2}{5}$ m, 1m, $\frac{13}{5}$ m.	

		Cạnh thứ tư có độ dài bằng $\frac{3}{5}$ tổng độ dài của ba cạnh đó. Chu vi hình thứ giác đó là:m	
	14	Con bò nặng $\frac{1}{3}$ tấn, con bò nặng hơn con bê $\frac{5}{24}$ tấn. Hỏi cả hai con nặng bao nhiêu tấn? Cả hai con nặng:tấn.	
	15	Một bể đang cạn hết nước. Nếu 2 vòi cùng chảy thì sau 4 giờ đầy bể. Nếu riêng vòi thứ nhất chảy thì sau 6 giờ đầy bể. Hỏi nếu riêng vòi thứ hai chảy thì sau mấy giờ đầy bể? Trả lời: Nếu riêng vòi thứ hai chảy thì sau.....giờ đầy bể.	
	16	Một ngày bạn Mai dành $\frac{1}{5}$ thời gian để học, $\frac{1}{3}$ thời gian để ngủ, còn lại là thời gian cho các hoạt động khác. Vậy trong một ngày, bạn Mai dành.....phần thời gian cho các hoạt động khác.	

ĐÁP ÁN

Dễ	1	Một hình chữ nhật có chiều dài 1m, chiều rộng $\frac{7}{10}$ m. Chu vi của hình chữ nhật đó là:m	17/5
	2	Kết quả của phép tính: $\frac{3}{5} - \frac{1}{5}$ là:	2/5
	3	Kết quả của phép tính: $\frac{1}{4} - \frac{3}{7} - \frac{11}{14}$ là:	41/28
	5	$\frac{7}{5} - \frac{a}{4} = \frac{13}{20}$; a là:	3
	6	Dấu thích hợp điền vào chỗ trống: $\frac{7}{5} + \frac{5}{4} + \frac{9}{8} + \frac{3}{2} \dots 4$ là:	>
	Trung bình	7	Một hình bình hành có cạnh dài là 2m, cạnh ngắn ngắn hơn cạnh dài $\frac{1}{3}$ m. Nửa chu vi của hình bình hành đó là:m.
8		$\frac{23}{69} - x = \frac{17}{153}$, x là:	2/9
9		Con bò nặng $\frac{1}{3}$ tấn, con bò nặng hơn con bê $\frac{5}{24}$ tấn. Con bê nặngtấn.	1/8
10		Tính: $2 - \frac{7}{9} - \frac{5}{6} = \dots$ (Kết quả được viết dưới dạng phân số tối giản)	7/18
11		$2/3 - x = 8/21$; x - phân số tối giản là:	2/7
Khó	12	Cho phân số: $\frac{53}{90}$. Tìm số tự nhiên m, biết rằng khi bớt m ở tử và giữ nguyên mẫu số của phân số đã cho ta được phân số mới có giá trị bằng $\frac{5}{9}$. Vậy m là:	3
	13	Một tứ giác có độ dài của ba cạnh đầu là: $\frac{2}{5}$ m, 1m, $\frac{13}{5}$ m. Cạnh thứ tư có độ dài bằng $\frac{3}{5}$ tổng độ dài của ba cạnh đó.	32/5

	Chu vi hình thứ giác đó là:m	
14	<p>Con bò nặng $\frac{1}{3}$ tấn, con bò nặng hơn con bê $\frac{5}{24}$ tấn. Hỏi cả hai con nặng bao nhiêu tấn?</p> <p>Cả hai con nặng:tấn.</p>	11/24
15	<p>Một bể đang cạn hết nước. Nếu 2 vòi cùng chảy thì sau 4 giờ đầy bể. Nếu riêng vòi thứ nhất chảy thì sau 6 giờ đầy bể. Hỏi nếu riêng vòi thứ hai chảy thì sau mấy giờ đầy bể?</p> <p>Trả lời: Nếu riêng vòi thứ hai chảy thì sau.....giờ đầy bể.</p>	12
16	<p>Một ngày bạn Mai dành $\frac{1}{5}$ thời gian để học, $\frac{1}{3}$ thời gian để ngủ, còn lại là thời gian cho các hoạt động khác. Vậy trong một ngày, bạn Mai dành.....phần thời gian cho các hoạt động khác.</p>	7/15

PHIẾU BÀI TẬP TOÁN - TUẦN 25

Phép nhân phân số . Tìm phân số của một số. Phép chia phân số

PHIẾU 1

Bài 1: Tính:

a) $\frac{4}{5} \times \frac{6}{7} = \dots\dots\dots$

b) $\frac{2}{3} \times \frac{3}{5} = \dots\dots\dots$

c) $\frac{1}{2} \times \frac{1}{3} = \dots\dots\dots$

d) $\frac{1}{5} \times \frac{5}{7} = \dots\dots\dots$

Bài 2: Tính (theo mẫu):

Mẫu: $\bullet \frac{2}{3} \times 4 = \frac{2 \times 4}{3} = \frac{8}{3}$

$\bullet 4 \times \frac{2}{3} = \frac{4 \times 2}{3} = \frac{8}{3}$

a) $\frac{3}{4} \times 5 = \dots\dots\dots$

b) $\frac{1}{3} \times 2 = \dots\dots\dots$

c) $3 \times \frac{4}{5} = \dots\dots\dots$

d) $3 \times \frac{1}{4} = \dots\dots\dots$

Bài 3: Tính bằng hai cách:

a) $\left(\frac{2}{3} \times \frac{4}{5}\right) \times \frac{5}{6} = \dots\dots\dots$
 $= \dots\dots\dots$
 $= \dots\dots\dots$

$\left(\frac{2}{3} \times \frac{4}{5}\right) \times \frac{5}{6} = \dots\dots\dots$
 $= \dots\dots\dots$
 $= \dots\dots\dots$

b) $\left(\frac{1}{2} + \frac{1}{3}\right) \times \frac{1}{5} = \dots\dots\dots$
 $= \dots\dots\dots$
 $= \dots\dots\dots$

$\left(\frac{1}{2} + \frac{1}{3}\right) \times \frac{1}{5} = \dots\dots\dots$
 $= \dots\dots\dots$
 $= \dots\dots\dots$

Bài 4 : Đúng ghi Đ, sai ghi S:

a) $\frac{1}{3} + \frac{2}{3} \times \frac{3}{4} = \frac{3}{3} \times \frac{3}{4}$
 $= 1 \times \frac{3}{4}$
 $= \frac{3}{4} \quad \square$

b) $\frac{1}{3} + \frac{2}{3} \times \frac{3}{4} = \frac{1}{3} + \frac{6}{12}$
 $= \frac{4}{12} + \frac{6}{12}$
 $= \frac{10}{12} = \frac{5}{6} \quad \square$

Bài 5: Từ một tấm vải dài 20m, người ta cắt ra $\frac{2}{5}$ chiều dài tấm vải để may áo. Hỏi tấm vải còn lại bao nhiêu mét?

Bài giải

.....
.....
.....
.....
.....
.....

Bài 6: Tính :

a) $\frac{2}{3} : \frac{3}{4} = \dots\dots\dots$

b) $\frac{2}{3} : \frac{4}{5} = \dots\dots\dots$

c) $\frac{1}{2} : \frac{3}{4} = \dots\dots\dots$

d) $\frac{1}{6} : \frac{1}{3} = \dots\dots\dots$

Bài 7: Đúng ghi Đ, sai ghi S:

a) $\frac{3}{4} : \frac{4}{5} = \frac{3}{5}$

b) $\frac{3}{4} : \frac{4}{5} = \frac{15}{16}$

c) $\frac{1}{4} : \frac{1}{8} = \frac{1}{2}$

d) $\frac{1}{4} : \frac{1}{8} = 2$

Bài 8: Một người có 1 tạ gạo. Buổi sáng người đó bán được $\frac{2}{5}$ số gạo đó, buổi chiều bán được $\frac{3}{4}$ số gạo còn lại đó. Hỏi sau hai buổi bán gạo, người đó còn lại bao nhiêu ki-lô-gam gạo?

Bài giải

.....
.....
.....
.....
.....

PHIẾU 2

I. PHẦN TRẮC NGHIỆM: Điền đáp án vào ô trống.

Bài	Đề bài	Đáp án
1	Tính: $3 \times \frac{5}{7}$. Phân số tối giản chỉ giá trị của biểu thức trên là:	
2	Tính: $\frac{5}{2} \times (\frac{3}{7} + \frac{1}{5})$. Phân số tối giản chỉ giá trị của biểu thức trên là:	
3	Phân số tối giản thích hợp điền vào chỗ chấm là: $\frac{2}{3} \times \frac{5}{4} + \frac{2}{3} \times \frac{4}{5} = \dots \times (\frac{5}{4} + \frac{4}{5})$	
4	Một hình chữ nhật có chiều rộng $\frac{3}{5}$ m, chiều dài hơn chiều $\frac{1}{10}$ m. Chu vi của hình chữ nhật là:dm.	
5	Một tấm vải dài 100 m, người chủ cửa hàng đã bán được $\frac{1}{4}$ tấm vải. Cửa hàng đã bán được số mét vải là:m.	
6	$\frac{3}{5}$ của 15 là	
7	Tính: $\frac{7}{15} : \frac{28}{30}$. Phân số tối giản chỉ giá trị của biểu thức trên là:	
8	Tìm x, biết: $\frac{16}{3} : x = \frac{4}{3}$. Vậy x =	
9*	Tính nhanh: $\frac{101}{505} : \frac{1}{2} - \frac{10101}{50505} : \frac{1}{2} = \dots$	
10*	Một khu đất hình bình hành có độ dài đáy là 80dm. Chiều cao bằng $\frac{3}{4}$ đáy. Diện tích của hình bình hành đó là:m ² .	

II. PHẦN TỰ LUẬN: Trình bày chi tiết bài làm rồi điền đáp án vào ô trống.

Bài 11. Một trường tiểu học có 800 học sinh. Số học sinh nữ bằng $\frac{2}{5}$ số học sinh toàn trường. Hỏi trường đó có bao nhiêu học sinh nữ?

Bài giải

.....

.....

.....

.....

.....

.....

Bài 12. Tổng của phân số thứ nhất và phân số thứ hai bằng $\frac{11}{15}$, tổng của phân số thứ hai và phân số thứ ba bằng $\frac{23}{20}$. Tổng của phân số thứ nhất và phân số thứ ba bằng $\frac{13}{12}$. Tìm ba phân số đó.

Bài giải

.....

.....

.....

.....

.....

.....

ĐÁP ÁN

I. PHẦN TRẮC NGHIỆM: Điền đáp án vào ô trống.

Bài	Đề bài	Đáp án
1	Tính: $3 \times \frac{5}{7}$. Phân số tối giản chỉ giá trị của biểu thức trên là:	15/7
2	Tính: $\frac{5}{2} \times (\frac{3}{7} + \frac{1}{5})$. Phân số tối giản chỉ giá trị của biểu thức trên là:	11/7
3	Phân số tối giản thích hợp điền vào chỗ chấm là: $\frac{2}{3} \times \frac{5}{4} + \frac{2}{3} \times \frac{4}{5} = \dots \times (\frac{5}{4} + \frac{4}{5})$	2/3
4	Một hình chữ nhật có chiều rộng $\frac{3}{5}$ m, chiều dài hơn chiều $\frac{1}{10}$ m. Chu vi của hình chữ nhật là:dm.	26
5	Một tấm vải dài 100 m, người chủ cửa hàng đã bán được $\frac{1}{4}$ tấm vải. Cửa hàng đã bán được số mét vải là:m.	25
6	$\frac{3}{5}$ của 15 là	9
7	Tính: $\frac{7}{15} : \frac{28}{30}$. Phân số tối giản chỉ giá trị của biểu thức trên là:	1/2
8	Tìm x, biết: $\frac{16}{3} : x = \frac{4}{3}$. Vậy x =	4
9*	Tính nhanh: $\frac{101}{505} : \frac{1}{2} - \frac{10101}{50505} : \frac{1}{2} = \dots$	0
10*	Một khu đất hình bình hành có độ dài đáy là 80dm. Chiều cao bằng $\frac{3}{4}$ đáy. Diện tích của hình bình hành đó là:m ² .	

II. PHẦN TỰ LUẬN: Trình bày chi tiết bài làm rồi điền đáp án vào ô trống.

Bài 11. Một trường tiểu học có 800 học sinh. Số học sinh nữ bằng $\frac{2}{5}$ số học sinh toàn trường. Hỏi trường đó có bao nhiêu học sinh nữ?

Bài giải: Trường đó có số học sinh nữ là: $800 : 5 \times 2 = 320$ (HS)

Đáp án: 320 học sinh

Bài 12. Tổng của phân số thứ nhất và phân số thứ hai bằng $\frac{11}{15}$, tổng của phân số thứ hai và phân số thứ ba bằng $\frac{23}{20}$. Tổng của phân số thứ nhất và phân số thứ ba bằng $\frac{13}{12}$. Tìm ba phân số đó.

Bài giải:

Tổng của ba phân số là: $(\frac{11}{15} + \frac{23}{20} + \frac{13}{12}) : 2 = 89/60$

Phân số thứ nhất là: $89/60 - 23/20 = 1/3$

Phân số thứ hai là: $2/5$

Phân số thứ ba là: $3/4$.

Đáp án: Phân số thứ nhất: $1/3$

Phân số thứ hai: $2/5$

Phân số thứ ba: $3/4$

PHIẾU 3

MỨC ĐỘ	CÂU	ĐỀ BÀI	Đáp án
Dễ	1	Kết quả của phép tính $\frac{19}{143} \times \frac{11}{57}$ à: (kết quả được viết dưới dạng phân số tối giản)	
	2	$x - \frac{15}{17} = \frac{16}{34}$; x là: (kết quả được viết dưới dạng phân số tối giản)	
	3	$x : \frac{16}{15} = \frac{18}{30}$; x là: (kết quả được viết dưới dạng phân số tối giản)	
	4	Một khu đất hình chữ nhật có chiều dài là $\frac{2}{5}$ km; chiều dài hơn chiều rộng $\frac{2}{9}$ km; chu vi mảnh đất là:m	
	5	Kết quả của phép tính $\frac{12}{25} \times \frac{39}{17} \times \frac{51}{52}$ là: (kết quả được viết dưới dạng tối giản.	
Trung bình	6	Số thích hợp điền vào chỗ trống: $\frac{88}{125} \text{ km}^2 = \dots\dots\text{m}^2$	
	7	Một lớp học bơi có 42 học sinh nam, số học sinh nữ bằng $\frac{6}{7}$ số học sinh nam. Lớp học đó có tất cả.....học sinh.	
	8	Một hình bình hành có độ dài đáy là $\frac{7}{8}$ m, chiều cao $\frac{3}{4}$ m. Chu vi hình bình hành đó là:m	
	9	Một cửa hàng lương thực buổi sáng bán được $\frac{3}{5}$ tổng số gạo, buổi chiều bán được $\frac{2}{7}$ tổng số gạo. Tính ra buổi sáng bán hơn buổi chiều là 77kg gạo. Vậy cửa hàng đó có.....kg gạo.	
	10	Kết quả của phép tính: $(15 \times 34 + 9)/(34 \times 25 + 22)$	
Khó	11	Một mảnh đất hình tứ giác có diện tích 225m^2 . Một mảnh đất hình chữ nhật có chiều dài $\frac{50}{3}$ m và có diện tích bằng $\frac{2}{3}$ diện tích mảnh đất hình tứ giác. Chu vi mảnh đất hình chữ	

	nhật là:m	
12	Một hình chữ nhật có chu vi là $\frac{2}{3}$ m. Chiều dài hơn chiều rộng $\frac{1}{4}$ m. Diện tích mảnh đất đó là:dm ²	
13	Tổng số kẹo của An và Bình là 48 chiếc kẹo. Nếu An cho Bình 6 chiếc kẹo thì hai bạn có số kẹo bằng nhau. Như vậy lúc đầu tỉ số kẹo của An so với Bình là:	
14	Trên sân có 24 con gà, trong đó $\frac{3}{8}$ số gà là gà trống. Khi đó gà mái nhiều hơn gà trống.....con	
15	Tổng số gạo ở hai thùng A và B là 210 kg. Nếu lấy từ thùng A sang thùng B 20 kg thì số gạo ở thùng B nhiều hơn số gạo ở thùng A là 30 kg. Vậy lúc đầu tỉ số gạo của thùng A so với thùng B là: (phân số được viết dưới dạng phân số tối giản)	

ĐÁP ÁN

MỨC ĐỘ	CÂU	ĐỀ BÀI	ĐÁP ÁN
Dễ	1	Kết quả của phép tính $19/143 \times 11/57$ là: (kết quả được viết dưới dạng phân số tối giản)	1/39
	2	$x - 15/17 = 16/34$; x là: (kết quả được viết dưới dạng phân số tối giản)	23/17
	3	$x : 16/15 = 18/30$; x là: (kết quả được viết dưới dạng phân số tối giản)	16/25
	4	Một khu đất hình chữ nhật có chiều dài là $2/5$ km; chiều dài hơn chiều rộng $2/9$ km; chu vi mảnh đất là:m	52/45
	5	Kết quả của phép tính $12/25 \times 39/17 \times 51/52$ là: (kết quả được viết dưới dạng tối giản.	27/25
Trung bình	6	Số thích hợp điền vào chỗ trống: $88/125\text{km}^2 = \dots\dots\text{m}^2$	704000
	7	Một lớp học bơi có 42 học sinh nam, số học sinh nữ bằng $6/7$ số học sinh nam. Lớp học đó có tất cả.....học sinh.	78
	8	Một hình bình hành có độ dài đáy là $7/8$ m, chiều cao $3/4$ m. Chu vi hình bình hành đó là:m	13/4
	9	Một cửa hàng lương thực buổi sáng bán được $3/5$ tổng số gạo, buổi chiều bán được $2/7$ tổng số gạo. Tính ra buổi sáng bán hơn buổi chiều là 77kg gạo. Vậy cửa hàng đó có.....kg gạo.	245
	10	Kết quả của phép tính: $(15 \times 34 + 9)/(34 \times 25 + 22)$	519/872
Khó	11	Một mảnh đất hình tứ giác có diện tích 225m^2 . Một mảnh đất hình chữ nhật có chiều dài $50/3$ m và có diện tích bằng $2/3$ diện tích mảnh đất hình tứ giác. Chu vi mảnh đất hình chữ nhật là:m	154/3
	12	Một hình chữ nhật có chu vi là $9/2$ m. Chiều dài hơn chiều rộng $1/4$ m. Diện tích mảnh đất đó là: dm^2	125

13	Tổng số kẹo của An và Bình là 48 chiếc kẹo. Nếu An cho Bình 6 chiếc kẹo thì hai bạn có số kẹo bằng nhau. Như vậy lúc đầu tỉ số kẹo của An so với Bình là:	5/3
14	Trên sân có 24 con gà, trong đó $\frac{3}{8}$ số gà là gà trống. Khi đó gà mái nhiều hơn gà trống.....con	6
15	Tổng số gạo ở hai thùng A và B là 210 kg. Nếu lấy từ thùng A sang thùng B 20 kg thì số gạo ở thùng B nhiều hơn số gạo ở thùng A là 30 kg. Vậy lúc đầu tỉ số gạo của thùng A so với thùng B là: (phân số được viết dưới dạng phân số tối giản)	110/100

PHIẾU BÀI TẬP TOÁN - TUẦN 26

Luyện tập chung

PHIẾU 1

Bài 1: Tìm x:

a) $\frac{3}{10} \times x = \frac{2}{5}$

.....
.....

b) $\frac{1}{8} : x = \frac{1}{2}$

.....
.....

Bài 2: Tính (theo mẫu):

Mẫu: $\bullet 2 : \frac{3}{4} = \frac{2 \times 4}{3} = \frac{8}{3}$

$\bullet \frac{3}{4} : 2 = \frac{3}{4 \times 2} = \frac{3}{8}$

a) $3 : \frac{4}{5} = \dots\dots\dots$

b) $\frac{4}{5} : 3 = \dots\dots\dots$

Bài 3: Tính:

a) $\frac{5}{6} + \frac{3}{4} = \dots\dots\dots$

$1 + \frac{2}{3} = \dots\dots\dots$

b) $\frac{5}{6} - \frac{3}{4} = \dots\dots\dots$

$1 - \frac{2}{3} = \dots\dots\dots$

c) $\frac{5}{6} \times \frac{3}{4} = \dots\dots\dots$

$1 \times \frac{2}{3} = \dots\dots\dots$

d) $\frac{5}{6} : \frac{3}{4} = \dots\dots\dots$

$1 : \frac{2}{3} = \dots\dots\dots$

Bài 4 : Tính:

a) $\frac{1}{2} \times \frac{1}{3} \times \frac{1}{4} = \dots\dots\dots$
 $= \dots\dots\dots$

b) $\frac{1}{2} \times \frac{1}{3} : \frac{1}{4} = \dots\dots\dots$
 $= \dots\dots\dots$

c) $\frac{1}{2} : \frac{1}{3} \times \frac{1}{4} = \dots\dots\dots$
 $= \dots\dots\dots$

d) $\frac{1}{2} : \frac{1}{3} : \frac{1}{4} = \dots\dots\dots$
 $= \dots\dots\dots$

Bài 5: Tính:

$$\begin{aligned} \text{a) } \frac{5}{6} + \frac{1}{2} : \frac{3}{4} &= \dots\dots\dots \\ &= \dots\dots\dots \\ &= \dots\dots\dots \end{aligned}$$

$$\begin{aligned} \text{b) } \frac{5}{6} - \frac{1}{2} \times \frac{3}{4} &= \dots\dots\dots \\ &= \dots\dots\dots \\ &= \dots\dots\dots \end{aligned}$$

Bài 6: Xe thứ nhất chở $\frac{2}{5}$ tấn hàng, xe thứ hai chở gấp đôi xe thứ nhất, xe thứ ba chở bằng mức trung bình của hai xe đầu. Hỏi cả ba xe chở được bao nhiêu tạ hàng?

Bài giải

.....

.....

.....

.....

.....

.....

Bài 7: Một hình chữ nhật có chiều dài $\frac{4}{5}$ m, chiều rộng bằng $\frac{3}{4}$ chiều dài. Tính chu vi và diện tích hình chữ nhật đó.

Bài giải

.....

.....

.....

.....

.....

.....

Bài 8: Viết dấu phép tính thích hợp (+, -, ×, :) vào ô trống:

$$1 \square \frac{1}{2} = 3 \square \frac{1}{2}$$

.....

PHIẾU 2

I. PHẦN TRẮC NGHIỆM: Điền đáp án vào ô trống.

Bài	Đề bài	Đáp án
1	Kết quả của phép tính $\frac{1}{2} \times \frac{2}{3} \times \frac{3}{4}$ (kết quả viết dưới dạng phân số tối giản) là:	
2	Một cửa hàng nhập về 420 lít dầu. Buổi sáng bán được $\frac{2}{5}$ số dầu đó. Sau khi bán buổi sáng, cửa hàng còn lại ... lít dầu.	
3	Một hình chữ nhật có diện tích là $\frac{1}{5} \text{ m}^2$, chiều rộng là $\frac{1}{3} \text{ m}$. Chiều dài của hình chữ nhật đó là...m.	
4	Kết quả của phép tính $8 : \frac{16}{23}$ (kết quả viết dưới dạng phân số tối giản) là:	
5	Một hình bình hành có cạnh ngắn dài $\frac{4}{5} \text{ m}$, cạnh dài dài gấp đôi cạnh ngắn. Chu vi hình bình hành đó là...m.	
6	Giá trị của biểu thức $\frac{3}{5} \times \frac{1}{7} + \frac{3}{5} \times \frac{2}{7} + \frac{4}{7} \times \frac{3}{5}$ là:	
7	Tìm a biết: $a \times \frac{3}{7} = \frac{9}{14}$. a là:	
8	Người ta cắt $\frac{2}{5}$ tấm vải thì còn lại 15m. Lúc đầu tấm vải đó dài...m. Số thích hợp điền vào chỗ chấm là:	
9*	Cho phân số $\frac{41}{71}$. Tìm số tự nhiên a sao cho cùng thêm a vào tử số và mẫu số của phân số đó ta được phân số mới có giá trị bằng $\frac{3}{5}$. Số a là:	
10*	Một người mang trứng đi chợ bán. Lần thứ nhất bán $\frac{1}{2}$ số trứng. Lần thứ hai bán $\frac{2}{3}$ số trứng còn lại thì còn lại 12 quả trứng. Hỏi người đó đã mang đi chợ bao nhiêu quả trứng. Người đó mang đi chợ quả trứng.	

II. PHẦN TỰ LUẬN: Trình bày chi tiết bài làm rồi điền đáp án vào ô trống.

Bài 11. Một khu đất có diện tích 240m^2 , trong đó $\frac{3}{8}$ diện tích làm nhà và $\frac{1}{3}$ diện tích trồng hoa, còn lại là sân và lối đi. Hỏi diện tích sân và lối đi là bao nhiêu mét vuông? Diện tích sân và lối đi là m^2 .

Bài giải

.....

.....

.....

.....

.....

.....

Bài 12. Bác An nuôi một đàn vịt. Bác vừa bán đi $\frac{3}{7}$ số vịt đó nên còn lại 24 con. Hỏi bác An đã bán đi bao nhiêu con vịt?

Bác An đã báncon vịt.

Bài giải

.....

.....

.....

.....

.....

.....

ĐÁP ÁN

I. PHẦN TRẮC NGHIỆM: Điền đáp án vào ô trống.

Bài	Đề bài	Đáp án
1	Kết quả của phép tính $\frac{1}{2} \times \frac{2}{3} \times \frac{3}{4}$ (kết quả viết dưới dạng phân số tối giản) là:	$\frac{1}{4}$
2	Một cửa hàng nhập về 420 lít dầu. Buổi sáng bán được $\frac{2}{5}$ số dầu đó. Sau khi bán buổi sáng, cửa hàng còn lại ... lít dầu.	252
3	Một hình chữ nhật có diện tích là $\frac{1}{5} \text{ m}^2$, chiều rộng là $\frac{1}{3} \text{ m}$. Chiều dài của hình chữ nhật đó là ...m.	$\frac{3}{5}$
4	Kết quả của phép tính $8 : \frac{16}{23}$ (kết quả viết dưới dạng phân số tối giản) là:	$\frac{23}{2}$
5	Một hình bình hành có cạnh ngắn dài $\frac{4}{5} \text{ m}$, cạnh dài gấp đôi cạnh ngắn. Chu vi hình bình hành đó là ...m.	$\frac{24}{5}$
6	Giá trị của biểu thức $\frac{3}{5} \times \frac{1}{7} + \frac{3}{5} \times \frac{2}{7} + \frac{4}{7} \times \frac{3}{5}$ là:	$\frac{3}{5}$
7	Tìm a biết: $a \times \frac{3}{7} = \frac{9}{14}$. a là:	$\frac{3}{2}$
8	Người ta cắt $\frac{2}{5}$ tấm vải thì còn lại 15m. Lúc đầu tấm vải đó dài ...m. Số thích hợp điền vào chỗ chấm là:	25
9*	Cho phân số $\frac{41}{71}$. Tìm số tự nhiên a sao cho cùng thêm a vào tử số và mẫu số của phân số đó ta được phân số mới có giá trị bằng $\frac{3}{5}$. Số a là:	4
10*	Một người mang trứng đi chợ bán. Lần thứ nhất bán $\frac{1}{2}$ số trứng. Lần thứ hai bán $\frac{2}{3}$ số trứng còn lại thì còn lại 12 quả trứng. Hỏi người đó đã mang đi chợ bao nhiêu quả trứng. Người đó mang đi chợ quả trứng.	72

II. PHẦN TỰ LUẬN: Trình bày chi tiết bài làm rồi điền đáp án vào ô trống.

Bài 11. Một khu đất có diện tích 240m^2 , trong đó $\frac{3}{8}$ diện tích làm nhà và $\frac{1}{3}$ diện tích trồng hoa, còn lại là sân và lối đi. Hỏi diện tích sân và lối đi là bao nhiêu mét vuông? Diện tích sân và lối đi là m^2 .

Bài làm

$$\text{Diện tích làm nhà: } 240 \times \frac{3}{8} = 90\text{m}^2$$

$$\text{Diện tích trồng hoa: } 240 \times \frac{1}{3} = 80\text{m}^2$$

$$\text{Diện tích sân và lối đi: } 240 - 90 - 80 = 70\text{m}^2$$

Đáp án: 40

Bài 12. Bác An nuôi một đàn vịt. Bác vừa bán đi $\frac{3}{7}$ số vịt đó nên còn lại 24 con. Hỏi bác An đã bán đi bao nhiêu con vịt?

Bác An đã báncon vịt.

Bài làm

$$\text{Đàn vịt nhà bác An có: } 24 : \left(1 - \frac{3}{7}\right) = 42\text{con}$$

$$\text{Bác đã bán: } 42 - 24 = 18 \text{ con.}$$

Đáp án: 18

PHIẾU 3

Dễ	1	$y \times \frac{5}{7} = \frac{9}{17}$, y là:	
	2	$x : \frac{8}{9} = \frac{7}{10}$; x là:	
	3	Một cửa hàng nhập về 420l dầu. Buổi sáng bán được $\frac{4}{5}$ số dầu đó. Như vậy sau khi bán buổi sáng, cửa hàng còn lại.....l dầu.	
	4	Một hình chữ nhật có chu vi là $\frac{32}{15}$ m, chiều rộng bằng $\frac{2}{5}$ m. Diện tích hình chữ nhật đó là:m ²	
	5	Kết quả của phép tính: $\frac{7}{9} + \frac{8}{15} : \frac{2}{5}$ là:	
Trung bình	6	Một thùng dầu có 105l dầu. Lần thứ nhất lấy đi $\frac{2}{3}$ số dầu. Lần thứ hai lấy đi $\frac{2}{5}$ số dầu còn lại. Trong thùng còn.....l dầu.	
	7	Dấu thích hợp điền vào chỗ trống: $\frac{9}{10} + \frac{5}{9} \times 2 - \frac{5}{6}$3 là:	
	8	$x : \frac{1}{8} = \frac{6}{11}$; x là: (phân số được viết dưới dạng phân số tối giản)	
	9	Cho phân số $\frac{41}{71}$. Khi cùng thêm a vào tử số và mẫu số của phân số đó ta được phân số mới có giá trị bằng $\frac{4}{5}$. Số a đó là:	
	10	Một phân số gấp lên 3 lần rồi trừ đi $\frac{2}{11}$ thì được phân số đảo ngược của phân số $\frac{7}{3}$. Phân số đó là:	

Khó	11	Một người mang trứng đi chợ bán. Lần thứ nhất bán $\frac{1}{2}$ số trứng. Lần thứ hai bán $\frac{2}{3}$ số trứng còn lại thì còn 12 quả trứng. Như vậy người đó mang đi chợ.....quả trứng.	
	12	Cho phân số $\frac{45}{57}$. Người ta bớt m ở tử số và thêm m vào mẫu số của phân số đó ta được phân số có giá trị bằng $\frac{5}{9}$. Số m đó là:	
	13	Đội văn nghệ của trường có 20 học sinh nữ. Tính ra số học sinh nữ đó chiếm $\frac{2}{3}$ số học sinh của cả đội văn nghệ. Như vậy đội văn nghệ có.....học sinh nam.	
	14	Một hình vuông có chu vi $\frac{24}{5}$ m. Diện tích hình vuông đó là.....cm ²	
	15	$\frac{2}{3} \times \frac{3}{4} \times \frac{4}{5} \dots\dots(1 - \frac{1}{3}) \times (1 - \frac{1}{3}) \times (1 - \frac{1}{5})$ Dấu thích hợp điền vào chỗ chấm là:	

ĐÁP ÁN

Dễ	1	$y \times \frac{5}{7} = \frac{9}{17}$, y là:	$\frac{63}{85}$
	2	$x : \frac{8}{9} = \frac{7}{10}$; x là:	$\frac{28}{45}$
	3	Một cửa hàng nhập về 420l dầu. Buổi sáng bán được $\frac{4}{5}$ số dầu đó. Như vậy sau khi bán buổi sáng, cửa hàng còn lại.....l dầu.	84
	4	Một hình chữ nhật có chu vi là $\frac{32}{15}$ m, chiều rộng bằng $\frac{2}{5}$ m. Diện tích hình chữ nhật đó là:m ²	$\frac{4}{15}$
	5	Kết quả của phép tính: $\frac{7}{9} + \frac{8}{15} : \frac{2}{5}$ là:	$\frac{19}{9}$
Trung bình	6	Một thùng dầu có 105l dầu. Lần thứ nhất lấy đi $\frac{2}{3}$ số dầu. Lần thứ hai lấy đi $\frac{2}{5}$ số dầu còn lại. Trong thùng còn.....l dầu.	21
	7	Dấu thích hợp điền vào chỗ trống: $\frac{9}{10} + \frac{5}{9} \times 2 - \frac{5}{6}$3 là:	<
	8	$x : \frac{1}{8} = \frac{6}{11}$; x là: (phân số được viết dưới dạng phân số tối giản)	$\frac{3}{44}$
	9	Cho phân số $\frac{41}{71}$. Khi cùng thêm a vào tử số và mẫu số của phân số đó ta được phân số mới có giá trị bằng $\frac{4}{5}$. Số a đó là:	4
	10	Một phân số gấp lên 3 lần rồi trừ đi $\frac{2}{11}$ thì được phân số đảo ngược của phân số $\frac{7}{3}$. Phân số đó là:	$\frac{47}{231}$

Khó	11	Một người mang trứng đi chợ bán. Lần thứ nhất bán $\frac{1}{2}$ số trứng. Lần thứ hai bán $\frac{2}{3}$ số trứng còn lại thì còn 12 quả trứng. Như vậy người đó mang đi chợ.....quả trứng.	72
	12	Cho phân số $\frac{45}{57}$. Người ta bớt m ở tử số và thêm m vào mẫu số của phân số đó ta được phân số có giá trị bằng $\frac{5}{9}$. Số m đó là:	5
	13	Đội văn nghệ của trường có 20 học sinh nữ. Tính ra số học sinh nữ đó chiếm $\frac{2}{3}$ số học sinh của cả đội văn nghệ. Như vậy đội văn nghệ có.....học sinh nam.	10
	14	Một hình vuông có chu vi $\frac{24}{5}$ m. Diện tích hình vuông đó là.....cm ²	14400
	15	$\frac{2}{3} \times \frac{3}{4} \times \frac{4}{5} \dots\dots(1 - \frac{1}{3}) \times (1 - \frac{1}{3}) \times (1 - \frac{1}{5})$ Dấu thích hợp điền vào chỗ chấm là:	=

PHIẾU BÀI TẬP TOÁN - TUẦN 27

Luyện tập chung

Hình thoi. Diện tích hình thoi

PHIẾU 1

Bài 1: Đúng ghi Đ, sai ghi S:

a) $\frac{27}{36} < \frac{75}{100}$

b) $\frac{27}{36} > \frac{75}{100}$

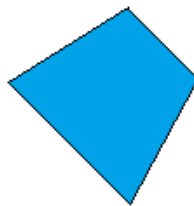
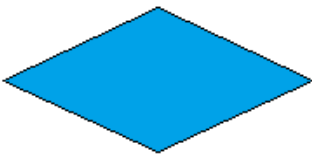
c) $\frac{27}{36} = \frac{75}{100}$

Bài 2: Tìm một phân số, biết rằng phân số đó có trung bình cộng của mẫu số và tử số là 15, mẫu số hơn tử số là 6.

Bài giải

.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....

Bài 3: Nối mỗi hình với tên gọi của hình đó:



Hình thoi

Hình Bình Hành

Hình chữ nhật

Hình tứ giác



Bài 4: Đúng ghi Đ, sai ghi S:

Một hình thoi có độ dài đường chéo là 18cm và 15cm. Diện tích hình thoi đó là :

a) 270cm^2

b) 135cm^2

Bài 5: Tính diện tích hình thoi biết:

a) Độ dài các đường chéo là 12cm và 15cm.

b) Độ dài các đường chéo là 5m và 12dm.

Bài giải

.....

.....

.....

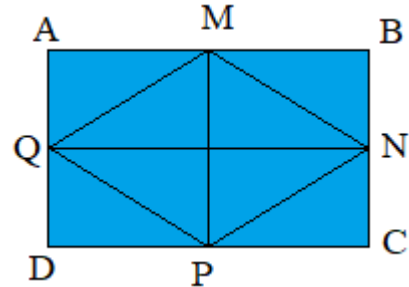
.....

.....

.....

Bài 6: Khoanh vào chữ cái trước câu trả lời đúng:

Trong hình bên cho hình chữ nhật ABCD và hình thoi MNPQ (M,N,P,Q lần lượt là trung điểm của AB, BC, CD, DA).



- A. Diện tích hình chữ nhật bằng diện tích hình thoi.
- B. Diện tích hình thoi lớn hơn $\frac{1}{2}$ diện tích hình chữ nhật.
- C. Diện tích hình thoi bé hơn $\frac{1}{2}$ diện tích hình chữ nhật.
- D. Diện tích hình thoi bằng $\frac{1}{2}$ diện tích hình chữ nhật.

Bài 7: Đúng ghi Đ, sai ghi S:

Trong một hình thoi có:

- a) Hai đường chéo vuông góc với nhau.
- b) Hai đường chéo không vuông góc với nhau.
- c) Hai đường chéo cắt nhau tại trung điểm của mỗi đường chéo.
- d) Hai đường chéo vừa vuông góc với nhau, vừa cắt nhau tại trung điểm của mỗi đường chéo.

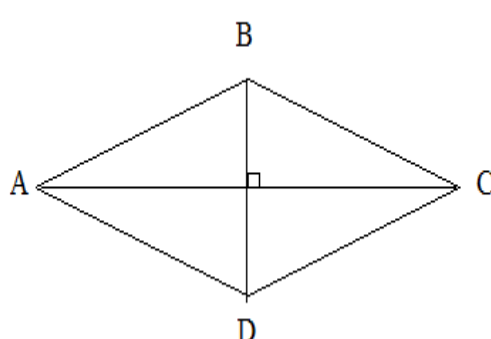
Bài 8: Đúng ghi Đ, sai ghi S:

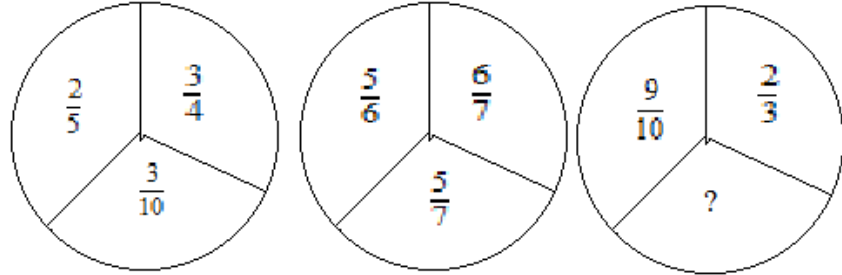
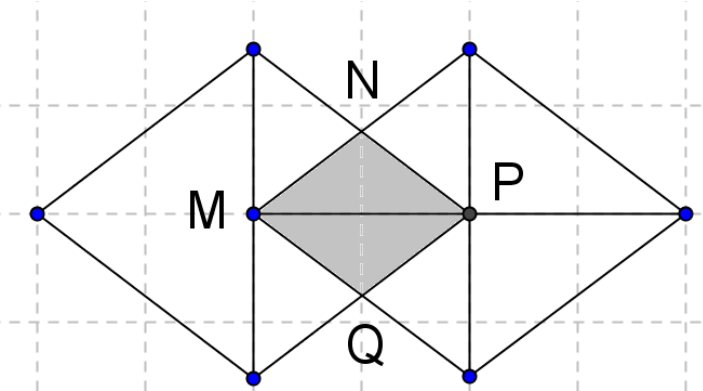
Diện tích hình thoi có độ dài hai đường chéo là 2m và 3dm là:

- a) 3m^2 b) 30dm^2 c) 6dm^2

PHIẾU 2

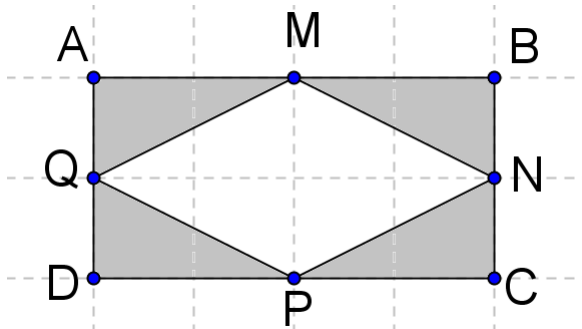
I. PHẦN TRẮC NGHIỆM:

Câu	Đề bài	Đáp án
1	Tính: $(\frac{3}{4} : \frac{4}{7}) : \frac{7}{32}$. Kết quả là:	
2	Tính: $\frac{2}{3} \times \frac{4}{7} : \frac{1}{5}$. Kết quả được viết dưới dạng phân số tối giản là:	
3	Tìm X, biết: $X \times \frac{4}{5} = \frac{3}{5}$. Vậy phân số tối giản X =	
4	Một hình thoi có độ dài hai đường chéo tính theo đơn vị cm là hai số chẵn liên tiếp và có tổng là 30cm. Vậy diện tích hình thoi đó là:cm ² .	
5	Cho hình thoi ABCD. Biết AC = 24cm và độ dài đường chéo BD bằng $\frac{2}{3}$ độ dài đường chéo AC. Diện tích hình thoi ABCD là:cm ²	
 <p>The diagram shows a rhombus ABCD. The vertices are labeled A (left), B (top), C (right), and D (bottom). The diagonals AC and BD are drawn and intersect at a right angle, indicated by a small square symbol at the intersection point.</p>		
6	Tính: $\frac{2}{5} + \frac{4}{5} : \frac{6}{5}$. Kết quả được viết dưới dạng phân số tối giản là:	
7	Tìm số tự nhiên x, biết: $\frac{4}{15} : \frac{4}{7} < x < \frac{2}{5} \times \frac{10}{3}$	
8	Một hình thoi có diện tích $\frac{5}{3}$ m ² . Biết độ dài một đường chéo thứ	

	nhất là $\frac{25}{2}$ dm. Độ dài đường chéo thứ hai là:m	
9*	Số cần điền vào dấu chấm hỏi (?) là: 	
10*	Cho hình 1 tạo bởi hai hình thoi như nhau có độ dài hai đường chéo là 8cm và 6cm, có phần chung là hình tứ giác MNPQ có diện tích là 6cm^2 (như hình vẽ). Diện tích hình 1 là: cm^2  Hình 1	

II. PHẦN TỰ LUẬN: Trình bày chi tiết bài làm vào vở:

Bài 11. Cho hình chữ nhật ABCD và hình thoi MNPQ (như hình vẽ), biết $AB = 6\text{cm}$, $AD = 4\text{cm}$. Vẽ hình rồi tính diện tích phần tô màu.



.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

Bài 12. Một vườn hoa hình thoi có tổng độ dài hai đường chéo là 17m. Tính diện tích vườn hoa hình thoi đó, biết rằng đường chéo thứ nhất dài hơn đường chéo thứ hai 3m.

Bài giải

.....

.....

.....

.....

.....

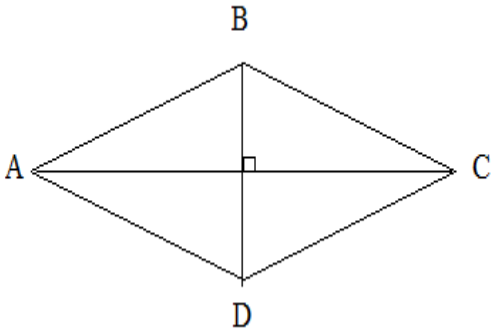
.....

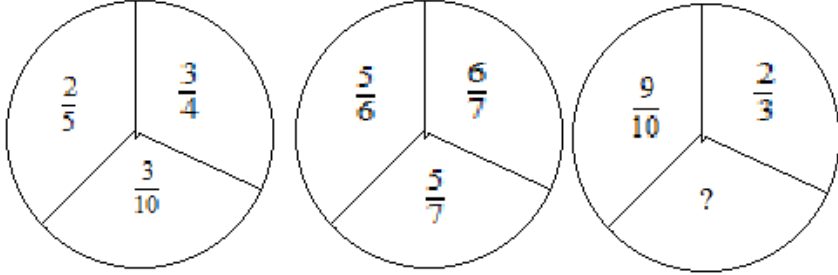
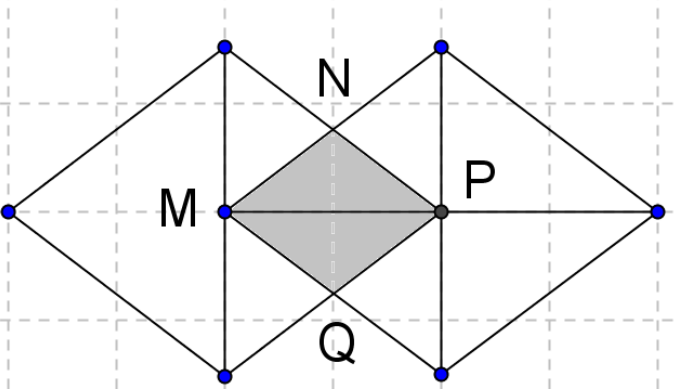
.....

.....

ĐÁP ÁN

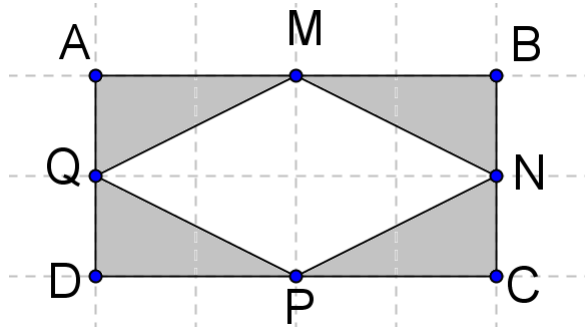
I. PHẦN TRẮC NGHIỆM:

Câu	Đề bài	Đáp án
1	Tính: $(\frac{3}{4} : \frac{4}{7}) : \frac{7}{32}$. Kết quả là:	6
2	Tính: $\frac{2}{3} \times \frac{4}{7} : \frac{1}{5}$. Kết quả được viết dưới dạng phân số tối giản là:	$\frac{40}{21}$
3	Tìm X, biết: $X \times \frac{4}{5} = \frac{3}{5}$. Vậy phân số tối giản X =	$\frac{4}{5}$
4	Một hình thoi có độ dài hai đường chéo tính theo đơn vị cm là hai số chẵn liên tiếp và có tổng là 30cm. Vậy diện tích hình thoi đó là:cm ² .	112
5	Cho hình thoi ABCD. Biết AC = 24cm và độ dài đường chéo BD bằng $\frac{2}{3}$ độ dài đường chéo AC. Diện tích hình thoi ABCD là:cm ²	192
		
6	Tính: $\frac{2}{5} + \frac{4}{5} : \frac{6}{5}$. Kết quả được viết dưới dạng phân số tối giản là:	$\frac{16}{15}$
7	Tìm số tự nhiên x, biết: $\frac{4}{15} : \frac{4}{7} < x < \frac{2}{5} \times \frac{10}{3}$	1
8	Một hình thoi có diện tích $\frac{5}{3}$ m ² . Biết độ dài một đường chéo thứ	$\frac{4}{15}$

	nhất là $\frac{25}{2}$ dm. Độ dài đường chéo thứ hai là:m	
9*	Số cần điền vào dấu chấm hỏi (?) là: 	$\frac{3}{5}$
10*	Cho hình 1 tạo bởi hai hình thoi như nhau có độ dài hai đường chéo là 8cm và 6cm, có phần chung là hình tứ giác MNPQ có diện tích là 6cm^2 (như hình vẽ). Diện tích hình 1 là: cm^2 	42

II. PHẦN TỰ LUẬN: Trình bày chi tiết bài làm vào vở:

Bài 11. Cho hình chữ nhật ABCD và hình thoi MNPQ (như hình vẽ), biết $AB = 6\text{cm}$, $AD = 4\text{cm}$. Vẽ hình rồi tính diện tích phần tô màu.



Giải:

Diện tích hình chữ nhật ABCD là: $6 \times 4 = 24 \text{ (cm}^2\text{)}$

Diện tích hình thoi MNPQ là: $6 \times 4 : 2 = 12 \text{ (cm}^2\text{)}$

Diện tích phần tô đậm là: $24 - 12 = 12 \text{ (cm}^2\text{)}$

Đáp án: 12cm^2 .

Bài 12. Một vườn hoa hình thoi có tổng độ dài hai đường chéo là 17m. Tính diện tích vườn hoa hình thoi đó, biết rằng đường chéo thứ nhất dài hơn đường chéo thứ hai 3m.

Giải

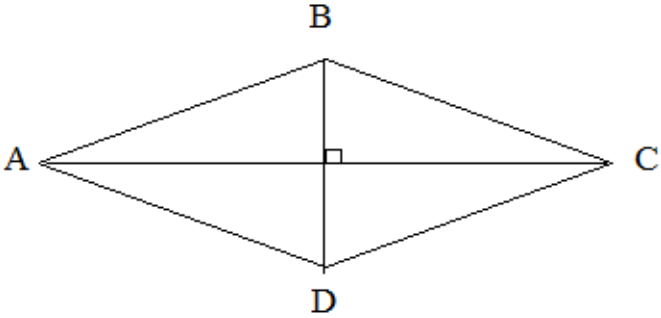
Đường chéo thứ nhất là: $(17+3) : 2 = 10 \text{ (m)}$

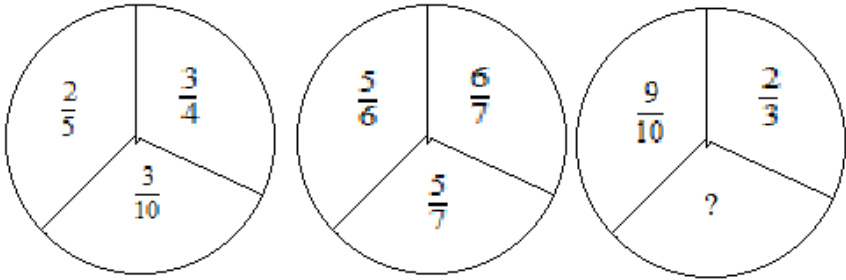
Đường chéo thứ hai là: $17 - 10 = 7\text{(m)}$

Diện tích vườn hoa đó là: $10 \times 7 : 2 = 35 \text{ (m}^2\text{)}$

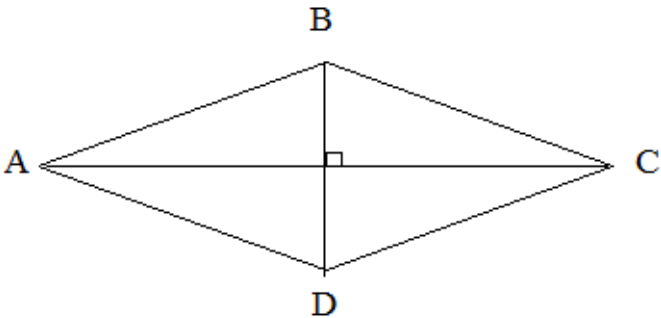
Đ/S: 35m^2 .

PHIẾU 3

Dễ		Đáp án
1	Tính: $\frac{3}{8} : \frac{4}{7}$	
2	Tính: $\frac{2}{9} \times \frac{4}{7} : \frac{1}{6}$ (kết quả được viết dưới dạng phân số tối giản)	
3	Tìm x, biết: $X \times \frac{4}{9} = \frac{5}{5}$	
4	Diện tích hình thoi biết độ dài hai đường chéo là 19cm và 10cm làcm ²	
5	Một hình thoi có diện tích $\frac{8}{3}$ m ² . Biết độ dài một đường chéo là $\frac{23}{2}$ dm. Độ dài đường chéo còn lại là:m	
Trung bình	<p>6 Cho hình thoi ABCD. Biết AC = 48cm và độ dài đường chéo BD bằng $\frac{2}{3}$ độ dài đường chéo AC. Diện tích hình thoi ABCD là:cm²</p> <div style="text-align: center;">  </div>	
7	Tính: $\frac{2}{5} + \frac{4}{5} : \frac{2}{5}$ (kết quả được viết dưới dạng phân số tối giản)	
8	Một tấm bìa hình thoi có độ dài đường chéo dài là $\frac{7}{8}$ m và dài hơn đường chéo ngắn là $\frac{1}{4}$ m. Diện tích tấm bìa hình thoi là:m ²	

		(phân số được viết dưới dạng phân số tối giản)	
	9	Số cần điền vào dấu chấm hỏi (?) là: 	
	10	Tính $\frac{2}{5} \times \frac{4}{7} : \frac{1}{8}$	
Khó	11	Tìm số tự nhiên x, biết: $\frac{4}{15} : \frac{4}{7} < x < \frac{2}{5} \times \frac{10}{3}$	
	12	Một vườn hoa hình thoi có tổng độ dài hai đường chéo là 19m. Diện tích vườn hoa hình thoi đó là.....cm ² , biết rằng đường chéo dài dài hơn đường chéo ngắn 3m	
	13	Quốc lộ 1A từ Hà Nội qua thành phố Ninh Bình tới thành phố Thanh Hóa dài 150km. Biết đoạn đường từ thành phố Ninh Bình tới thành phố Thanh Hóa dài bằng $\frac{2}{5}$ đoạn đường từ Hà Nội đến Thanh Hóa. Đoạn đường từ Hà Nội tới thành phố Ninh Bình dài.....km	
	14	Một hình chữ nhật có chu vi là 320m, chiều dài bằng $\frac{3}{10}$ chu vi. Diện tích hình chữ nhật đó là:m ²	
	15	Hình bình hành ABCD có chiều cao bằng $\frac{3}{4}$ chiều cao của hình bình hành MNPQ và có độ dài đáy bằng $\frac{3}{5}$ độ dài đáy của hình bình hành MNPQ. Như vậy diện tích hình bình hành MNPQ bằng.....phần diện tích hình bình hành ABCD	

ĐÁP ÁN

Dễ	1	Tính: $3/8 : 4/7$	21/32
	2	Tính: $2/9 \times 4/7 : 1/6$ (kết quả được viết dưới dạng phân số tối giản)	16/21
	3	Tìm x, biết: $X \times 4/9 = 3/5$	27/20
	4	Diện tích hình thoi biết độ dài hai đường chéo là 19cm và 10cm là cm^2	95
	5	Một hình thoi có diện tích $8/3\text{m}^2$. Biết độ dài một đường chéo là $23/2$ dm. Độ dài đường chéo còn lại là:m	32/69
Trung bình	6	Cho hình thoi ABCD. Biết $AC = 48\text{cm}$ và độ dài đường chéo BD bằng $2/3$ độ dài đường chéo AC. Diện tích hình thoi ABCD là: cm^2	768
			
	7	Tính: $2/5 + 4/5 : 6/5$ (kết quả được viết dưới dạng phân số tối giản)	16/15
	8	Một tấm bìa hình thoi có độ dài đường chéo dài là $7/8\text{m}$ và dài hơn đường chéo ngắn là $1/4\text{m}$. Diện tích tấm bìa hình thoi là: m^2 (phân số được viết dưới dạng phân số tối giản)	35/128
9	Số cần điền vào dấu chấm hỏi (?) là:	3/5	

	10	Tính $2/9 \times 4/7 : 1/8$	64/63
Khó	11	Tìm số tự nhiên x, biết: $4/15 : 4/7 < x < 2/5 \times 10/3$	1
	12	Một vườn hoa hình thoi có tổng độ dài hai đường chéo là 19m. Diện tích vườn hoa hình thoi đó là..... cm^2 , biết rằng đường chéo dài dài hơn đường chéo ngắn 3m	440000
	13	Quốc lộ 1A từ Hà Nội qua thành phố Ninh Bình tới thành phố Thanh Hóa dài 150km. Biết đoạn đường từ thành phố Ninh Bình tới thành phố Thanh Hóa dài bằng $2/5$ đoạn đường từ Hà Nội đến Thanh Hóa. Đoạn đường từ Hà Nội tới thành phố Ninh Bình dài.....km	90
	14	Một hình chữ nhật có chu vi là 320m, chiều dài bằng $3/10$ chu vi. Diện tích hình chữ nhật đó là: m^2	6144
	15	Hình bình hành ABCD có chiều cao bằng $3/4$ chiều cao của hình bình hành MNPQ và có độ dài đáy bằng $5/3$ độ dài đáy của hình bình hành MNPQ. Như vậy diện tích hình bình hành MNPQ bằng.....phần diện tích hình bình hành ABCD	4/5

PHIẾU BÀI TẬP TOÁN - TUẦN 28

Giới thiệu về tỉ số. Tìm hai số khi biết tổng và tỉ số của hai số đó.

PHIẾU 1

Bài 1: Viết tỉ số của hai số vào ô trống (theo mẫu):

a	b	Tỉ số của a và b	Tỉ số của b và a
3l	5l	$\frac{3}{5}$	
2kg	3kg		
5m	8m		
7	10		

Bài 2: Viết số thích hợp vào ô trống:

Tổng của hai số	120	234	245	2010
Tỉ số của hai số	$\frac{2}{3}$	$\frac{4}{5}$	$\frac{5}{2}$	$\frac{1}{4}$
Số bé				
Số lớn				

Bài 3:

Bài giải

Đàn gà có 1200 con gà trống và gà mái, trong đó số gà trống bằng $\frac{3}{5}$ số gà mái. Hỏi đàn gà đó có bao nhiêu con gà trống, bao nhiêu con gà mái?

.....

.....

.....

.....

.....

Bài 4 : Đúng ghi Đ, sai ghi S:

Tổng của hai số là 135, số bé bằng $\frac{4}{5}$ số lớn. Hai số đó là :

a) 15 và 120

b) 60 và 75

Bài 5: Tổng của hai số là số lớn nhất có ba chữ số khác nhau. Tìm số bé biết rằng nếu gấp đôi số bé thì được số lớn.

Bài giải

.....
.....
.....
.....
.....

Bài 6: Viết tiếp vào chỗ chấm:

Một người có 120kg gạo nếp và gạo tẻ. Người đó đổ số gạo nếp vào các túi, mỗi túi 3kg và đổ số gạo tẻ vào các túi, mỗi túi 5kg. Hỏi người đó có bao nhiêu kg gạo mỗi loại, biết rằng số túi gạo nếp bằng số túi gạo tẻ?

Đáp số :

Bài 7: Đúng ghi Đ, sai ghi S:

Tổng của hai số bằng 1023. Tìm hai số đó, biết rằng nếu viết thêm chữ số 0 vào bên phải số thứ nhất thì được số thứ hai.

a) số bé là 93 b) số lớn là 93 c) số bé là 93 và số lớn là 930

Bài 8: Trung bình cộng của hai số là 80, số lớn bằng $\frac{3}{2}$ số bé. Hỏi số lớn hơn số bao nhiêu đơn vị?

Bài giải

.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....

PHIẾU 2

I. PHẦN TRẮC NGHIỆM: Điền đáp án vào ô trống.

1	Tiến có 15 viên bi xanh và số viên bi vàng hơn bi xanh 7 viên. Tỉ số của số bi xanh và tổng số bi của Tiến là:	
2	Một hình thoi có diện tích là 210dm^2 , độ dài một đường chéo là 15dm. Độ dài đường chéo còn lại là:....dm	
3	Tỉ số của 7 và 19 là:	
4	Tổng của hai số là 108, tỉ số của hai số là $\frac{1}{3}$. Số lớn là:	
5	Một trường tiểu học có 750 học sinh nam. Số học sinh nữ bằng $\frac{4}{5}$ số học sinh nam. Trường đó có tất cả học sinh nữ.	
6	Hai thùng có 175 lít dầu, số dầu ở thùng thứ nhất bằng $\frac{4}{3}$ số dầu ở thùng thứ hai. Thùng thứ nhất có ... lít dầu.	
7	Một hình thoi có diện tích bằng diện tích hình vuông có cạnh 9cm. Biết một đường chéo của hình thoi bằng độ dài cạnh hình vuông. Đường chéo còn lại của hình thoi dài...cm.	
8	Tổng của hai số là 96. Biết $\frac{2}{5}$ số thứ nhất bằng $\frac{1}{5}$ số thứ hai. Vậy số thứ hai là:	
9*	Tổng của hai số là 231. Nếu viết thêm chữ số 0 vào bên phải số thứ nhất thì ta được số thứ hai. Số thứ hai là:	
10*	Hiện nay tổng số tuổi của hai bố con là 48 tuổi. biết rằng cách đây 4 năm, tuổi bố gấp 4 lần tuổi con. Tuổi con hiện nay là:tuổi.	

II. PHẦN TỰ LUẬN: Trình bày chi tiết bài làm vào vở:

Bài 11. Cách đây 4 năm tổng số tuổi của hai mẹ con là 32 tuổi. Tính tuổi mẹ hiện nay, biết rằng hiện nay tuổi mẹ gấp 4 lần tuổi con.

Bài giải

.....

.....

.....

.....
.....
Bài 12. Một hình chữ nhật có chu vi 80m. Chiều rộng bằng $\frac{1}{3}$ chiều dài. Tính diện tích hình chữ nhật đó.

Bài giải

.....
.....
.....
.....
.....

ĐÁP ÁN

I. PHẦN TRẮC NGHIỆM: Điền đáp án vào ô trống.

1	Tiến có 15 viên bi xanh và số viên bi vàng hơn bi xanh 7 viên. Tỉ số của số bi xanh và tổng số bi của Tiến là:	15/37
2	Một hình thoi có diện tích là 210dm^2 , độ dài một đường chéo là 15dm. Độ dài đường chéo còn lại là:....dm	28
3	Tỉ số của 7 và 19 là:	7/19
4	Tổng của hai số là 108, tỉ số của hai số là $\frac{1}{3}$. Số lớn là:	81
5	Một trường tiểu học có 750 học sinh nam. Số học sinh nữ bằng $\frac{4}{5}$ số học sinh nam. Trường đó có tất cả học sinh nữ.	600
6	Hai thùng có 175 lít dầu, số dầu ở thùng thứ nhất bằng $\frac{4}{3}$ số dầu ở thùng thứ hai. Thùng thứ nhất có ... lít dầu.	100
7	Một hình thoi có diện tích bằng diện tích hình vuông có cạnh 9cm. Biết một đường chéo của hình thoi bằng độ dài cạnh hình vuông. Đường chéo còn lại của hình thoi dài...cm.	18
8	Tổng của hai số là 96. Biết $\frac{2}{5}$ số thứ nhất bằng $\frac{1}{5}$ số thứ hai. Vậy số thứ hai là:	60
9*	Tổng của hai số là 231. Nếu viết thêm chữ số 0 vào bên phải số thứ nhất thì ta được số thứ hai. Số thứ hai là:	210
10*	Hiện nay tổng số tuổi của hai bố con là 48 tuổi. biết rằng cách đây 4 năm, tuổi bố gấp 4 lần tuổi con. Tuổi con hiện nay là:tuổi.	12

II. PHẦN TỰ LUẬN: Trình bày chi tiết bài làm vào vở:

Bài 11.

Bài giải: Tổng số tuổi hiện nay của 2 mẹ con là: $32 + 4 + 4 = 40$ (tuổi)

Vẽ sơ đồ:

Tuổi con mẹ hiện nay là: $40 : (1 + 4) \times 4 = 32$ (tuổi)

Đáp án: 32 tuổi

Bài 12.

Bài giải: Nửa chu vi hình chữ nhật là: 40m

Vẽ sơ đồ:

Chiều rộng hình chữ nhật là: 10m

Chiều dài hình chữ nhật là: 30m

Diện tích hình chữ nhật là: 300m^2

Đáp án: 300m^2

PHIẾU 3

Dễ	46	Trên bãi có 25 con trâu và 11 con bò. Tỉ số của số bò và số trâu là:	11/25
	47	Trên bãi có 34 con bò và 17 con trâu. Tỉ số của số trâu so với tổng số trâu và bò có trên bãi cỏ là: (phân số được viết dưới dạng phân số tối giản)	1/3
	48	Tổng của hai số là: 120. Số bé bằng $\frac{2}{3}$ số lớn. Số bé là:	48
	49	Tổng của hai số là: 135. Số bé bằng $\frac{2}{3}$ số lớn. Số lớn là:	81
	50	Lớp 4A có 48 học sinh. Số học sinh nam bằng $\frac{3}{5}$ số học sinh nữ. Lớp 4A có.....học sinh nam.	18
Trung bình	51	Lớp 4A có 96 học sinh. Số học sinh nữ bằng $\frac{5}{3}$ số học sinh nam. Lớp 4A cóhọc sinh nữ.	60
	52	Một hình chữ nhật có chu vi bằng 160cm. Chiều rộng bằng $\frac{1}{3}$ chiều dài. Diện tích hình chữ nhật là:dm ²	12
	53	Một mảnh đất hình chữ nhật có chiều dài 20m, chiều rộng 6m. Phần diện tích đất để xây nhà là 70m ² , phần đất còn lại để làm sân. Tỉ số diện tích phần đất xây nhà so với diện tích của cả mảnh đất là: (phân số được viết dưới dạng phân số tối giản)	7/12
	54	Trung bình cộng của hai số là 105. Tỉ số của hai số là: $\frac{2}{5}$. Số bé là:	60
	55	Trung bình cộng của hai số là 175. Tỉ số của hai số là $\frac{5}{2}$. Hiệu của hai số là:	150
Khó	56	Trên sân có 6 con thỏ và một số gà. Biết 5 lần số thỏ bằng 2 lần số gà. Vậy cả gà và thỏ có tất cả.....con.	21
	57	Chu vi hình bình hành ABCD là 350cm, chiều cao AH	4410

	bằng $\frac{2}{5}$ độ dài đáy DC. Diện tích hình bình hành là.....cm ² , biết tỉ số độ dài hai cạnh AD và DC là $\frac{2}{3}$.	
58	Một đội văn nghệ lúc đầu có 29 bạn, sau đó nhà trường bổ sung thêm 5 bạn nam và 6 bạn nữ nên lúc này số bạn nam bằng $\frac{2}{3}$ số bạn nữ. Như vậy lúc đầu đội văn nghệ có.....bạn nam.	11
59	Tổng hai số tự nhiên là 495. Biết nếu thêm chữ số 0 vào bên phải số bé ta được số lớn. Số lớn là:	450
60	Cho ba số có tổng bằng 550. Biết số thứ nhất bằng $\frac{1}{2}$ số thứ ba, số thứ ba gấp 3 lần số thứ hai. Số thứ ba là:	300

ĐÁP ÁN PHIẾU 3

Dễ	46	Trên bãi có 25 con trâu và 11 con bò. Tỉ số của số bò và số trâu là:	11/25
	47	Trên bãi có 34 con bò và 17 con trâu. Tỉ số của số trâu so với tổng số trâu và bò có trên bãi cỏ là: (phân số được viết dưới dạng phân số tối giản)	1/3
	48	Tổng của hai số là: 120. Số bé bằng $\frac{2}{3}$ số lớn. Số bé là:	48
	49	Tổng của hai số là: 135. Số bé bằng $\frac{2}{3}$ số lớn. Số lớn là:	81
	50	Lớp 4A có 48 học sinh. Số học sinh nam bằng $\frac{3}{5}$ số học sinh nữ. Lớp 4A có.....học sinh nam.	18
Trung bình	51	Lớp 4A có 96 học sinh. Số học sinh nữ bằng $\frac{5}{3}$ số học sinh nam. Lớp 4A cóhọc sinh nữ.	60
	52	Một hình chữ nhật có chu vi bằng 160cm. Chiều rộng bằng $\frac{1}{3}$ chiều dài. Diện tích hình chữ nhật là:dm ²	12
	53	Một mảnh đất hình chữ nhật có chiều dài 20m, chiều rộng 6m. Phần diện tích đất để xây nhà là 70m ² , phần đất còn lại để làm sân. Tỉ số diện tích phần đất xây nhà so với diện tích của cả mảnh đất là: (phân số được viết dưới dạng phân số tối giản)	7/12
	54	Trung bình cộng của hai số là 105. Tỉ số của hai số là: $\frac{2}{5}$. Số bé là:	60
	55	Trung bình cộng của hai số là 175. Tỉ số của hai số là $\frac{5}{2}$. Hiệu của hai số là:	150
Khó	56	Trên sân có 6 con thỏ và một số gà. Biết 5 lần số thỏ bằng 2 lần số gà. Vậy cả gà và thỏ có tất cả.....con.	21
	57	Chu vi hình bình hành ABCD là 350cm, chiều cao AH	4410

	bằng $\frac{2}{5}$ độ dài đáy DC. Diện tích hình bình hành là.....cm ² , biết tỉ số độ dài hai cạnh AD và DC là $\frac{2}{3}$.	
58	Một đội văn nghệ lúc đầu có 29 bạn, sau đó nhà trường bổ sung thêm 5 bạn nam và 6 bạn nữ nên lúc này số bạn nam bằng $\frac{2}{3}$ số bạn nữ. Như vậy lúc đầu đội văn nghệ có.....bạn nam.	11
59	Tổng hai số tự nhiên là 495. Biết nếu thêm chữ số 0 vào bên phải số bé ta được số lớn. Số lớn là:	450
60	Cho ba số có tổng bằng 550. Biết số thứ nhất bằng $\frac{1}{2}$ số thứ ba, số thứ ba gấp 3 lần số thứ hai. Số thứ ba là:	300

ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ 2 MÔN TOÁN LỚP 4

Phần I: Khoanh tròn vào chữ trước đáp án đúng hoặc viết câu trả lời:

Câu 1: Số “bảy triệu hai trăm nghìn” có:

- A. Ba chữ số 0 B. Bốn chữ số 0 C. Năm chữ số 0 D. Sáu chữ số 0

Câu 2: Đổi 9 tấn 6 kg =m. Số thích hợp vào chỗ trống (...) là:

- A. 906 B. 9006 C. 96 D. 9600

Câu 3 : Kết quả của phép tính 837×103 là:

- A. 86211 B. 85201 C. 85211 D. 96211

Câu 4 : Kết quả của phép tính $3175 : 25$ là:

- A. 137 B. 117 C. 107 D. 127

Câu 5: Kết quả của phép tính $\frac{2}{3} + \frac{1}{2}$

- A. $\frac{3}{5}$ B. $\frac{7}{6}$ C. $\frac{2}{6}$ D. $\frac{3}{6}$

Câu 6: Hiệu của 5 và $\frac{1}{4}$ là:

- A. $\frac{21}{4}$ B. $\frac{4}{4}$ C. $\frac{19}{4}$ D. $\frac{5}{4}$

Câu 7: Bác Hồ ra đi tìm đường cứu nước năm 1911, năm đó thuộc thế kỉ:

- A. XVIII B. XIX C. XXI D. XX

Câu 8: Một hình bình hành có độ dài đáy là 3m, chiều cao bằng 26dm. Diện tích hình bình hành là:

- A. 780dm^2 B. 780m^2 C. 78m^2 D. 780m

Phần II. Thực hiện theo yêu cầu của mỗi câu hỏi, bài tập rồi điền kết quả hoặc đáp án đúng vào chỗ trống ...

Câu 9: Bác Hải mua 15kg gạo với giá 14000 đồng 1kg. Bác đưa cho người bán hàng tờ 500 000 đồng. Hỏi người bán hàng phải trả lại bác Hải bao nhiêu tiền?

Trả lời: Người bán hàng phải trả lại bác Hải số tiền là:

.....

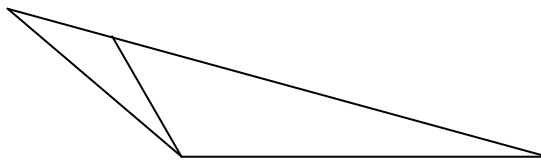
Câu 10: Một mảnh vườn hình chữ nhật có chu vi 160m, chiều rộng 30 m. Người ta trồng rau trên mảnh vườn đó, biết rằng cứ $10m^2$ thì thu hoạch được 15kg rau. Hỏi trên cả mảnh vườn đó người ta thu hoạch được bao nhiêu kg rau?

Trả lời: Trên mảnh vườn đó người ta thu được kg rau.

Câu 11: Hình bên có :

a góc nhọn

b góc tù



Câu 12: Trong bảng tháp dinh dưỡng cân đối trung bình cho một người ăn trong một tháng chúng ta cần..... với 600g dầu mỡ, vừng lạc. Giả sử gia đình em có 5 người thì trong một tháng cần sử dụng tất cả kg dầu mỡ, vừng lạc.

Câu 13: Cho bảng số liệu sau:

Diện tích của một số thành phố lớn của nước ta

Thành phố	Diện tích (km^2)
Hà Nội	3328900
Thành phố Hồ Chí Minh	2095600
Cần Thơ	1409000

Diện tích của thành phố Hồ Chí Minhdiện tích của thành phố Hà Nội và.....diện tích của thành phố Cần Thơ.

Câu 14: Có.....kiểu căn lề.

Câu 15: Nam has three books. Linh has ten books. Nam and Linh have total..... books.

Câu 16: There aremonths in a year.

Phần III. Tự luận

Câu 17: Một trường học có 628 học sinh. Số học sinh nữ ít hơn số học sinh nam là 32 học sinh. Hỏi trường đó có:

a. Bao nhiêu học sinh nữ ?

b. Bao nhiêu học sinh nam ?

.....

.....
.....
.....
.....
.....
.....

Câu 18: Mẹ mua 2 cái bánh (như nhau) chia đều cho hai anh em. Anh ăn $\frac{11}{12}$ cái bánh, em ăn $\frac{12}{13}$ cái bánh. Hỏi ai được ăn bánh nhiều hơn?

.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....

HƯỚNG DẪN CHẤM

Phần I: 4,0 điểm

Câu	Câu 1	Câu 2	Câu 3	Câu 4	Câu 5	Câu 6	Câu 7	Câu 8
Đáp án	C	B	A	D	B	C	D	A
Điểm	0,5	0,5	0,5	0,5	0,5	0,5	0,5	0,5

Phần II: 4,5 điểm

Câu 9	290 000 đồng	0,5 điểm
Câu 10	2250	0,5 điểm
Câu 11	4 góc nhọn, 3 góc tù	1,0 điểm (Mỗi ý đúng được 0,5 điểm)
Câu 12	Ăn vừa đủ, 3	0,5 điểm (Mỗi ý đúng được 0,25 điểm)
Câu 13	bé hơn, lớn hơn	0,5 điểm
Câu 14	4	0,5 điểm
Câu 15	thirteen	0,5 điểm
Câu 16	twelve	0,5 điểm

Phần III: 1,5 điểm

Câu 17	Số học sinh giỏi của trường đó là (0,25 đ) $(628 - 32) : 2 = 298$ (học sinh) (0,25 đ)	1,0 điểm
--------	--	----------

	<p>Số học sinh khá của trường là : (0,25 đ)</p> <p>$628 - 298 = 330$ (học sinh) (0,25 đ)</p> <p>Đáp số: Học sinh giỏi: 298 học sinh</p> <p>Học sinh khá: 330 học sinh</p> <p><i>* Ghi chú: Toàn bài thiếu hoặc sai tên đơn vị, hoặc tên đơn vị không để trong dấu ngoặc, trừ 0,25 điểm. Đáp số không đầy đủ hoặc sai trừ 0,25 điểm.</i></p>	
Câu 18	<p>Ta có:</p> $1 - \frac{11}{12} = \frac{1}{12}$ $1 - \frac{12}{13} = \frac{1}{13}$ <p>Vì $\frac{1}{12} > \frac{1}{13}$ nên $\frac{11}{12} < \frac{12}{13}$</p> <p>Vậy em được ăn bánh nhiều hơn anh.</p> <p><i>* Ghi chú: Cách giải khác cho điểm tương tự. Ra được kết quả cuối cùng mới cho điểm.</i></p>	0,5 điểm

Lưu ý: Điểm toàn bài là điểm số nguyên. Làm tròn 0,5 -> 1

PHIẾU BÀI TẬP TOÁN - TUẦN 29

PHIẾU 1

Tìm hai số khi biết hiệu và tỉ số của hai số đó. Luyện tập chung

Bài 1: Viết số thích hợp vào ô trống:

Hiệu của hai số	135	104	987	234
Tỉ số của hai số	$\frac{9}{4}$	$\frac{1}{5}$	$\frac{10}{3}$	$\frac{5}{8}$
Số bé				
Số lớn				

Bài 2: Kho A nhiều hơn kho B là 120 tấn gạo. Tìm số gạo của mỗi kho, biết rằng số gạo ở kho B bằng $\frac{2}{7}$ số gạo ở kho A.

Bài giải

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

Bài 3: Viết tiếp vào chỗ chấm:

Mẹ hơn con 24 tuổi, sau 3 năm nữa tuổi mẹ gấp 3 lần tuổi con. Tính tuổi của mỗi người hiện nay.

Đáp số :

Bài 4 : Đúng ghi Đ, sai ghi S:

Một hình chữ nhật có chiều dài hơn chiều rộng 16cm và chiều rộng bằng $\frac{5}{7}$ chiều dài. Diện tích hình chữ nhật đó là :

a) 2240 cm^2

b) 224 cm^2

Bài 5: Một người bán được số gạo tẻ nhiều hơn số gạo nếp là 20kg, trong đó $\frac{1}{5}$ số gạo tẻ bằng $\frac{1}{3}$ số gạo nếp. Hỏi người đó bán được bao nhiêu ki-lô-gam gạo mỗi loại?

Bài giải

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

Bài 6 : Khoanh tròn vào chữ cái trước câu trả lời đúng:

Hiện nay ông hơn cháu 63 tuổi, tuổi cháu bằng $\frac{1}{8}$ tuổi ông. Hỏi năm nay tổng số tuổi của hai ông cháu là bao nhiêu?

- A. 70 tuổi B. 72 tuổi C. 77 tuổi D. 81 tuổi

Bài 7: Viết tiếp vào chỗ chấm:

Có 70l dầu đựng trong hai thùng. Sau đó đổ 2l dầu từ thùng thứ nhất sang thùng thứ hai thì số dầu ở thùng thứ nhất bằng $\frac{2}{3}$ số dầu ở thùng thứ hai. Hỏi lúc đầu trong mỗi thùng có bao nhiêu lít dầu?

Đáp số:

Bài 8: Khoanh tròn vào chữ cái trước câu trả lời đúng:

Một người nuôi số gà mái nhiều hơn số gà trống là 15 con. Sau khi người đó bán đi 5 con gà mái và 2 con gà trống thì còn lại số gà trống bằng $\frac{2}{5}$ số gà mái. Hỏi lúc đầu người đó nuôi tất cả bao nhiêu con gà?

- A. 20 con gà B. 22 con gà C. 25 con gà D. 35 con gà

PHIẾU 2

I. PHẦN TRẮC NGHIỆM: Điền đáp án vào ô trống.

1	Tổng của hai số là 1287. Biết số bé bằng $\frac{4}{9}$ số lớn. Số bé là:	
2	Hiệu của hai số là 30. Tỉ số của hai số là $\frac{1}{4}$. Số lớn là:	
3	Hiệu hai số là 36. Tỉ số của hai số đó là $\frac{8}{5}$. Số bé là:	
4	Mảnh vườn hình chữ nhật có chiều dài hơn chiều rộng 15m. Biết rằng chiều rộng bằng $\frac{3}{4}$ chiều dài, chu vi thửa ruộng đó làm.	
5	Hiện nay mẹ hơn con 28 tuổi. Sau 3 năm nữa, tuổi mẹ gấp 5 lần tuổi con. Hiện nay mẹtuổi.	
6	Số thứ hai lớn hơn số thứ nhất là 72. Nếu số thứ nhất gấp lên 7 lần thì được số thứ hai. Số thứ hai là:	
7	Một hình thoi có hiệu số đo độ dài của hai đường chéo là 12cm. Độ dài đường chéo lớn bằng $\frac{5}{3}$ độ dài đường chéo bé. Diện tích hình thoi đó là:cm ²	
8	Một thửa ruộng hình chữ nhật có chu vi là 108m. Diện tích thửa ruộng đó làm ² , biết chiều rộng bằng $\frac{4}{5}$ chiều dài.	
9*	Kho A nhiều hơn kho B là 18 tấn thóc. Nếu kho A nhập thêm 6 tấn thóc nữa thì số thóc kho A bằng $\frac{5}{3}$ số thóc kho B. Lúc đầu kho B có....tấn thóc.	
10*	Cho phân số $\frac{51}{78}$. Nếu cùng bớt ở tử số và mẫu số đi cùng một số tự nhiên a ta được phân số mới có giá trị bằng $\frac{5}{8}$. Tìm số tự nhiên a.	

II. PHẦN TỰ LUẬN: Trình bày chi tiết bài làm vào vở:

Bài 12. Mẹ sinh con năm mẹ 24 tuổi. Hiện nay, tuổi con bằng $\frac{1}{4}$ tuổi mẹ. Tìm tuổi mỗi người hiện nay.

Bài giải

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

Bài 11*. Tỉ số của hai số lẻ là $\frac{5}{7}$. Tìm hai số lẻ đó, biết rằng giữa chúng có đúng 5 số chẵn.

Bài giải

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

ĐÁP ÁN

I. PHẦN TRẮC NGHIỆM: Điền đáp án vào ô trống.

1	Tổng của hai số là 1287. Biết số bé bằng $\frac{4}{9}$ số lớn. Số bé là:	396
2	Hiệu của hai số là 30. Tỉ số của hai số là $\frac{1}{4}$. Số lớn là:	40
3	Hiệu hai số là 36. Tỉ số của hai số đó là $\frac{8}{5}$. Số bé là:	60
4	Mảnh vườn hình chữ nhật có chiều dài hơn chiều rộng 15m. Biết rằng chiều rộng bằng $\frac{3}{4}$ chiều dài, chu vi thửa ruộng đó làm.	210
5	Hiện nay mẹ hơn con 28 tuổi. Sau 3 năm nữa, tuổi mẹ gấp 5 lần tuổi con. Hiện nay mẹtuổi.	32
6	Số thứ hai lớn hơn số thứ nhất là 72. Nếu số thứ nhất gấp lên 7 lần thì được số thứ hai. Số thứ hai là:	84
7	Một hình thoi có hiệu số đo độ dài của hai đường chéo là 12cm. Độ dài đường chéo lớn bằng $\frac{5}{3}$ độ dài đường chéo bé. Diện tích hình thoi đó là:cm ²	270
8	Một thửa ruộng hình chữ nhật có chu vi là 108m. Diện tích thửa ruộng đó làm ² , biết chiều rộng bằng $\frac{4}{5}$ chiều dài.	360
9*	Kho A nhiều hơn kho B là 18 tấn thóc. Nếu kho A nhập thêm 6 tấn thóc nữa thì số thóc kho A bằng $\frac{5}{3}$ số thóc kho B. Lúc đầu kho B có....tấn thóc.	36
10*	Cho phân số $\frac{51}{78}$. Nếu cùng bớt ở tử số và mẫu số đi cùng một số tự nhiên a ta được phân số mới có giá trị bằng $\frac{5}{8}$. Tìm số tự nhiên a.	6

II. PHẦN TỰ LUẬN: Trình bày chi tiết bài làm vào vở:

Bài 12. Mẹ sinh con năm mẹ 24 tuổi. Hiện nay, tuổi con bằng $\frac{1}{4}$ tuổi mẹ. Tìm tuổi mỗi người hiện nay.

Bài giải:

Mẹ luôn hơn con 24 tuổi.

Vẽ sơ đồ

Tuổi con hiện nay là: $24 : (4 - 1) \times 1 = 8$ (tuổi)

Tuổi mẹ hiện nay là: $24 + 8 = 32$ (tuổi)

Đáp án: mẹ 32 tuổi; con 8 tuổi.

Bài 11*. Tỉ số của hai số lẻ là $\frac{5}{7}$. Tìm hai số lẻ đó, biết rằng giữa chúng có đúng 5 số chẵn.

Bài giải:

Vẽ sơ đồ

Hiệu hai số lẻ cần tìm là: $1 + 2 \times 4 + 1 = 10$

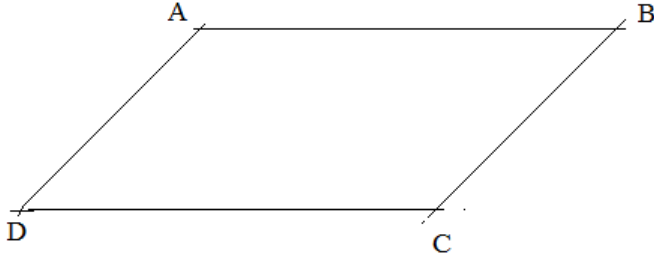
Số lẻ lớn hơn là: $10 : (7 - 5) \times 7 = 35$

Số lẻ bé hơn là: $35 - 10 = 25$

Đáp án: 35; 25

PHIẾU 3

MỨC ĐỘ	CÂU	ĐỀ BÀI	ĐÁP ÁN
Dễ	1	Hiệu của hai số là 25. Tỉ số của hai số là $\frac{2}{7}$. Số bé là:	
	2	Hiệu của hai số là 25. Tỉ số của hai số là $\frac{2}{7}$. Số lớn là:	
	3	Hiệu của hai số là 95. Tỉ số của hai số là $\frac{2}{7}$. Số lớn là:	
	4	Hiệu của hai số là 95. Tỉ số của hai số là $\frac{2}{7}$. Số bé là:	
	5	Khối lớp Bốn có nhiều hơn khối lớp Năm 60 học sinh. Số học sinh khối lớp Năm bằng $\frac{3}{4}$ số học sinh khối lớp Bốn. Vậy khối lớp Bốn có.....học sinh.	
Trung bình	6	Khối lớp Bốn có nhiều hơn khối lớp Năm 60 học sinh. Số học sinh khối lớp Năm bằng $\frac{3}{4}$ số học sinh khối lớp Bốn. Vậy khối lớp Năm có.....học sinh.	
	7	Khối lớp Năm có nhiều hơn khối lớp Bốn 90 học sinh. Số học sinh khối lớp Bốn bằng $\frac{3}{4}$ số học sinh khối lớp Năm. Vậy khối lớp Năm có.....học sinh.	
	8	Một đội trồng cây có 60 người, trong đó số nam ít hơn số nữ là 6 người. Tỉ số giữa số nam và số nữ của đội trồng cây đó là: (Phân số được viết dưới dạng phân số tối giản)	
	9	Một hình chữ nhật có chu vi gấp 6 lần chiều rộng. Chiều dài hơn chiều rộng 25cm. Chiều dài hình chữ nhật là ... cm	
	10	Một hình chữ nhật có chu vi gấp 6 lần chiều rộng. Chiều dài hơn chiều rộng 25cm. Chiều rộng hình chữ nhật là ... cm	
Khó	11	Hình bình hành có độ dài cạnh AB hơn độ dài cạnh BC.	

	<p>Chu vi của hình bình hành ABCD là.....cm, biết độ dài cạnh BC bằng $\frac{2}{5}$ độ dài cạnh AB.</p> 	
12	<p>Hiệu của hai số là 2005. Tỉ số của hai số là $\frac{3}{8}$. Tổng của hai số là:</p>	
13	<p>Hiệu của hai số là 2005. Tỉ số của hai số là $\frac{3}{8}$. Tích của hai số là:</p>	
14	<p>Năm nay mẹ hơn con 24 tuổi. Sau 2 năm nữa tuổi con bằng $\frac{1}{4}$ tuổi mẹ. Năm nay mẹ là:tuổi.</p>	
15	<p>Tỉ số của hai số lẻ là $\frac{5}{7}$. Biết rằng giữa chúng có 5 số chẵn, số lẻ lớn hơn là:</p>	

ĐÁP ÁN

MỨC ĐỘ	CÂU	ĐỀ BÀI	ĐÁP ÁN
Dễ	1	Hiệu của hai số là 25. Tỉ số của hai số là $\frac{2}{7}$. Số bé là:	10
	2	Hiệu của hai số là 25. Tỉ số của hai số là $\frac{2}{7}$. Số lớn là:	35
	3	Hiệu của hai số là 95. Tỉ số của hai số là $\frac{2}{7}$. Số lớn là:	133
	4	Hiệu của hai số là 95. Tỉ số của hai số là $\frac{2}{7}$. Số bé là:	38
	5	Khối lớp Bốn có nhiều hơn khối lớp Năm 60 học sinh. Số học sinh khối lớp Năm bằng $\frac{3}{4}$ số học sinh khối lớp Bốn. Vậy khối lớp Bốn có.....học sinh.	240
Trung bình	6	Khối lớp Bốn có nhiều hơn khối lớp Năm 60 học sinh. Số học sinh khối lớp Năm bằng $\frac{3}{4}$ số học sinh khối lớp Bốn. Vậy khối lớp Năm có.....học sinh.	180
	7	Khối lớp Năm có nhiều hơn khối lớp Bốn 90 học sinh. Số học sinh khối lớp Bốn bằng $\frac{3}{4}$ số học sinh khối lớp Năm. Vậy khối lớp Năm có.....học sinh.	360
	8	Một đội trồng cây có 60 người, trong đó số nam ít hơn số nữ là 6 người. Tỉ số giữa số nam và số nữ của đội trồng cây đó là: (Phân số được viết dưới dạng phân số tối giản)	9/11
	9	Một hình chữ nhật có chu vi gấp 6 lần chiều rộng. Chiều dài hơn chiều rộng 25cm. Chiều dài hình chữ nhật là ... cm	50
	10	Một hình chữ nhật có chu vi gấp 6 lần chiều rộng. Chiều dài hơn chiều rộng 25cm. Chiều rộng hình chữ nhật là ... cm	25
Khó	11	Hình bình hành có độ dài cạnh AB hơn độ dài cạnh BC. Chu vi của hình bình hành ABCD là.....cm, biết độ dài	168

	<p>cạnh BC bằng $\frac{2}{5}$ độ dài cạnh AB.</p>	
12	<p>Hiệu của hai số là 2005. Tỉ số của hai số là $\frac{3}{8}$. Tổng của hai số là:</p>	4411
13	<p>Hiệu của hai số là 2005. Tỉ số của hai số là $\frac{3}{8}$. Tích của hai số là:</p>	3859224
14	<p>Năm nay mẹ hơn con 24 tuổi. Sau 2 năm nữa tuổi con bằng $\frac{1}{4}$ tuổi mẹ. Năm nay mẹ là:tuổi.</p>	30
15	<p>Tỉ số của hai số lẻ là $\frac{5}{7}$. Biết rằng giữa chúng có 5 số chẵn, số lẻ lớn hơn là:</p>	35

PHIẾU BÀI TẬP TOÁN - TUẦN 30

Luyện tập chung . Tỷ lệ bản đồ. Ứng dụng của tỷ lệ bản đồ

PHIẾU 1

Bài 1: a) Tính :

• $\frac{2}{5} + \frac{7}{10} = \dots\dots\dots$

• $\frac{6}{7} - \frac{5}{8} = \dots\dots\dots$

b) Viết tiếp vào chỗ chấm :

Diện tích hình bình hành có độ dài đáy 16dm, chiều cao bằng $\frac{15}{8}$ dm là:

$\dots\dots\dots \times \dots\dots\dots = \dots\dots\dots$

Bài 2: Viết số thích hợp vào chỗ chấm:

Tỷ lệ bản đồ	Độ dài trên bản đồ	Độ dài thật
1:1000	1m	$\dots\dots\dots$ m
1:10 000	1dm	$\dots\dots\dots$ dm
1:50 000	1cm	$\dots\dots\dots$ cm

Bài 3: Khoanh tròn vào chữ cái trước câu trả lời đúng:

a) Trên bản đồ tỷ lệ 1 : 10 000, độ dài quãng đường AB đo được là 1cm. Độ dài thật của quãng đường AB là :

- A. 10 000mm B. 10 000cm C. 10 000dm D. 10 000m

b) Trên bản đồ tỷ lệ 1 : 1000, độ dài 1dm ứng với độ dài thật là :

- A. 1000cm B. 100cm C. 1000dm D. 1000m

c) Trên bản đồ tỷ lệ 1 : 5000, độ dài 4cm ứng với độ dài thật là :

- A. 5000cm B. 200 000cm C. 200dm D. 200m

Bài 4 : Khoanh tròn vào chữ cái trước câu trả lời đúng:

a) Trên bản đồ tỷ lệ 1 : 600 000, quãng đường từ Thành phố Hồ Chí Minh đi Cần Thơ là 29cm. Độ dài thật của quãng đường từ Thành phố Hồ Chí Minh đi Cần Thơ là :

- A. 174 000cm B. 17 400m C. 124km D. 174km

b) Trên bản đồ tỉ lệ 1 : 10 000, chiều dài của một đoạn đường đo được là 14cm. Trên bản đồ tỉ lệ 1 : 20 000, chiều dài của đoạn đường đó là:

- A. 7m B. 7dm C. 7cm D. 28cm

Bài 5: Viết số thích hợp vào chỗ chấm:

Tỉ lệ bản đồ	Độ dài trên bản đồ	Độ dài thật
1:500	2dmdm
1:10 000	15cmcm
1:20 000	8mmmm

Bài 6 : Viết số thích hợp vào chỗ chấm:

Tỉ lệ bản đồ	Độ dài trên bản đồ	Độ dài thật
1:5000	50mcm
1:15 000	3kmdm
1:500 000	25kmcm

Bài 7: Một mảnh đất hình chữ nhật được vẽ trên bản đồ tỉ lệ 1 : 500 có chiều dài 6cm, chiều rộng 4cm. Tính diện tích thật của mảnh đất đó với đơn vị mét vuông?

Bài giải

.....

.....

.....

.....

.....

.....

Bài 8: Một khu vườn hình chữ nhật có chiều rộng 60m, chiều dài 100m. Hãy vẽ hình chữ nhật biểu thị khu đất đó trên bản đồ tỉ lệ 1 : 2000.

Bài giải

.....

.....

.....

PHIẾU 2

I. PHẦN TRẮC NGHIỆM: Điền đáp án vào ô trống.

1	Trên bản đồ tỉ lệ 1: 300, chiều dài sân khấu trường Nam đo được 4cm. Chiều dài thật của sân khấu trường Nam là.....m	12
2	Kết quả của phép tính $\frac{17}{9} + \frac{19}{7} - \frac{8}{9} - \frac{5}{7}$ là:	3
3	Kết quả của phép tính $\frac{24}{13} : \frac{12}{26} + \frac{49}{15} : \frac{7}{30}$ là:	18
4	Chiều dài và chiều rộng của phòng học lớp em lần lượt là 8m và 6m. Trên bản đồ tỉ lệ 1: 200, chiều dài trên bản đồ của phòng học lớp em là:cm	4
5	Năm nay Hoa còn kém cô Nhung 27 tuổi và tuổi của cô Nhung gấp 4 lần tuổi của Hoa. Vậy 5 năm nữa cô Nhung.....tuổi.	41
6	Một mảnh đất trồng hoa hình thoi có cạnh 10m được vẽ trên bản đồ tỉ lệ 1: 500. Như vậy trên bản đồ, độ dài thu nhỏ cạnh hình thoi là:cm	2
7	Một thúng đựng tất cả 72 quả cam và quýt. Trong đó số quả quýt bằng $\frac{2}{7}$ số quả cam. Số quả cam là:quả	56
8	So sánh: $\frac{1}{7} + \frac{1}{13} + \frac{1}{25} + \frac{1}{19} + \frac{1}{97}$1. Dấu thích hợp điền vào chỗ chấm là:	<
9*	An và Bình cùng góp chung tiền được 34000 đồng mua bóng. Số tiền góp của An bằng $\frac{8}{9}$ số tiền góp của Bình. Hiệu số tiền hai người góp là:đồng	2000
10*	Một mảnh đất hình vuông được vẽ trên bản đồ tỉ lệ 1:300, tỉ số diện tích của mảnh đất trên bản đồ và mảnh đất trên thực tế là bao nhiêu? Kết quả là:	1/90000

II. PHẦN TỰ LUẬN: Trình bày chi tiết bài làm vào vở:

Bài 11. Quãng đường AB dài 100km được vẽ trên bản đồ tỉ lệ 1 : 5000000. Quãng đường CD dài 50km được vẽ trên bản đồ tỉ lệ 1 : 2 500 000. Hãy so sánh độ dài thu nhỏ của quãng đường AB và độ dài thu nhỏ của quãng đường CD.

Bài giải

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

Bài 12. Một hình thoi có tổng độ dài hai đường chéo là 104cm. Đường chéo dài có độ dài gấp ba đường chéo ngắn. Tính diện tích hình thoi đó.

Bài giải

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

TUẦN 31

Ôn tập về số tự nhiên và các phép tính với số tự nhiên

PHIẾU 1

Bài 1: Viết tiếp vào ô trống:

Số gồm có	Viết số	Đọc số
2 chục nghìn, 5 nghìn 6 trăm, 7 đơn vị	25 607
.....		Ba mươi bảy nghìn hai trăm tám mươi một
.....	4 406 778

Bài 2: Viết tiếp vào chỗ chấm:

Trong số 3 571 207:

- a) Chữ số 5 thuộc hàng lớp
- b) Chữ số 2 thuộc hàng lớp
- c) Chữ số 3 thuộc hàng lớp

Bài 3: Điền dấu ($>$; $<$; $=$)

- a) $989 \dots 1121$
- b) $35\,768 \dots 35\,678$
- c) $14\,215 \dots 9578$
- d) $4000 \dots 3997 + 3$

Bài 4: Viết tiếp vào chỗ chấm:

Trong các số 90; 986; 1335; 4518; 21354:

- a) Các số chia hết cho 2 là:
- b) Các số chia hết cho 3 là:
- c) Các số chia hết cho 5 là:
- d) Các số chia hết cho 9 là:
- e) Các số chia hết cho cả 2 và 3 là:
- f) Các số chia hết cho cả 3 và 5 là:

Bài 5: Đặt tính rồi tính:

$7863 + 2379$

$35746 + 4357$

$72465 - 43267$

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

Bài 6 : Viết số thích hợp vào ô trống để :

a) $25 \square$ chia hết cho 2 và 5.

b) $58 \square$ chia hết cho 3 và 5.

c) $17 \square 36$ chia hết cho 9.

Bài 7: Viết tiếp vào chỗ trống:

Biết $765 < x < 774$. Tìm x:

a) Nếu x là số chẵn thì x là:

b) Nếu x là số lẻ thì x là:

c) Nếu x là số tròn chục thì x là:

d) Nếu x chia hết cho 3 thì x là:

Bài 8: Tổ 1 làm được 4850 sản phẩm, tổ 2 làm được số sản phẩm bằng $\frac{4}{5}$ số sản phẩm của tổ 1, tổ 3 làm được số sản phẩm bằng mức trung bình của cả ba tổ. Hỏi tổ 3 làm được bao nhiêu sản phẩm?

Bài giải

.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....

PHIẾU 2

I. PHẦN TRẮC NGHIỆM:

Câu	Đề bài	Đáp án
1	Giá trị của chữ số 8 trong số 35028610 là:	
2	Số gồm: 16 triệu, 237 nghìn, 9 trăm, 8 chục, 5 đơn vị là:	
3	Trong các số: 87625, 86725, 78645, 86275 số lớn nhất là:	
4	Số chẵn lớn nhất có ba chữ số khác nhau là:	
5	Số lẻ bé nhất có 4 chữ số khác nhau là:	
6	Kết quả của phép tính: $70000 + 4000 + 450$ là:	
7	Với ba chữ số: 0; 7; 9, số lượng các số lập bởi cả ba chữ số trên là:	
8	Biết $6235 < x < 6242$, số tự nhiên x vừa chia hết cho 2, vừa chia hết cho 5 là:	
9*	Viết số thứ 10 trong dãy sau: 2; 6; 12; 20; ... ; ... ;	
10*	Phải viết tất cả số chữ số để ghi các trang của một quyển sách có 156 trang là:chữ số.	

II. PHẦN TỰ LUẬN: Trình bày chi tiết bài làm vào vở:

Bài 11. Tích của hai số là 6893. Nếu gấp thừa số thứ nhất lên 2 lần và gấp thừa số thứ hai lên 3 lần thì tích mới tăng lên bao nhiêu lần? Tìm tích mới đó.

Bài giải

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....
.....
Bài 12. Một trại chăn nuôi gà có 10350 con gà mái, số gà trống bằng $\frac{2}{5}$ số gà mái. Hỏi trại chăn nuôi đó có tất cả bao nhiêu con gà?

Bài giải

.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....

ĐÁP ÁN

II. PHẦN TRẮC NGHIỆM:

Câu	Đề bài	Đáp án
1	Giá trị của chữ số 8 trong số 35028610 là:	8000
2	Số gồm: 16 triệu, 237 nghìn, 9 trăm, 8 chục, 5 đơn vị là:	16237985
3	Trong các số: 87625, 86725, 78645, 86275 số lớn nhất là:	87625
4	Số chẵn lớn nhất có ba chữ số khác nhau là:	986
5	Số lẻ bé nhất có 4 chữ số khác nhau là:	1023
6	Kết quả của phép tính: $70000 + 4000 + 450$ là:	74450
7	Với ba chữ số: 0; 7; 9, số lượng các số lập bởi cả ba chữ số trên là:	4
8	Biết $6235 < x < 6242$, số tự nhiên x vừa chia hết cho 2, vừa chia hết cho 5 là:	6240
9*	Viết số thứ 10 trong dãy sau: 2; 6; 12; 20; ... ; ... ;	110
10*	Phải viết tất cả số chữ số để ghi các trang của một quyển sách có 156 trang là:chữ số.	360

II. PHẦN TỰ LUẬN: Trình bày chi tiết bài làm vào vở:

Bài 11.

Tích mới tăng lên: $2 \times 3 = 6$ (lần)

Tích mới là: $6893 \times 6 = 41358$

ĐS: 42358

Bài 12.

Số gà trống là: $10350 : 5 = 2070$ (con)

Trại chăn nuôi đó có tất cả số gà là: $2070 + 10350 = 12420$ (con)

Đáp số: 12420 con.

PHIẾU 3

	STT	Câu hỏi	Đáp án
DỄ	1	Số lớn nhất trong các số sau: 14250; 26389; 100000; 99999 là:	
	2	So sánh $25 \times 43 \times 6 \dots 43 \times 6 \times 26$. Dấu thích hợp điền vào chỗ chấm là:	
	3	Một cửa hàng bán gạo, ngày thứ nhất bán được 24 tạ gạo và bằng $\frac{4}{5}$ số gạo bán được ngày thứ hai. Cả hai ngày cửa hàng đó bán được ... tạ gạo. Số thích hợp điền vào chỗ chấm là:	
	4	Tổng của hai số 35467 và 812367 là:	
	5	Tìm y biết: $y - 27838 = 18234$	
TB	6	Chuyến xe tải thứ nhất chở được 1200kg thóc. Chuyến xe tải thứ hai chở ít hơn chuyến xe tải thứ nhất 100kg thóc. Cả hai chuyến xe chở đượctạ thóc.	
	7	Tổng của số lớn nhất có bốn chữ số và số nhỏ nhất có ba chữ số khác nhau là:	
	8	Số lớn nhất có bốn chữ số khác nhau được lập từ bốn chữ số 5 ; 3; 4 ; 7 là:	
	9	Cho số $A = \overline{a107b}$ chia hết cho cả 2; 5 và 9. Vậy số A là:	
	10	Kết quả của phép tính: $1764 + 326 + 1675$ là:	
KHÓ	11	Trung bình cộng của hai số là số chẵn lớn nhất có một chữ số. Hiệu hai số là 2. Số lớn là:	
	12	Số lẻ lớn nhất có bốn chữ số mà tổng các chữ số bằng 11 và số đó khi chia cho 5 thì dư 4 là:	
	13	Cho dãy số: 2, 5, 8, 11, 14, có tất cả 50 số hạng. Số cuối cùng của dãy là:	
	14	Kết quả của phép tính: $\frac{1}{2} \times 3 + \frac{1}{3} \times 4 + \frac{1}{4} \times 5 + \dots + \frac{1}{19} \times 20$ là:	

15	<p>Một cuốn sách có 98 trang. Người ta phải dùng bao nhiêu chữ số để đánh hết số trang của cuốn sách đó?</p> <p>Người ta phải dùng chữ số để đánh hết số trang của cuốn sách đó</p>
----	--

ĐÁP ÁN

	STT	Câu hỏi	Đáp án
DỄ	1	Số lớn nhất trong các số sau: 14250; 26389; 100000; 99999 là:	100000
	2	So sánh $25 \times 43 \times 6 \dots 43 \times 6 \times 26$. Dấu thích hợp điền vào chỗ chấm là:	<
	3	Một cửa hàng bán gạo, ngày thứ nhất bán được 24 tạ gạo và bằng $\frac{4}{5}$ số gạo bán được ngày thứ hai. Cả hai ngày cửa hàng đó bán được ... tạ gạo. Số thích hợp điền vào chỗ chấm là:	54
	4	Tổng của hai số 35467 và 812367 là:	847834
	5	Tìm y biết: $y - 27838 = 18234$	46072
TB	6	Chuyến xe tải thứ nhất chở được 1200kg thóc. Chuyến xe tải thứ hai chở ít hơn chuyến xe tải thứ nhất 100kg thóc. Cả hai chuyến xe chở đượctạ thóc.	23
	7	Tổng của số lớn nhất có bốn chữ số và số nhỏ nhất có ba chữ số khác nhau là:	10101
	8	Số lớn nhất có bốn chữ số khác nhau được lập từ bốn chữ số 5 ; 3; 4 ; 7 là:	7543
	9	Cho số $A = \overline{a107b}$ chia hết cho cả 2; 5 và 9. Vậy số A là:	11070
	10	Kết quả của phép tính: $1764 + 326 + 1675$ là:	3765
KHÓ	11	Trung bình cộng của hai số là số chẵn lớn nhất có một chữ số. Hiệu hai số là 2. Số lớn là:	9
	12	Số lẻ lớn nhất có bốn chữ số mà tổng các chữ số bằng 11 và số đó khi chia cho 5 thì dư 4 là:	2009
	13	Cho dãy số: 2, 5, 8, 11, 14, có tất cả 50 số hạng. Số cuối cùng của dãy là:	149

14	Kết quả của phép tính: $1/2 \times 3 + 1/3 \times 4 + 1/4 \times 5 + \dots + 1/19 \times 20$ là:	9/20
15	Một cuốn sách có 98 trang. Người ta phải dùng bao nhiêu chữ số để đánh hết số trang của cuốn sách đó? Người ta phải dùng chữ số để đánh hết số trang của cuốn sách đó	175

TUẦN 32

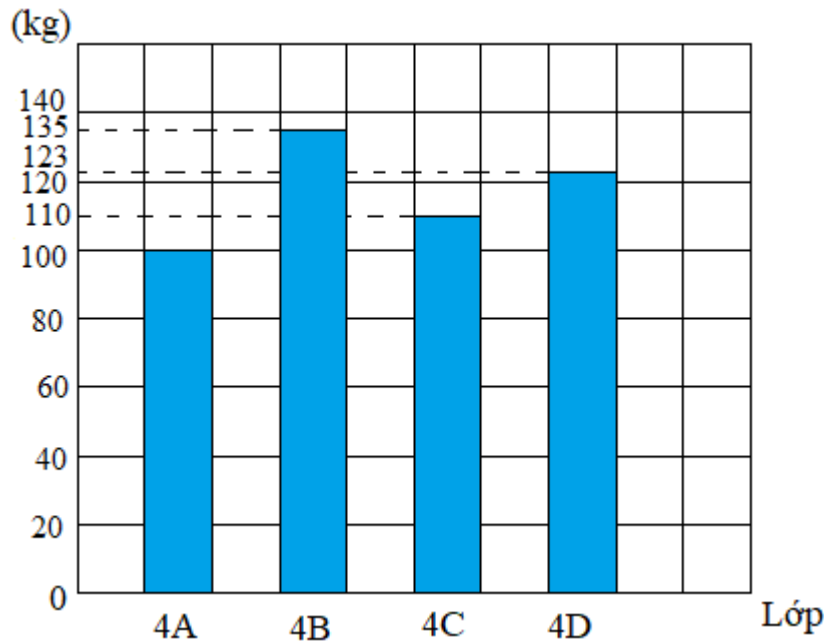
Ôn tập về các phép tính với số tự nhiên. Ôn tập về biểu đồ
Ôn tập về phân số và các phép tính với phân số

PHIẾU 1

Bài 1: Đặt tính rồi tính:

2156×42	526×123	$9890 : 46$
.....
.....
.....
.....
.....

Bài 2: Biểu đồ dưới đây cho biết số ki-lô-gam giấy vụn khối lớp Bốn đã thu được:



Dựa vào biểu đồ trên hãy viết tiếp vào chỗ chấm:

- a) Lớp 4C thu được kg giấy vụn.
- b) Lớp thu được nhiều giấy vụn nhất.
- c) Trung bình mỗi lớp thu đượckg giấy vụn.

Bài 3: Viết tiếp vào chỗ chấm:

PHIẾU 2

I. PHẦN TRẮC NGHIỆM:

Câu	Đề bài	Đáp án
1.	Tính: $4802025 + 4802905 = \dots$	
2.	Tìm X, biết: $X \times 56 = 13216$	
3.	Tính: $4506 \times 231 =$	
4.	Cho các phân số: $\frac{4}{10}; \frac{6}{15}; \frac{8}{20}; \frac{7}{9}; \frac{10}{12}; \frac{6}{9}$. Có bao nhiêu phân số bằng phân số $\frac{2}{5}$. Có số phân số bằng phân số $\frac{2}{5}$ là:	
5.	Tính: $\frac{2}{3} + \frac{1}{2} = \dots$ (điền phân số tối giản)	
6.	Tính: $\frac{1}{2} \times \frac{2}{3} \times \frac{3}{4} \times \frac{4}{5} = \dots$ (điền phân số tối giản)	
7.	Tính: $\frac{2}{3} : \frac{4}{3} \times \frac{1}{3} = \dots$ (điền phân số tối giản)	
8.	Một trường học có 490 học sinh nữ và chiếm $\frac{7}{15}$ tổng số học sinh của toàn trường. Hỏi trường đó có bao nhiêu học sinh? Trường đó có số học sinh là: học sinh.	
9*	Hiệu của hai số là 10. Nếu viết thêm chữ số 2 vào bên phải số bị trừ và giữ nguyên số trừ thì hiệu mới là 642. Số bị trừ lúc đầu là:	
10*	Tổng của hai phân số là $\frac{11}{15}$. Hiệu của hai phân số là $\frac{1}{15}$. Tích của hai phân số đó là:	

II. PHẦN TỰ LUẬN: Trình bày chi tiết bài làm vào vở:

Bài 11. Một chủ trại nuôi gà có 430 con gà. Người ta đã tiêm phòng dịch $\frac{3}{5}$ số gà đó. Hỏi còn lại bao nhiêu con gà chưa tiêm phòng?

Bài giải

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

Bài 12. Tìm một phân số có mẫu số hơn tử số là 30. Khi rút gọn phân số đó ta được phân số $\frac{1}{7}$.

Bài giải

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

ĐÁP ÁN

II. PHẦN TRẮC NGHIỆM:

Câu	Đề bài	Đáp án
1	Tính: $4802025 + 4802905 = \dots$	9604930
2	Tìm X, biết: $X \times 56 = 13216$	236
3	Tính: $4506 \times 231 =$	1040886
4	Cho các phân số: $\frac{4}{10}; \frac{6}{15}; \frac{8}{20}; \frac{7}{9}; \frac{10}{12}; \frac{6}{9}$. Có bao nhiêu phân số bằng phân số $\frac{2}{5}$. Có số phân số bằng phân số $\frac{2}{5}$ là:	3
5	Tính: $\frac{2}{3} + \frac{1}{2} = \dots$ (điền phân số tối giản)	7/6
6	Tính: $\frac{1}{2} \times \frac{2}{3} \times \frac{3}{4} \times \frac{4}{5} = \dots$ (điền phân số tối giản)	1/5
7	Tính: $\frac{2}{3} : \frac{4}{3} \times \frac{1}{3} = \dots$ (điền phân số tối giản)	1/6
8	Một trường học có 490 học sinh nữ và chiếm $\frac{7}{15}$ tổng số học sinh của toàn trường. Hỏi trường đó có bao nhiêu học sinh? Trường đó có số học sinh là: học sinh.	1050
9	Hiệu của hai số là 10. Nếu viết thêm chữ số 2 vào bên phải số bị trừ và giữ nguyên số trừ thì hiệu mới là 642. Số bị trừ lúc đầu là:	70
10	Tổng của hai phân số là $\frac{11}{15}$. Hiệu của hai phân số là $\frac{1}{15}$. Tích của hai phân số đó là:	2/15

II. PHẦN TỰ LUẬN: Trình bày chi tiết bài làm vào vở:

Bài 11. Một chủ trại nuôi gà có 430 con gà. Người ta đã tiêm phòng dịch $\frac{3}{5}$ số gà đó. Hỏi còn lại bao nhiêu con gà chưa tiêm phòng?

Giải:

Số gà chưa tiêm phòng chiếm số phần tổng số gà là: $1 - \frac{3}{5} = \frac{2}{5}$ (số gà)

Số gà chưa tiêm phòng là: $430 \times \frac{2}{5} = 172$ (con)

ĐS: 172 con.

Bài 12. Tìm một phân số có mẫu số hơn tử số là 30. Khi rút gọn phân số đó ta được phân số $\frac{1}{7}$.

Giải:

Tử số là: $30 : (7 - 1) = 5$

Mẫu số là: $30 + 5 = 35$

ĐS: 5/35

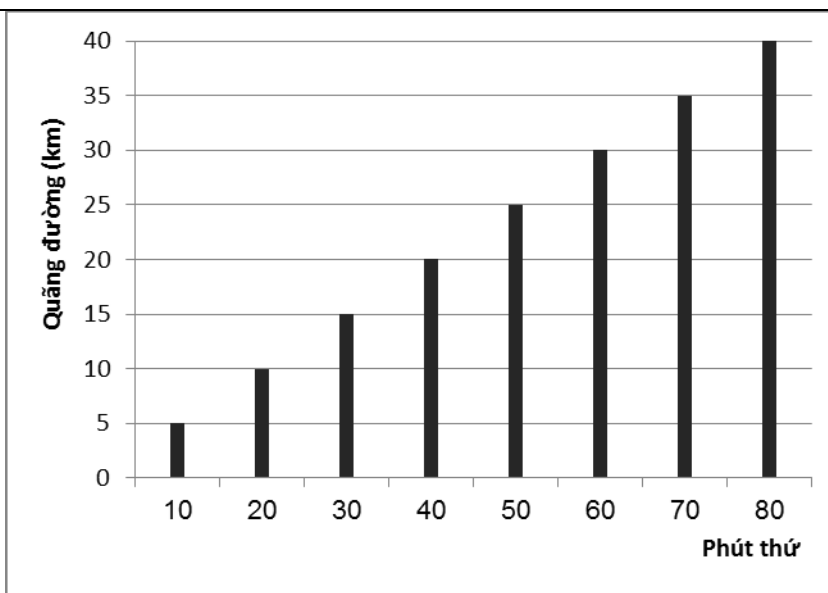
PHIẾU 3

Dễ	46	Tính: $182967 + 968590$																		
	47	Tìm x , biết: $x + 354 = 3071$																		
	48	Kết quả của phép tính: $25 \times 78 \times 4$ là:																		
	49	Biết: $18 - x = 6$; $18 + y = 24$. Kết quả của phép tính: $x \times y$ là:																		
	50	<p>Mai tham gia một chuyến du lịch bằng xe đạp cùng với một vận động viên đua xe đạp. Bạn ấy ghi lại quãng đường đi được sau mỗi 10 phút, sau đó bạn ấy lập biểu đồ thể hiện số liệu đã ghi lại được.</p> <div style="text-align: center;"> <table border="1" style="margin: 10px auto;"> <caption>Data from the bar chart</caption> <thead> <tr> <th>Phút thứ</th> <th>Quãng đường (km)</th> </tr> </thead> <tbody> <tr><td>10</td><td>5</td></tr> <tr><td>20</td><td>10</td></tr> <tr><td>30</td><td>15</td></tr> <tr><td>40</td><td>20</td></tr> <tr><td>50</td><td>25</td></tr> <tr><td>60</td><td>30</td></tr> <tr><td>70</td><td>35</td></tr> <tr><td>80</td><td>40</td></tr> </tbody> </table> </div> <p>Hãy cho biết, trong 30 phút đầu vận động viên đó đã đi được bao nhiêu ki – lô – mét?</p> <p>Trong 30 phút đầu vận động viên đó đã đi đượckm</p>	Phút thứ	Quãng đường (km)	10	5	20	10	30	15	40	20	50	25	60	30	70	35	80	40
Phút thứ	Quãng đường (km)																			
10	5																			
20	10																			
30	15																			
40	20																			
50	25																			
60	30																			
70	35																			
80	40																			
Trung bình	51	<p>Mai tham gia một chuyến du lịch bằng xe đạp cùng với một vận động viên đua xe đạp. Bạn ấy ghi lại quãng đường đi được sau mỗi 10 phút, sau đó bạn ấy lập biểu đồ thể hiện số liệu đã ghi lại được.</p>																		

	<p>Tổng số ki – lô – mét mà vận động viên đó đi được là:km</p>	
	52 Kết quả của phép tính: $3000000 - 83799$ là:	
	53 Hiệu của hai số là 12. Nếu viết thêm chữ số 3 vào bên phải số bị trừ và giữ nguyên số trừ thì hiệu mới là 17601. Số bị trừ là:	
	54 Hiệu của hai số là 12. Nếu viết thêm chữ số 3 vào bên phải số bị trừ và giữ nguyên số trừ thì hiệu mới là 17601. Số trừ là:	
	55 Số có hai chữ số bé nhất chia hết cho 2, cho 3 và cho 5 là:	
Khó	56 Giá trị của biểu thức $a \times 3 + b \times 5$ với $a = 2014$; $b = 2015$ là:	
	57 Cho các phân số: $\frac{3}{4}$; $\frac{4}{7}$; $\frac{5}{4}$; $\frac{4}{5}$. Trong các phân số trên, phân số lớn nhất là:	
	58 Tính: $\frac{1}{4} \times \frac{4}{7} + \frac{2}{3}$:	
	59 Tính: $\frac{5}{9} : \frac{4}{6} + \frac{9}{8} \times \frac{4}{3}$:	
	60 Tìm một phân số biết, nếu lấy phân số đó chia cho $\frac{2}{3}$ rồi cộng với số lẻ nhỏ nhất có 2 chữ số thì được kết quả là $\frac{73}{6}$. Phân số đó là:	

ĐÁP ÁN

Dễ	46	Tính: $182967 + 968590$	1151557																	
	47	Tìm x , biết: $x + 354 = 3071$	2717																	
	48	Kết quả của phép tính: $25 \times 78 \times 4$ là:	7800																	
	49	Biết: $18 - x = 6$; $18 + y = 24$. Kết quả của phép tính: $x \times y$ là:	72																	
	50	<p>Mai tham gia một chuyến du lịch bằng xe đạp cùng với một vận động viên đua xe đạp. Bạn ấy ghi lại quãng đường đi được sau mỗi 10 phút, sau đó bạn ấy lập biểu đồ thể hiện số liệu đã ghi lại được.</p> <div style="text-align: center;"> <table border="1" style="margin: 10px auto;"> <caption>Data from the bar chart</caption> <thead> <tr> <th>Phút thứ</th> <th>Quãng đường (km)</th> </tr> </thead> <tbody> <tr><td>10</td><td>5</td></tr> <tr><td>20</td><td>10</td></tr> <tr><td>30</td><td>15</td></tr> <tr><td>40</td><td>20</td></tr> <tr><td>50</td><td>25</td></tr> <tr><td>60</td><td>30</td></tr> <tr><td>70</td><td>35</td></tr> <tr><td>80</td><td>40</td></tr> </tbody> </table> </div> <p>Hãy cho biết, trong 30 phút đầu vận động viên đó đã đi được bao nhiêu ki – lô – mét? Trong 30 phút đầu vận động viên đó đã đi đượckm</p>	Phút thứ	Quãng đường (km)	10	5	20	10	30	15	40	20	50	25	60	30	70	35	80	40
Phút thứ	Quãng đường (km)																			
10	5																			
20	10																			
30	15																			
40	20																			
50	25																			
60	30																			
70	35																			
80	40																			
Trung bình	51	<p>Mai tham gia một chuyến du lịch bằng xe đạp cùng với một vận động viên đua xe đạp. Bạn ấy ghi lại quãng đường đi được sau mỗi 10 phút, sau đó bạn ấy lập biểu đồ thể hiện số liệu đã ghi lại được.</p>	180																	



Tổng số ki – lô – mét mà vận động viên đó đi được là:km

	52	Kết quả của phép tính: $3000000 - 83799$ là: 2916201
	53	Hiệu của hai số là 12. Nếu viết thêm chữ số 3 vào bên phải số bị trừ và giữ nguyên số trừ thì hiệu mới là 17601. Số bị trừ là: 1954
	54	Hiệu của hai số là 12. Nếu viết thêm chữ số 3 vào bên phải số bị trừ và giữ nguyên số trừ thì hiệu mới là 17601. Số trừ là: 1942
	55	Số có hai chữ số bé nhất chia hết cho 2, cho 3 và cho 5 là: 30
Khó	56	Giá trị của biểu thức $a \times 3 + b \times 5$ với $a = 2014$; $b = 2015$ là: 16117
	57	Cho các phân số: $\frac{3}{4}$; $\frac{4}{7}$; $\frac{5}{4}$; $\frac{4}{5}$. Trong các phân số trên, phân số lớn nhất là: 5/4
	58	Tính: $\frac{1}{4} \times \frac{4}{7} + \frac{2}{3}$: 17/21
	59	Tính: $\frac{5}{9} : \frac{4}{6} + \frac{9}{8} \times \frac{4}{3}$: 7/3
	60	Tìm một phân số biết, nếu lấy phân số đó chia cho $2/3$ rồi cộng với số lẻ nhỏ nhất có 2 chữ số thì được kết quả là $73/6$. Phân số đó là: 7/9

TUẦN 33

Ôn tập về các phép tính với phân số.

Ôn tập về đại lượng.

PHIẾU 1

Bài 1: Khoanh vào chữ cái trước câu trả lời đúng:

a) Kết quả của phép cộng $\frac{3}{7} + \frac{5}{14}$ là:

A. $\frac{8}{21}$

B. $\frac{11}{14}$

C. $\frac{14}{11}$

D. $\frac{15}{98}$

b) Kết quả của phép nhân $\frac{11}{15} \times \frac{8}{9}$ là:

A. $\frac{88}{135}$

B. $\frac{135}{88}$

C. $\frac{19}{24}$

D. $\frac{99}{120}$

Bài 2: Tính bằng hai cách:

a) $\left(\frac{11}{15} - \frac{7}{15}\right) \times \frac{2}{7} = \dots\dots\dots$

$\left(\frac{11}{15} - \frac{7}{15}\right) \times \frac{2}{7} = \dots\dots\dots$

b) $\left(\frac{5}{11} + \frac{3}{11}\right) : \frac{3}{4} = \dots\dots\dots$

$\left(\frac{5}{11} + \frac{3}{11}\right) : \frac{3}{4} = \dots\dots\dots$

Bài 3: Viết số thích hợp vào chỗ chấm:

a) 5 tấn =kg

1200kg =tạ

b) $\frac{1}{4}$ thế kỉ =năm

$\frac{1}{5}$ phút =giây

Bài 4 : Khoanh vào chữ cái trước câu trả lời đúng:

a) Số thích hợp viết vào chỗ chấm của 3 giờ 35 phút =phút là:

A. 335

B. 135

C. 215

D. 115

b) Số thích hợp viết vào chỗ chấm của $5\text{kg } 50\text{g} = \dots\dots\text{g}$ là:

- A. 55 B. 550 C. 5500 D. 5050

Bài 5: Đúng ghi Đ, sai ghi S:

- a) 4 giờ 15 phút = 415 phút b) 12 tạ 5kg = 1205kg

Bài 6 : Tìm x:

a) $x - \frac{5}{7} = \frac{3}{5} \times \frac{1}{2}$

b) $x \times \frac{2}{3} = \frac{8}{8} + \frac{3}{4}$

.....
.....
.....

.....
.....
.....

Bài 7: Điền dấu ($>$; $<$; $=$)

- a) $\frac{1}{5}$ giờ ... 600 giây b) 15 tấn 50kg ... 15 500kg
c) 6 phút 50 giây ... 410 giây d) 3kg 50g ... 350g

Bài 8: Trong một khu vườn hình chữ nhật, người ta dành $\frac{3}{5}$ diện tích để trồng rau, $\frac{1}{8}$ diện tích làm ao thả cá, còn lại là đường đi.

a) Hỏi diện tích đường đi chiếm bao nhiêu phần diện tích khu vườn?

b) Tính diện tích trồng rau biết chiều dài của khu vườn là 22m và chiều rộng của khu vườn là 15m

Bài giải

.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....

PHIẾU 2

I. PHẦN TRẮC NGHIỆM: Điền đáp án vào ô trống.

1	Kết quả của phép tính: $\frac{18}{11} : 3$ (kết quả để dạng phân số tối giản) là:	
2	Tìm a biết: $a : \frac{3}{5} = 4$. Giá trị của a là:	
3	Kết quả của biểu thức: $(\frac{7}{6} - \frac{4}{4}) : \frac{3}{5}$ (kết quả để dạng phân số tối giản) là:	
4	Kết quả của biểu thức: $\frac{4 \times 5 \times 6 \times 7}{5 \times 6 \times 7 \times 8}$ (kết quả để dạng phân số tối giản) là:	
5	Cho: 2 tấn 34kg = ...kg. Số thích hợp điền vào chỗ chấm là:	
6	Cho: 8 phút 35 giây =giây. Số thích hợp điền vào chỗ chấm là:	
7	Một hình chữ nhật có chiều dài là $\frac{7}{10}$ m, chiều rộng ngắn hơn chiều dài $\frac{1}{5}$ m. Chu vi hình chữ nhật đó là:m.(kết quả để dạng phân số tối giản).	
8	Một xe tải bé chở được 16 bao gạo, mỗi bao nặng 50kg. Một xe tải lớn chở được 90 bao gạo, mỗi bao nặng 70kg. Xe tải lớn chở được nhiều hơn xe tải bé....tạ gạo.	
9	Một cửa hàng có 8 tạ gạo, đã bán $\frac{3}{5}$ số gạo đó. Số gạo còn lại được chia đều ra các bao, mỗi bao đựng $\frac{2}{5}$ tạ gạo. Số bao gạo là:bao.	
10	Một quầy lương thực có một số gạo. Lần thứ nhất bán được $\frac{1}{3}$ số gạo và 8kg gạo. Lần thứ hai bán được $\frac{1}{3}$ số gạo còn lại và 8kg gạo nữa. Lần thứ ba bán được $\frac{1}{3}$ số gạo còn lại và 8kg thì vù hết. Trước khi bán quầy có số ki-lô-gam gạo là: ...kg gạo.	

II. PHẦN TỰ LUẬN: Trình bày chi tiết bài làm vào vở:

Bài 11. Một tấm vải 40m, người ta cắt ra $\frac{3}{4}$ tấm vải để may quần áo. Tính xem số vải cắt ra may được nhiều nhất bao nhiêu bộ quần áo và còn thừa mấy mét vải, biết rằng mỗi bộ quần áo may hết 4m vải.

Bài giải

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

Bài 12. Một cửa hàng có 1500kg gạo nếp và tẻ, số gạo nếp chiếm $\frac{1}{6}$ tổng số gạo. Người ta đem gạo đóng vào các túi nhỏ, mỗi túi gạo tẻ đựng 5kg, mỗi túi gạo nếp đựng 2kg. Như vậy người ta đóng được bao nhiêu túi gạo mỗi loại?

Bài giải

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

PHIẾU 2

I. PHẦN TRẮC NGHIỆM: Điền đáp án vào ô trống.

1	Kết quả của phép tính: $\frac{18}{11} : 3$ (kết quả để dạng phân số tối giản) là:	6/11
2	Tìm a biết: $a : \frac{3}{5} = 4$. Giá trị của a là:	12/5
3	Kết quả của biểu thức: $(\frac{7}{6} - \frac{4}{4}) : \frac{3}{5}$ (kết quả để dạng phân số tối giản) là:	25/36
4	Kết quả của biểu thức: $\frac{4 \times 5 \times 6 \times 7}{5 \times 6 \times 7 \times 8}$ (kết quả để dạng phân số tối giản) là:	1/2
5	Cho: 2 tấn 34kg =kg. Số thích hợp điền vào chỗ chấm là:	2034
6	Cho: 8 phút 35 giây =giây. Số thích hợp điền vào chỗ chấm là:	515
7	Một hình chữ nhật có chiều dài là $\frac{7}{10}$ m, chiều rộng ngắn hơn chiều dài $\frac{1}{5}$ m. Chu vi hình chữ nhật đó là:m.(kết quả để dạng phân số tối giản).	12/5
8	Một xe tải bé chở được 16 bao gạo, mỗi bao nặng 50kg. Một xe tải lớn chở được 90 bao gạo, mỗi bao nặng 70kg. Xe tải lớn chở được nhiều hơn xe tải bé....tạ gạo.	55
9	Một cửa hàng có 8 tạ gạo, đã bán $\frac{3}{5}$ số gạo đó. Số gạo còn lại được chia đều ra các bao, mỗi bao đựng $\frac{2}{5}$ tạ gạo. Số bao gạo là:bao.	8
10	Một quầy lương thực có một số gạo. Lần thứ nhất bán được $\frac{1}{3}$ số gạo và 8kg gạo. Lần thứ hai bán được $\frac{1}{3}$ số gạo còn lại và 8kg gạo nữa. Lần thứ ba bán được $\frac{1}{3}$ số gạo còn lại và 8kg thì vù hết. Trước khi bán quầy có số ki-lô-gam gạo là:...kg gạo.	57

II. PHẦN TỰ LUẬN: Trình bày chi tiết bài làm vào vở:

Bài 11. Một tấm vải 40m, người ta cắt ra $\frac{3}{4}$ tấm vải để may quần áo. Tính xem số vải cắt ra may được nhiều nhất bao nhiêu bộ quần áo và còn thừa mấy mét vải, biết rằng mỗi bộ quần áo may hết 4m vải.

Bài giải:

Số vải được sử dụng để may quần áo là: $40 \times \frac{3}{4} = 30$ (m)

Số bộ quần áo may được là: 7 bộ và dư 2m vì $30:4 = 7$ (dư 2)

Vậy may được 7 bộ quần áo và thừa ra 2m vải.

Bài 12. Một cửa hàng có 1500kg gạo nếp và tẻ, số gạo nếp chiếm $\frac{1}{6}$ tổng số gạo. Người ta đem gạo đóng vào các túi nhỏ, mỗi túi gạo tẻ đựng 5kg, mỗi túi gạo nếp đựng 2kg. Như vậy người ta đóng được bao nhiêu túi gạo mỗi loại?

Bài giải:

Số gạo nếp là: $1500 \times \frac{1}{6} = 250$ (kg)

Số túi gạo nếp là: $250 : 2 = 125$ (túi)

Số gạo tẻ là: $1500 - 250 = 1250$ (kg)

Số túi gạo tẻ là: $1250 : 5 = 250$ (túi)

Đáp số: 125 túi gạo nếp

250 túi gạo tẻ

PHIẾU 3

Dễ	1	Hòa có 11 cặp tóc: 4 cái màu đỏ, 4 cái màu xanh, 1 cái màu tím. Phân số chỉ phần cặp tóc màu đỏ của Hòa là:	
	2	Phân số nào trong các phân số dưới đây có giá trị gần bằng 1 nhất? $\frac{3}{3}$; $\frac{7}{8}$; $\frac{6}{5}$; $\frac{11}{12}$	
	3	Kết quả của phép cộng $\frac{1}{5} + \frac{3}{3}$ là: (Phân số được viết dưới dạng phân số tối giản)	
	4	Kết quả của phép tính: $\frac{6}{7} - \frac{3}{4}$ là: (Phân số được viết dưới dạng phân số tối giản)	
	5	Kết quả của phép tính $\frac{4}{9} \times \frac{5}{7}$ là:	
Trung bình	6	Kết quả của phép tính: $\frac{1}{2} : \frac{1}{6}$ là:	
	7	$\frac{2}{3}$ của 42 là:	
	8	$\frac{1}{2}$ giờ = ... phút	
	9	$\frac{1}{4}$ tấn = ... kg	
	10	$\frac{5}{8}$ km ² = ... m ²	
Khó	11	Một tấm vải 40m, người ta cắt ra $\frac{3}{4}$ tấm vải để may quần áo. Tính xem số vải cắt ra may được nhiều nhất bao nhiêu	

		bộ quần áo ? Biết rằng cần 4m để may một bộ quần áo Kết quả là: bộ quần áo	
	12	Một cửa hàng có 1500kg gạo nếp và tẻ, số gạo nếp chiếm $\frac{1}{6}$ tổng số gạo. Người ta đem gạo đóng vào các túi nhỏ, mỗi túi gạo tẻ đựng 5kg, mỗi túi gạo nếp đựng 2kg. Như vậy người ta đóng được bao nhiêu túi gạo tẻ? Phương án trả lời: túi gạo tẻ.	
	13	Một cửa hàng có 1500kg gạo nếp và tẻ, số gạo nếp chiếm $\frac{1}{6}$ tổng số gạo. Người ta đem gạo đóng vào các túi nhỏ, mỗi túi gạo tẻ đựng 5kg, mỗi túi gạo nếp đựng 2kg. Như vậy người ta đóng được bao nhiêu túi gạo nếp? Phương án trả lời: túi gạo nếp.	
	14	Trong các khoảng thời gian $\frac{1}{5}$ giờ, 700 giây, 10 phút, 11 phút 30 giây, khoảng thời gian lớn nhất là: A. $\frac{1}{5}$ giờ B. 700 giây C 10 phút D: 11 phút 30 giây (Học sinh lựa chọn đáp án là chữ đặt trước câu trả lời đúng)	
	15	Một đội công nhân dự định sửa một đoạn đường trong 3 ngày. Ngày thứ nhất đã sửa được $\frac{2}{5}$ đoạn đường đó, ngày thứ hai lại sửa tiếp $\frac{3}{7}$ đoạn đường còn lại. Vậy ngày thứ ba đội công nhân đó còn phải sửa phần đường còn lại	

PHIẾU 3

Dễ	1	Hòa có 11 cặp tóc: 4 cái màu đỏ, 4 cái màu xanh, 1 cái màu tím. Phân số chỉ phần cặp tóc màu đỏ của Hòa là:	4/11
	2	Phân số nào trong các phân số dưới đây có giá trị gần bằng 1 nhất? $\frac{3}{3}$; $\frac{7}{8}$; $\frac{6}{5}$; $\frac{11}{12}$	11/12
	3	Kết quả của phép cộng $\frac{1}{5} + \frac{3}{3}$ là: (Phân số được viết dưới dạng phân số tối giản)	22/35
	4	Kết quả của phép tính: $\frac{6}{7} - \frac{3}{4}$ là: (Phân số được viết dưới dạng phân số tối giản)	3/28
	5	Kết quả của phép tính $\frac{4}{9} \times \frac{5}{7}$ là:	20/63
Trung bình	6	Kết quả của phép tính: $\frac{1}{2} : \frac{1}{6}$ là:	3
	7	$\frac{2}{3}$ của 42 là:	28
	8	$\frac{1}{2}$ giờ = ... phút	30
	9	$\frac{1}{4}$ tấn = ... kg	250
	10	$\frac{5}{8}$ km ² = ... m ²	625000
Khó	11	Một tấm vải 40m, người ta cắt ra $\frac{3}{4}$ tấm vải để may quần áo. Tính xem số vải cắt ra may được nhiều nhất bao nhiêu	7

	bộ quần áo ? Biết rằng cần 4m để may một bộ quần áo Kết quả là: bộ quần áo	
12	Một cửa hàng có 1500kg gạo nếp và tẻ, số gạo nếp chiếm $\frac{1}{6}$ tổng số gạo. Người ta đem gạo đóng vào các túi nhỏ, mỗi túi gạo tẻ đựng 5kg, mỗi túi gạo nếp đựng 2kg. Như vậy người ta đóng được bao nhiêu túi gạo tẻ? Phương án trả lời: túi gạo tẻ.	250
13	Một cửa hàng có 1500kg gạo nếp và tẻ, số gạo nếp chiếm $\frac{1}{6}$ tổng số gạo. Người ta đem gạo đóng vào các túi nhỏ, mỗi túi gạo tẻ đựng 5kg, mỗi túi gạo nếp đựng 2kg. Như vậy người ta đóng được bao nhiêu túi gạo nếp? Phương án trả lời: túi gạo nếp.	125
14	Trong các khoảng thời gian $\frac{1}{5}$ giờ, 700 giây, 10 phút, 11 phút 30 giây, khoảng thời gian lớn nhất là: A. $\frac{1}{5}$ giờ B. 700 giây C 10 phút D: 11 phút 30 giây (Học sinh lựa chọn đáp án là chữ đặt trước câu trả lời đúng)	A
15	Một đội công nhân dự định sửa một đoạn đường trong 3 ngày. Ngày thứ nhất đã sửa được $\frac{2}{5}$ đoạn đường đó, ngày thứ hai lại sửa tiếp $\frac{3}{7}$ đoạn đường còn lại. Vậy ngày thứ ba đội công nhân đó còn phải sửa phần đường còn lại	

TUẦN 34

Ôn tập về đại lượng, hình học, tìm số trung bình cộng

Ôn tập về tìm hai số khi biết tổng và hiệu của hai số đó

PHIẾU 1

Bài 1: Viết số thích hợp vào chỗ chấm:

a) $5\text{m}^2 = \dots\dots\dots\text{cm}^2$

b) $3\text{km}^2 = \dots\dots\dots\text{m}^2$

c) $1500\text{cm}^2 = \dots\dots\dots\text{dm}^2$

d) $3\text{m}^2 6\text{dm}^2 = \dots\dots\dots\text{dm}^2$

Bài 2: Khoanh vào chữ cái trước câu trả lời đúng:

a) Số thích hợp viết vào chỗ chấm của $2\text{m}^2 15\text{cm}^2 = \dots\dots\text{cm}^2$ là:

A. 21 500

B. 20 015

C. 2015

D. 215

b) Số trung bình cộng của các số 35 ; 127 và 216 là:

A. 378

B. 189

C. 126

D. 162

Bài 3: a) Hãy vẽ một hình chữ nhật có chiều dài 5cm, chiều rộng 3cm

b) Tính chu vi và diện tích hình chữ nhật đó.

Bài giải

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

Bài 4 : Đúng ghi Đ, sai ghi S:

a) Chu vi của hình chữ nhật có chiều dài 15m, chiều rộng 9m là 24m.

b) Diện tích mảnh đất hình vuông có cạnh 8m là 64m^2 .

c) Diện tích hình bình hành có độ dài đáy 12cm, chiều cao 8cm là 96cm^2

Bài 5: Viết tiếp vào chỗ chấm:

Trung bình cộng của các số 125 ; 376 ; 482 và 217 là:

.....
Bài 6: Khoanh vào chữ cái trước câu trả lời đúng:

a) Cho biết hình chữ nhật và hình bình hành dưới đây có cùng diện tích.



Chu vi hình chữ nhật là:

- A. 48dm B. 14dm C. 28dm D. 32dm

b) Trung bình cộng của hai số là số lớn nhất có hai chữ số, Biết số thứ nhất là 119. Vậy số thứ hai là:

- A. 20 B. 79 C. 89 D. 317

Bài 7: Một mảnh vườn hình chữ nhật có trung bình cộng của chiều dài và chiều rộng là 25m, chiều rộng kém chiều dài 16m. Tính diện tích mảnh vườn đó.

Bài giải

.....
.....
.....
.....
.....

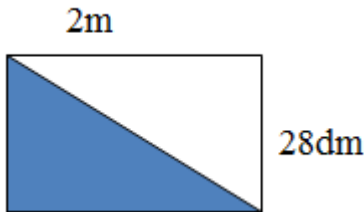
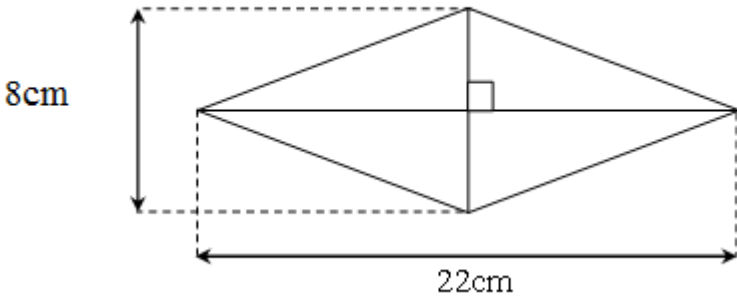
Bài 8: Tìm hai số biết tổng của chúng là 2013 và hiệu của chúng là số lẻ bé nhất có bốn chữ số khác nhau.

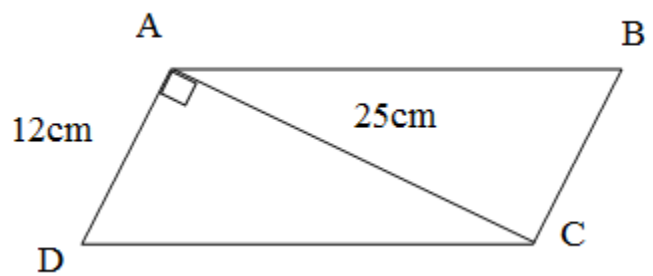
Bài giải

.....
.....
.....
.....

PHIẾU 2

I. PHẦN TRẮC NGHIỆM: Điền đáp án vào ô trống.

1	Số thích hợp điền vào chỗ chấm $1\text{m}^275\text{cm}^2 = \dots\text{cm}^2$ là:	
2	Số thích hợp điền vào chỗ chấm $2\text{ tấn } 35\text{kg} = \dots\text{kg}$ là:	
3	Từ năm 2001 đến 2100 được tính là thuộc thế kỉ thứ:	
4	Diện tích của phần tô đậm dưới đây là: $\dots\text{dm}^2$ 	
5	Bạn Lan cắt một hình bình hành có độ dài đáy 16cm, chiều cao là 2dm. Diện tích hình bình hành mà Lan cắt là: $\dots\text{cm}^2$	
6	 Diện tích hình thoi trên là: $\dots\text{cm}^2$	
7	Một máy in mỗi phút in được 32 trang. Thời lượng thích hợp để máy đó in được 1000 trang là: \dots phút	
8	Một mảnh giấy hình thoi có độ dài các đường chéo là 8cm và 1dm2cm. Diện tích mảnh giấy đó là: $\dots\text{cm}^2$	

9*	<p>Một đội xe chở hàng gồm bốn xe. Hai xe đầu, mỗi xe chở 3 tấn 450kg hàng, xe thứ ba chở 3 tấn 6 tạ hàng, xe thứ tư chở ít hơn xe thứ ba 1 tạ hàng. Vậy trung bình mỗi xe của đội chở đượctạ hàng.</p>	
10*	<div style="text-align: center;">  </div> <p>Diện tích hình bình hành ABCD là:cm²</p>	

II. PHÂN TỰ LUẬN: Trình bày chi tiết bài làm vào vở:

Bài 11. Đội văn nghệ của trường có 24 bạn, tuổi trung bình là 11 tuổi. Nếu tính cả cô giáo và các bạn trong đội văn nghệ thì tuổi trung bình là 12 tuổi. Tính tuổi cô giáo?

Bài giải

.....

.....

.....

.....

.....

.....

Bài 12. Một mảnh đất hình chữ nhật có chiều dài 30m, chiều rộng bằng $\frac{2}{5}$ chiều dài. Người ta để $\frac{2}{3}$ diện tích mảnh đất đó làm sân và vườn, còn lại xây nhà. Hỏi diện tích xây nhà là bao nhiêu mét vuông?

Bài giải

.....

.....

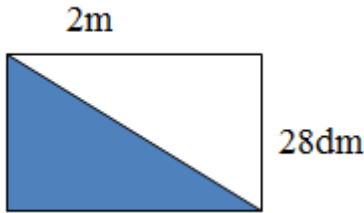
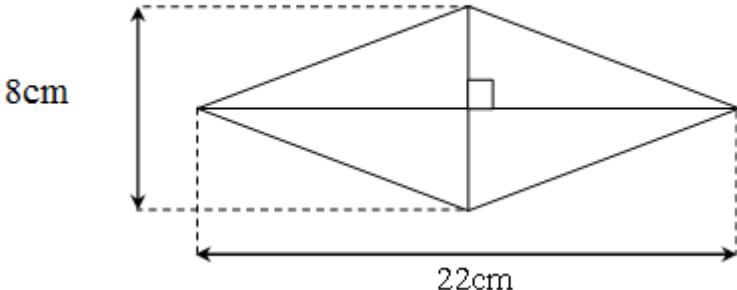
.....

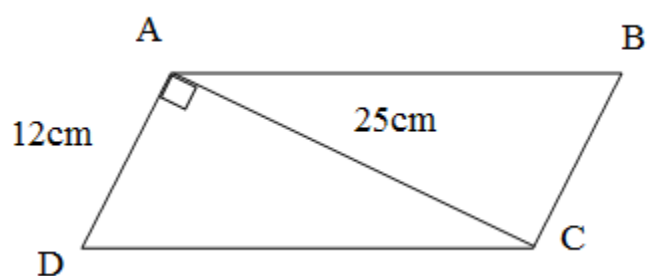
.....

.....

ĐÁP ÁN

I. PHẦN TRẮC NGHIỆM: Điền đáp án vào ô trống.

1	Số thích hợp điền vào chỗ chấm $1\text{m}^275\text{cm}^2 = \dots\text{cm}^2$ là:	10075
2	Số thích hợp điền vào chỗ chấm 2 tấn 35kg =kg là:	2035
3	Từ năm 2001 đến 2100 được tính là thuộc thế kỉ thứ:	XXI
4	Diện tích của phần tô đậm dưới đây là: dm^2 	280
5	Bạn Lan cắt một hình bình hành có độ dài đáy 16cm, chiều cao là 2dm. Diện tích hình bình hành mà Lan cắt là: cm^2	320
6	 Diện tích hình thoi trên là: cm^2	88
7	Một máy in mỗi phút in được 32 trang. Thời lượng thích hợp để máy đó in được 1000 trang là:phút	32
8	Một mảnh giấy hình thoi có độ dài các đường chéo là 8cm và 1dm2cm. Diện tích mảnh giấy đó là: cm^2	48
9*	Một đội xe chở hàng gồm bốn xe. Hai xe đầu, mỗi xe chở 3 tấn 450kg hàng, xe thứ ba chở 3 tấn 6 tạ hàng, xe thứ tư chở ít hơn xe thứ ba 1 tạ hàng. Vậy trung bình mỗi xe của đội chở đượctạ hàng.	35

10*	 <p>Diện tích hình bình hành ABCD là:cm²</p>	150
-----	--	-----

II. PHẦN TỰ LUẬN: Trình bày chi tiết bài làm vào vở:

Bài 11.

Bài giải:

Tổng số tuổi của các bạn trong đội văn nghệ là: $24 \times 11 = 264$ (tuổi)

Tổng số tuổi của các bạn và của cô giáo là: $12 \times (24 + 1) = 300$ (tuổi)

Tuổi của cô giáo là: $300 - 264 = 36$ (tuổi)

Đáp số: 36 tuổi

Bài 12.

Giải:

Chiều rộng mảnh đất là: $30 \times \frac{2}{5} = 12$ (m)

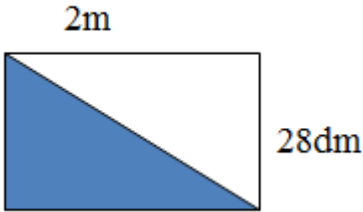
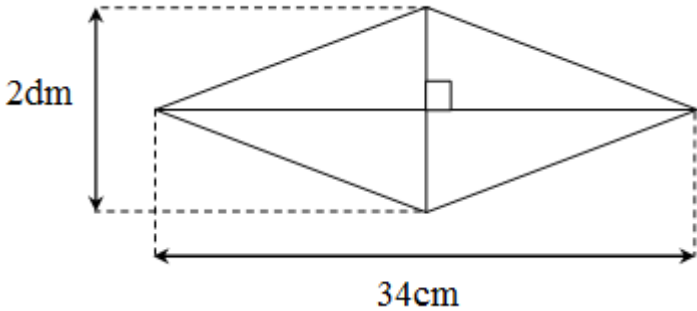
Diện tích mảnh đất là: $30 \times 12 = 360$ (m²)

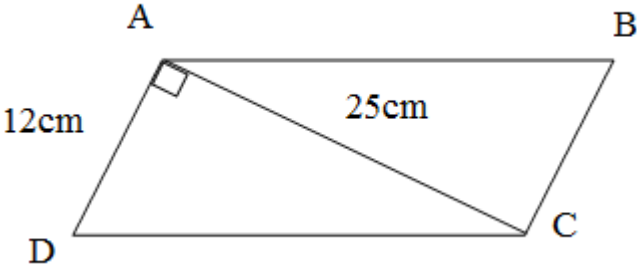
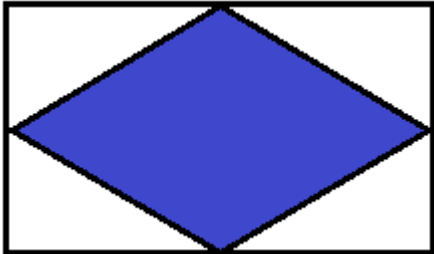
Diện tích làm vườn và sân là: $360 \times \frac{2}{3} = 240$ (m²)

Diện tích xây nhà là: $360 - 240 = 120$ (m²)

Đáp số: 120m²

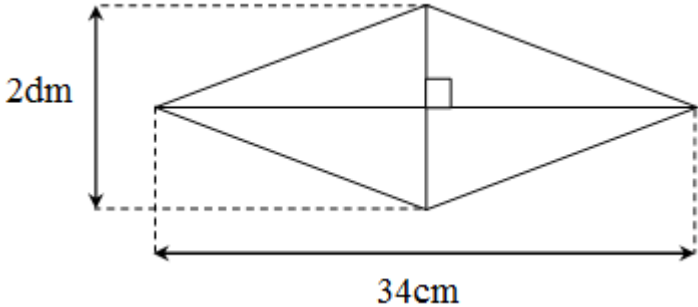
PHIẾU 3

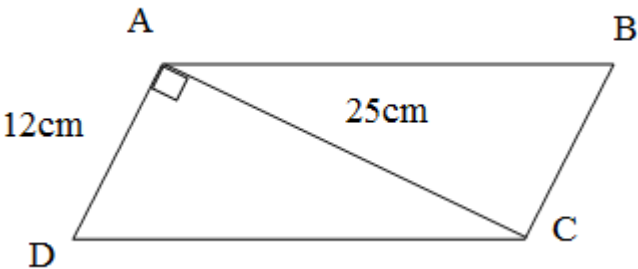
Dễ	1	Số thích hợp điền vào chỗ chấm $3m^295cm^2 = \dots cm^2$ là:	
	2	Số thích hợp điền vào chỗ chấm 7 tấn 45kg =kg là:	
	3	Từ năm 2015 đến 2100 được tính là thuộc thế kỉ thứ:	
	4	Diện tích của phần tô đậm dưới đây là:dm ² <div style="text-align: center;">  </div>	
	5	Bạn Lan cắt một hình bình hành có độ dài đáy 16cm, chiều cao là 2dm. Diện tích hình bình hành mà Lan cắt là:cm ²	
Trung bình	6	<div style="text-align: center;">  </div> <p>Diện tích hình thoi trên là:cm²</p>	
	7	Một máy in mỗi phút in được 32 trang. Thời lượng thích hợp để máy đó in được 1000 trang là:phút	
	8	Một mảnh giấy hình thoi có độ dài các đường chéo là 8cm và 1dm2cm. Diện tích mảnh giấy đó là:cm ²	
	9	Một đội xe chở hàng gồm bốn xe. Hai xe đầu, mỗi xe chở 3 tấn 450kg hàng, xe thứ ba chở 3 tấn 6tạ hàng, xe thứ tư	

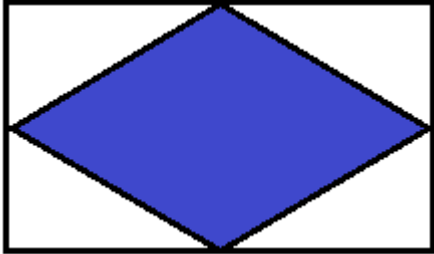
		chở ít hơn xe thứ ba 1 tạ hàng. Vậy trung bình mỗi xe của đội chở đượctạ hàng.	
	10	 <p>Diện tích hình bình hành ABCD là:cm²</p>	
Khó	11	Đội văn nghệ của trường có 24 bạn, tuổi trung bình là 11 tuổi. Nếu tính cả cô giáo và các bạn trong đội văn nghệ thì tuổi trung bình là 12 tuổi. Vậy cô giáo tuổi	
	12	Một mảnh đất hình chữ nhật có chiều dài 30m, chiều rộng bằng $\frac{2}{5}$ chiều dài. Người ta để $\frac{2}{3}$ diện tích mảnh đất đó làm sân và vườn, còn lại xây nhà. Diện tích xây nhà là m ²	
	13	Một mặt bàn hình chữ nhật có chiều rộng 12dm, chiều dài 2m. Người ta phủ khăn trải bàn hình thoi như hình vẽ. Tính diện tích bàn không được phủ khăn.	
		 <p>Diện tích mặt bàn không được phủ khăn là:dm²</p>	
	14	Để đánh số trang của một cuốn sách người ta phải dùng trung bình mỗi trang hai chữ số. Cuốn sách đó có	

trang	
15	Năm 2010 tổng số tuổi của bố và anh Cường là 60 tuổi, bố hơn anh Cường 30 tuổi. Vậy bố sinh năm.....	

ĐÁP ÁN

Dễ	1	Số thích hợp điền vào chỗ chấm $3m^295cm^2 = \dots cm^2$ là:	30095
	2	Số thích hợp điền vào chỗ chấm 7 tấn 45kg =kg là:	7045
	3	Từ năm 2015 đến 2100 được tính là thuộc thế kỉ thứ:	XXI
	4	Diện tích của phần tô đậm dưới đây là:dm ²	280
	5	Bạn Lan cắt một hình bình hành có độ dài đáy 16cm, chiều cao là 2dm. Diện tích hình bình hành mà Lan cắt là:cm ²	320
Trung bình	6	 <p>Diện tích hình thoi trên là:cm²</p>	340
	7	Một máy in mỗi phút in được 32 trang. Thời lượng thích hợp để máy đó in được 1000 trang là:phút	125/4
	8	Một mảnh giấy hình thoi có độ dài các đường chéo là 8cm	48

		và 1dm2cm. Diện tích mảnh giấy đó là:cm ²	
	9	Một đội xe chở hàng gồm bốn xe. Hai xe đầu, mỗi xe chở 3 tấn 450kg hàng, xe thứ ba chở 3 tấn 6 tạ hàng, xe thứ tư chở ít hơn xe thứ ba 1 tạ hàng. Vậy trung bình mỗi xe của đội chở đượctạ hàng.	35
	10	 <p>Diện tích hình bình hành ABCD là:cm²</p>	150
Khó	11	Đội văn nghệ của trường có 24 bạn, tuổi trung bình là 11 tuổi. Nếu tính cả cô giáo và các bạn trong đội văn nghệ thì tuổi trung bình là 12 tuổi. Vậy cô giáo tuổi	36
	12	Một mảnh đất hình chữ nhật có chiều dài 30m, chiều rộng bằng 2/5 chiều dài. Người ta để 2/3 diện tích mảnh đất đó làm sân và vườn, còn lại xây nhà. Diện tích xây nhà là m ²	120
	13	Một mặt bàn hình chữ nhật có chiều rộng 12dm, chiều dài 2m. Người ta phủ khăn trải bàn hình thoi như hình vẽ. Tính diện tích bàn không được phủ khăn.	120

		
	Diện tích mặt bàn không được phủ khăn là:dm ²	
14	Để đánh số trang của một cuốn sách người ta phải dùng trung bình mỗi trang hai chữ số. Cuốn sách đó cótrang	108
15	Năm 2010 tổng số tuổi của bố và anh Cường là 60 tuổi, bố hơn anh Cường 30 tuổi. Vậy bố sinh năm.....	1965

TUẦN 35

Ôn tập về tìm hai số khi biết tổng hoặc hiệu và tỉ số của hai số đó

Luyện tập chung

PHIẾU 1

Bài 1: Viết số thích hợp vào chỗ chấm:

Tổng của hai số là 140, tỉ số của hai số là $\frac{2}{5}$. Vậy:

a) Số bé là: b) Số lớn là:

Bài 2: Viết số thích hợp vào ô trống:

Hiệu của hai số	42	85	128
Tỉ số của hai số	$\frac{4}{7}$	$\frac{3}{8}$	$\frac{1}{5}$
Số bé			
Số lớn			

Bài 3: Viết vào ô trống cho thích hợp:

Viết số	Đọc số
53 847	
	Hai mươi sáu nghìn ba trăm năm mươi một
34 765	
426×237	Năm mươi hai nghìn tám trăm năm mươi

Bài 4: Đặt tính rồi tính:

$53486 - 7518$

Bài 5: a) Điền dấu (> ; < ; =)

$\frac{5}{8} \dots \frac{3}{7} \dots \frac{5}{9} \dots \frac{5}{8}$ $\frac{3}{4} \dots \frac{24}{32}$ $\frac{15}{16} \dots \frac{14}{15}$

b) Viết số thích hợp vào chỗ chấm:

4 tấn 60kg = kg 1600kg = tạ

Bài 6: Khoanh vào chữ cái trước câu trả lời đúng:

a) Giá trị của biểu thức $\frac{14}{15} : \frac{7}{5} - \frac{8}{15}$ là:

A. $\frac{2}{15}$

B. $\frac{15}{2}$

C. $\frac{18}{15}$

D. $\frac{48}{15}$

b) Một thửa ruộng hình bình hành có chiều cao 8m, độ dài đáy gấp đôi chiều cao. Diện tích thửa ruộng đó là:

A. 128m

B. $128m^2$

C. $128cm^2$

D. 48m

Bài 7: Một khu đất hình chữ nhật có chu vi là 130m, chiều rộng kém chiều dài 17m. Tính diện tích mảnh vườn đó.

Bài giải

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

Bài 8: Tìm bốn số tự nhiên liên tiếp, biết tổng của bốn số đó là 2014.

Bài giải

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

PHIẾU 2

I. PHẦN TRẮC NGHIỆM:

Câu	Đề bài	Đáp án
1	Tổng của số bé nhất và lớn nhất có 3 chữ số khác nhau là:	
2	Cho ba chữ số 1; 2; 3. Từ ba chữ số trên, viết được bao nhiêu số mà mỗi số có đủ ba chữ số đã cho. Số các số thoả mãn đề bài là:	
3	Từ các số 4; 2; 0; 5 hãy viết tất cả các số có ba chữ số khác nhau mà mỗi số đó vừa chia hết cho 3 vừa chia hết cho 5. Số các số thoả mãn đề bài là:	
4	Có bao nhiêu phân số bằng phân số $\frac{18}{39}$ mà mỗi phân số có mẫu số là số có hai chữ số. Có số phân số thoả mãn đề bài là: ...	
5	Tính giá trị của biểu thức sau: $(\frac{9}{19} \times \frac{2}{3} + \frac{1}{2}) \times (\frac{10}{13} - \frac{2}{4} \times \frac{1}{3})$	
6	Tìm số tự nhiên X biết: $20 < X \times 5 < 30$	
7	Tính giá trị của biểu thức A với $a = 130$ và $b = 0$, biết: $A = b : (100 \times a - 23) + (a : 130 + 10)$	
8	Điền dấu vào chỗ chấm: $\overline{abc} + 1000 \dots \overline{a12} + \overline{1b2} + \overline{23c}$	
9*	Có hai thùng cam hơn kém nhau 15 quả. Biết rằng $\frac{2}{3}$ số cam ở thùng thứ nhất bằng $\frac{3}{7}$ số cam ở thùng thứ hai. Số cam ở thùng thứ nhất là:quả.	
10*	Một hình chữ nhật có chu vi là 120cm. Nếu tăng chiều rộng thêm 5cm và giảm chiều dài đi 15cm ta được hình vuông. Tính diện tích hình chữ nhật. Diện tích hình chữ nhật là: cm^2	

II. PHẦN TỰ LUẬN: Trình bày chi tiết bài làm vào vở:

Bài 11. Khi nhân một số với 285 một học sinh đã đặt nhầm các tích riêng thẳng cột như trong phép cộng nên tìm ra kết quả là 585. Tìm tích đúng của phép nhân đó.

Bài giải

.....

.....

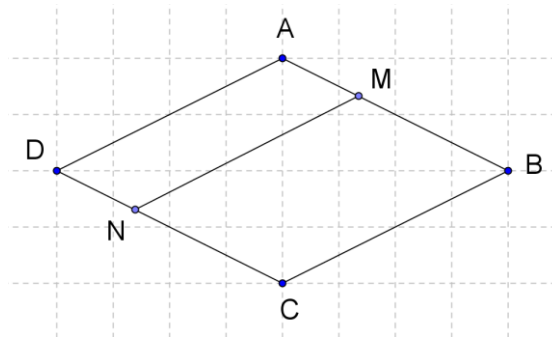
.....

.....

.....

.....

Bài 12. Cho hình thoi ABCD có chu vi là 60cm. Đoạn thẳng MN chia hình thoi thành hai hình bình hành AMND và MBCN (hình vẽ). Biết độ dài cạnh MB hơn độ dài cạnh AM là 5cm. Tính chu vi hình bình hành MBCN.



Bài giải

.....

.....

.....

.....

.....

ĐÁP ÁN

I. PHẦN TRẮC NGHIỆM:

Câu	Đề bài	Đáp án
1	Tổng của số bé nhất và lớn nhất có 3 chữ số khác nhau là:	1089
2	Cho ba chữ số 1; 2; 3. Từ ba chữ số trên, viết được bao nhiêu số mà mỗi số có đủ ba chữ số đã cho. Số các số thoả mãn đề bài là:	6
3	Từ các số 4; 2; 0; 5 hãy viết tất cả các số có ba chữ số khác nhau mà mỗi số đó vừa chia hết cho 3 vừa chia hết cho 5. Số các số thoả mãn đề bài là:	5
4	Có bao nhiêu phân số bằng phân số $\frac{18}{39}$ mà mỗi phân số có mẫu số là số có hai chữ số. Có số phân số thoả mãn đề bài là: ...	6
5	Tính giá trị của biểu thức sau: $(\frac{9}{10} \times \frac{2}{3} + \frac{1}{2}) \times (\frac{10}{13} - \frac{2}{4} \times \frac{1}{3})$	$\frac{517}{780}$
6	Tìm số tự nhiên X biết: $20 < X \times 5 < 30$	5
7	Tính giá trị của biểu thức A với $a = 130$ và $b = 0$, biết: $A = b : (100 \times a - 23) + (a : 130 + 10)$	11
8	Điền dấu vào chỗ chấm: $\overline{abc} + 1000 \dots \overline{a12} + \overline{1b2} + \overline{23c}$	>
9*	Có hai thùng cam hơn kém nhau 15 quả. Biết rằng $\frac{2}{3}$ số cam ở thùng thứ nhất bằng $\frac{3}{7}$ số cam ở thùng thứ hai. Số cam ở thùng thứ nhất là:quả.	27
10*	Một hình chữ nhật có chu vi là 120cm. Nếu tăng chiều rộng thêm 5cm và giảm chiều dài đi 15cm ta được hình vuông. Tính diện tích hình chữ nhật. Diện tích hình chữ nhật là: cm^2	800

II. PHẦN TỰ LUẬN: Trình bày chi tiết bài làm vào vở:

Bài 11. Khi nhân một số với 285 một học sinh đã đặt nhầm các tích riêng thẳng cột như trong phép cộng nên tìm ra kết quả là 585. Tìm tích đúng của phép nhân đó.

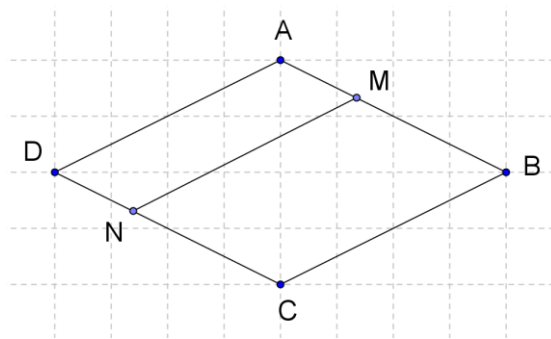
Giải:

Khi đặt nhẩm tích riêng thẳng cột như phép cộng hs đó đã nhân số ban đầu với $(2 + 8 + 5) = 15$. Số ban đầu là: $585 : 15 = 39$

Tích đúng là: $39 \times 285 = 11115$

ĐS: 11115

Bài 12. Cho hình thoi ABCD có chu vi là 60cm. Đoạn thẳng MN chia hình thoi thành hai hình bình hành AMND và MBCN (hình vẽ). Biết độ dài cạnh MB hơn độ dài cạnh AM là 5cm. Tính chu vi hình bình hành MBCN.



Giải:

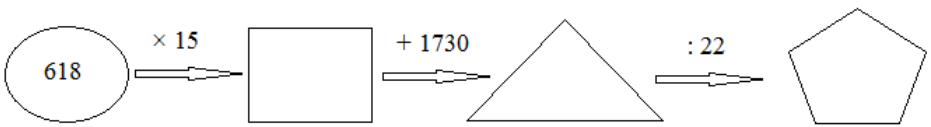
Độ dài cạnh hình thoi là: $60 : 4 = 15$ (cm)

Độ dài cạnh MB là: $(15 + 5) : 2 = 10$ (cm)

Chu vi hình bình hành MBCN là: $(10 + 15) \times 2 = 50$ (cm)

ĐS: 50cm

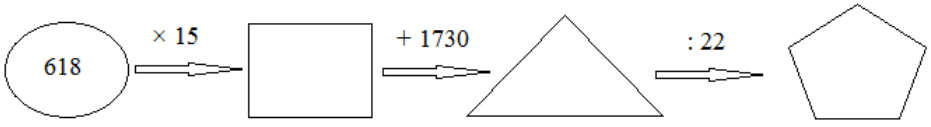
PHIẾU 3

Dễ	1	Có 7 quả cam, trung bình mỗi quả cam cân nặng 125g. Sau khi ăn 2 quả cam có cân nặng là 105g và 90g thì trung bình mỗi quả cam còn lại cân nặng là ... g.	
	2	Anh hơn em 5 tuổi, 5 năm sau tuổi anh và tuổi em cộng lại là 25 tuổi. Hiện nay anh ... tuổi	
	3	Anh hơn em 5 tuổi, 5 năm sau tuổi anh và tuổi em cộng lại là 25 tuổi. Hiện nay em ... tuổi	
	4	Nửa chu vi hình chữ nhật là 14cm. Nếu tăng thêm mỗi cạnh 7cm thì chiều rộng bằng 5/9 chiều dài. Độ dài chiều dài hình chữ nhật ban đầu là ...cm	
	5	1515/1514 ...2000/1999. Dấu thích hợp điền vào chỗ trống là:	
Trung bình	6	Tính: $7/4 - 5/8 + 2/5$	
	7	$1/5 \times x = 7/9$, x là:	
	8	Cháu hỏi bà: “Thưa bà, năm nay bà bao nhiêu tuổi ạ?”. Bà trả lời: “Lấy 1/6 số tuổi của bà bớt đi 6 tuổi thì nhận được 6 tuổi”. Năm nay bà ... tuổi.	
	9	Cho số có mười chữ số 7912580643. Xóa bớt đi ba chữ số và không thay đổi thứ tự các chữ số ta được số lớn nhất có bảy chữ số là:	
	10	 <p>Số điền vào hình ngũ giác là:</p>	
Khó	11	Hai số tự nhiên có tổng bằng 2178. Biết rằng nếu viết thêm một	

		chữ số 0 vào tận cùng bên phải số bé thì được số lớn. Số lớn là:	
	12	Hai số tự nhiên có tổng bằng 2178. Biết rằng nếu viết thêm một chữ số 0 vào tận cùng bên phải số bé thì được số lớn. Số bé là:	
	13	Hiện nay tuổi mẹ gấp 5 lần tuổi con, mẹ hơn con 28 tuổi. Tuổi mẹ 7 năm nữa là: tuổi.	
	14	Hiện nay tuổi mẹ gấp 5 lần tuổi con, mẹ hơn con 28 tuổi. Sau năm nữa thì tuổi mẹ gấp 3 lần tuổi con.	
	15	Một mảnh đất hình chữ nhật có chu vi gấp 8 lần chiều rộng. Chiều dài hơn chiều rộng 20m. Diện tích mảnh đất đó làm ²	

ĐÁP ÁN

Dễ	31	Có 7 quả cam, trung bình mỗi quả cam cân nặng 125g. Sau khi ăn 2 quả cam có cân nặng là 105g và 90g thì trung bình mỗi quả cam còn lại cân nặng là ... g.	136
	32	Anh hơn em 5 tuổi, 5 năm sau tuổi anh và tuổi em cộng lại là 25 tuổi. Hiện nay anh ... tuổi	10
	33	Anh hơn em 5 tuổi, 5 năm sau tuổi anh và tuổi em cộng lại là 25 tuổi. Hiện nay em ... tuổi	5
	34	Nửa chu vi hình chữ nhật là 14cm. Nếu tăng thêm mỗi cạnh 7cm thì chiều rộng bằng 5/9 chiều dài. Độ dài chiều dài hình chữ nhật ban đầu làcm	11
	35	1515/1514 ...2000/1999. Dấu thích hợp điền vào chỗ trống là:	>
Trung bình	36	Tính: $7/4 - 5/8 + 2/5$	61/40
	37	$1/5 \times x = 7/9$, x là:	35/9
	38	Cháu hỏi bà: “Thưa bà, năm nay bà bao nhiêu tuổi ạ?”. Bà trả lời: “Lấy 1/6 số tuổi của bà bớt đi 6 tuổi thì nhận được 6 tuổi”.	72

		Năm nay bà ... tuổi.	
	39	Cho số có mười chữ số 7912580643. Xóa bớt đi ba chữ số và không thay đổi thứ tự các chữ số ta được số lớn nhất có bảy chữ số là:	9580643
	40	 <p>Số điền vào hình ngũ giác là:</p>	500
Khó	41	Hai số tự nhiên có tổng bằng 2178. Biết rằng nếu viết thêm một chữ số 0 vào tận cùng bên phải số bé thì được số lớn. Số lớn là:	1980
	42	Hai số tự nhiên có tổng bằng 2178. Biết rằng nếu viết thêm một chữ số 0 vào tận cùng bên phải số bé thì được số lớn. Số bé là:	198
	43	Hiện nay tuổi mẹ gấp 5 lần tuổi con, mẹ hơn con 28 tuổi. Tuổi mẹ 7 năm nữa là: tuổi.	42
	44	Hiện nay tuổi mẹ gấp 5 lần tuổi con, mẹ hơn con 28 tuổi. Sau năm nữa thì tuổi mẹ gấp 3 lần tuổi con.	7
	45	Một mảnh đất hình chữ nhật có chu vi gấp 8 lần chiều rộng. Chiều dài hơn chiều rộng 20m. Diện tích mảnh đất đó làm ²	300

ĐÁP ÁN

I. PHẦN TRẮC NGHIỆM: Điền đáp án vào ô trống.

1	Trên bản đồ tỉ lệ 1: 300, chiều dài sân khấu trường Nam đo được 4cm. Chiều dài thật của sân khấu trường Nam là.....m	12
2	Kết quả của phép tính $\frac{17}{9} + \frac{19}{7} - \frac{8}{9} - \frac{5}{7}$ là:	3
3	Kết quả của phép tính $\frac{24}{13} : \frac{12}{26} + \frac{49}{15} : \frac{7}{30}$ là:	18
4	Chiều dài và chiều rộng của phòng học lớp em lần lượt là 8m và 6m. Trên bản đồ tỉ lệ 1: 200, chiều dài trên bản đồ của phòng học lớp em là:cm	4
5	Năm nay Hoa còn kém cô Nhung 27 tuổi và tuổi của cô Nhung gấp 4 lần tuổi của Hoa. Vậy 5 năm nữa cô Nhung.....tuổi.	41
6	Một mảnh đất trồng hoa hình thoi có cạnh 10m được vẽ trên bản đồ tỉ lệ 1: 500. Như vậy trên bản đồ, độ dài thu nhỏ cạnh hình thoi là:cm	2
7	Một thúng đựng tất cả 72 quả cam và quýt. Trong đó số quả quýt bằng $\frac{2}{7}$ số quả cam. Số quả cam là:quả	56
8	So sánh: $\frac{1}{7} + \frac{1}{13} + \frac{1}{25} + \frac{1}{19} + \frac{1}{97}$1. Dấu thích hợp điền vào chỗ chấm là:	<
9*	An và Bình cùng góp chung tiền được 34000 đồng mua bóng. Số tiền góp của An bằng $\frac{8}{9}$ số tiền góp của Bình. Hiệu số tiền hai người góp là:đồng	2000
10*	Một mảnh đất hình vuông được vẽ trên bản đồ tỉ lệ 1:300, tỉ số diện tích của mảnh đất trên bản đồ và mảnh đất trên thực tế là bao nhiêu? Kết quả là:	1/90000

II. PHẦN TỰ LUẬN: Trình bày chi tiết bài làm vào vở:

Bài 11. Quãng đường AB dài 100km được vẽ trên bản đồ tỉ lệ 1 : 5000000. Quãng đường CD dài 50km được vẽ trên bản đồ tỉ lệ 1 : 2 500 000. Hãy so sánh độ dài thu nhỏ của quãng đường AB và độ dài thu nhỏ của quãng đường CD.

Bài giải:

Đổi $100\text{km} = 10000000\text{cm}$ và $50\text{km} = 5000000\text{cm}$

Độ dài thu nhỏ của quãng đường AB là: $10000000 : 5000000 = 2\text{cm}$

Độ dài thu nhỏ của quãng đường CD là: $5000000 : 2500000 = 2\text{cm}$

Vậy độ dài thu nhỏ của quãng đường AB bằng độ dài thu nhỏ của quãng đường CD.

Đáp án: Bằng nhau và bằng 2cm.

Bài 12. Một hình thoi có tổng độ dài hai đường chéo là 104cm. Đường chéo dài có độ dài gấp ba đường chéo ngắn. Tính diện tích hình thoi đó.

Giải:

Vẽ sơ đồ

Đường chéo dài là: $104 : (3 + 1) \times 3 = 78\text{ cm}$

Đường chéo ngắn là: $104 - 78 = 26\text{ cm}$

Diện tích hình thoi là: $78 \times 26 : 2 = 1014\text{ cm}^2$.

Đ/S: 1014 cm^2

PHIẾU 3

Dễ	1	Trên bản đồ tỉ lệ 1: 300, chiều dài sân khấu trường Nam đo được 4cm. Chiều dài thật của sân khấu trường Nam là.....m	
	2	Chiều dài và chiều rộng của phòng học lớp em lần lượt là 8m và 6m. Trên bản đồ tỉ lệ 1: 200, chiều dài trên bản đồ của phòng học lớp em là:cm	
	3	Chiều dài và chiều rộng của phòng học lớp em lần lượt là 8m và 6m. Trên bản đồ tỉ lệ 1: 300, chiều rộng trên bản đồ của phòng học lớp em là:cm	
	4	Một mảnh đất trồng hoa hình thoi có cạnh 10m được vẽ trên bản đồ tỉ lệ 1: 500. Như vậy trên bản đồ, độ dài thu nhỏ cạnh hình thoi là:cm	
	5	Trên bản đồ tỉ lệ 1 : 500, cạnh của mảnh đất hình vuông đo được 4cm. Diện tích thật của mảnh đất hình vuông đó là:m ²	
Trung bình	6	Một sân chơi hình chữ nhật chiều dài 40m, chiều rộng 20m được vẽ trên bản đồ tỉ lệ 1 : 1000. Chu vi hình chữ nhật thu nhỏ trên bản đồ là:cm	
	7	Một sân chơi hình chữ nhật chiều dài 40m, chiều rộng 20m được vẽ trên bản đồ tỉ lệ 1 : 1000. Diện tích hình chữ nhật thu nhỏ trên bản đồ là:cm ²	
	8	Quãng đường AB dài 100km được vẽ trên bản đồ tỉ lệ 1 : 5000000. Quãng đường CD dài 50km được vẽ trên bản đồ tỉ lệ 1 : 2500000. Như vậy độ dài thu nhỏ của quãng đường AB.....độ dài thu nhỏ của quãng đường CD. Dấu thích hợp điền vào chỗ trống là:	
	9	Năm nay Hoa còn kém cô Nhung 27 tuổi và tuổi của cô Nhung gấp 4 lần tuổi của Hoa. Năm nay cô Nhung tuổi	
	10	Năm nay Hoa còn kém cô Nhung 27 tuổi và tuổi của cô Nhung gấp 4 lần tuổi của Hoa. Vậy 5 năm nữa cô	

		Nhung.....tuổi.	
Khó	11	An và Bình cùng góp chung tiền được 34000 đồng mua bóng. Số tiền góp của An bằng $\frac{8}{9}$ số tiền góp của Bình. Hiệu số tiền hai người góp là:đồng	
	12	Một hình thoi có tổng độ dài hai đường chéo là 104cm. Đường chéo dài có độ dài gấp ba đường chéo ngắn. Độ dài đường chéo ngắn là cm	
	13	Một hình thoi có tổng độ dài hai đường chéo là 104cm. Đường chéo dài có độ dài gấp ba đường chéo ngắn. Độ dài đường chéo dài là cm	
	14	Một hình thoi có tổng độ dài hai đường chéo là 104cm. Đường chéo dài có độ dài gấp ba đường chéo ngắn. Diện tích hình thoi là cm^2	
	15	Mỗi giờ xe máy chạy nhanh hơn xe đạp 30km. Biết rằng xe máy chạy nhanh gấp 3 lần xe đạp. Mỗi giờ xe máy chạy được làkm	

ĐÁP ÁN

Dễ	1	Trên bản đồ tỉ lệ 1: 300, chiều dài sân khấu trường Nam đo được 4cm. Chiều dài thật của sân khấu trường Nam là.....m	12
	2	Chiều dài và chiều rộng của phòng học lớp em lần lượt là 8m và 6m. Trên bản đồ tỉ lệ 1: 200, chiều dài trên bản đồ của phòng học lớp em là:cm	4
	3	Chiều dài và chiều rộng của phòng học lớp em lần lượt là 8m và 6m. Trên bản đồ tỉ lệ 1: 300, chiều rộng trên bản đồ của phòng học lớp em là:cm	2
	4	Một mảnh đất trồng hoa hình thoi có cạnh 10m được vẽ trên bản đồ tỉ lệ 1: 500. Như vậy trên bản đồ, độ dài thu nhỏ cạnh hình thoi là:cm	2
	5	Trên bản đồ tỉ lệ 1 : 500, cạnh của mảnh đất hình vuông đo được 4cm. Diện tích thật của mảnh đất hình vuông đó là:m ²	400
Trung bình	6	Một sân chơi hình chữ nhật chiều dài 40m, chiều rộng 20m được vẽ trên bản đồ tỉ lệ 1 : 1000. Chu vi hình chữ nhật thu nhỏ trên bản đồ là:cm	12
	7	Một sân chơi hình chữ nhật chiều dài 40m, chiều rộng 20m được vẽ trên bản đồ tỉ lệ 1 : 1000. Diện tích hình chữ nhật thu nhỏ trên bản đồ là:cm ²	8
	8	Quãng đường AB dài 100km được vẽ trên bản đồ tỉ lệ 1 : 5000000. Quãng đường CD dài 50km được vẽ trên bản đồ tỉ lệ 1 : 2500000. Như vậy độ dài thu nhỏ của quãng đường AB.....độ dài thu nhỏ của quãng đường CD. Dấu thích hợp điền vào chỗ trống là:	=
	9	Năm nay Hoa còn kém cô Nhung 27 tuổi và tuổi của cô Nhung gấp 4 lần tuổi của Hoa. Năm nay cô Nhung tuổi	36
	10	Năm nay Hoa còn kém cô Nhung 27 tuổi và tuổi của cô Nhung gấp 4 lần tuổi của Hoa. Vậy 5 năm nữa cô Nhung.....tuổi.	41

Khó	11	An và Bình cùng góp chung tiền được 34000 đồng mua bóng. Số tiền góp của An bằng $\frac{8}{9}$ số tiền góp của Bình. Hiệu số tiền hai người góp là:đồng	2000
	12	Một hình thoi có tổng độ dài hai đường chéo là 104cm. Đường chéo dài có độ dài gấp ba đường chéo ngắn. Độ dài đường chéo ngắn là cm	26
	13	Một hình thoi có tổng độ dài hai đường chéo là 104cm. Đường chéo dài có độ dài gấp ba đường chéo ngắn. Độ dài đường chéo dài là cm	78
	14	Một hình thoi có tổng độ dài hai đường chéo là 104cm. Đường chéo dài có độ dài gấp ba đường chéo ngắn. Diện tích hình thoi là cm^2	1014
	15	Mỗi giờ xe máy chạy nhanh hơn xe đạp 30km. Biết rằng xe máy chạy nhanh gấp 3 lần xe đạp. Mỗi giờ xe máy chạy được làkm	45

KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ II MÔN TOÁN LỚP 4

ĐỀ SỐ 1

PHẦN I: TRẮC NGHIỆM.

Khoanh vào chữ cái trước câu trả lời đúng

Câu 1: Giá trị của chữ số 5 trong số 3458293 là:

- A. 5 B. 500 C. 50000 D. 5000000

Câu 2: Rút gọn phân số $\frac{102102}{204204}$ ta được phân số tối giản là:

- A. $\frac{102}{204}$ B. $\frac{51}{102}$ C. $\frac{17}{34}$ D. $\frac{1}{2}$

Câu 3: Trong các số 7706, 99685, 28644, 75952, số nào không chia hết cho 2 ?

- A. . 28644 B. 7706 C. 75952 D. 99685

Câu 4: Hai số có hiệu là số bé nhất có hai chữ số chia hết cho 3 và tổng là số lớn nhất có hai chữ số chia hết cho 2. Tìm số bé.

- A. 43 B. 54 C. 55 D. 44

Câu 5. Trong một cuộc thi chạy có ba bạn tham gia là Hà, Nam và Ninh. Hà chạy hết 3 phút 25 giây, Nam chạy hết 110 giây, còn Ninh về đích sau $\frac{7}{2}$ phút. Hỏi bạn nào chiến thắng trong cuộc thi?

- A. Hà và Nam B. Ninh C. Hà D. Nam

Câu 6 : Người ta ghép 4 miếng bìa hình thoi có chu vi mỗi miếng bìa là 160cm thành một hình thoi lớn. Chu vi hình thoi vừa được ghép là :

- A. 32dm B. 32cm C. 32m D. 640cm

Câu 7: Điền số hoặc đơn vị thích hợp vào chỗ chấm :

a. 1200kg = tạ

b. $\frac{2}{5}$ m = cm

c. $60182 \text{ cm}^2 = \dots\dots\dots \text{ m}^2 \dots\dots\dots \text{ cm}^2$

d. $3\text{m}^2 500\text{cm}^2 = 305 \dots\dots\dots$

Câu 8. Khoanh vào chữ cái đặt trước kết quả đúng:

a) Số trung bình cộng của 28, 52 và 55 là:

- A. 40 B. 41 C. 44 D. 45

b) Một hình thoi có độ dài hai đường chéo là 18 cm và 26cm. Tính diện tích hình thoi đó?

- A. 234 cm^2 B. 234cm C. 236 cm^2 D. 237 cm^2

c) Trên bản đồ tỉ lệ 1: 200, chiều dài cửa sổ phòng học lớp em đo được 1cm. Hỏi chiều dài thật của cửa sổ đó là mấy mét ?

- A. 4m B. 1m C. 2m D. 3m

Câu 9. Nối cột A với cột B để được hai biểu thức có giá trị bằng nhau.

A
625×4
23456×7
43520×7

B
$43520 \times (5 + 2)$
$(600 + 25) \times 4$
$(3 + 4) \times (23000 + 456)$
$43520 \times 2 + 5$

Câu 10. Đúng ghi Đ, sai ghi S

$65 \text{ tạ} = 6 \text{ tấn } 5 \text{ tạ}$

$10 \text{ yến } 53 \text{ kg} = 153 \text{ kg}$

$\frac{1}{4} \text{ thế kỉ} = 50 \text{ năm}$

$9 \text{ km}^2 40 \text{ dam}^2 = 9040 \text{ dam}^2$

PHẦN I: TỰ LUẬN.

Bài 1. Tính:

a. $5 : \frac{2}{7} = \dots\dots\dots$

b. $\frac{2}{9} \times \frac{5}{14} = \dots\dots\dots$

c. $\frac{1}{3} + \frac{2}{5} : \frac{2}{3} = \dots\dots\dots$

.....

Bài 5. Tìm X

$$\frac{1}{1x2} + \frac{1}{2x3} + \frac{1}{3x4} + \dots + \frac{1}{Xx(X+1)} = \frac{1}{2}$$

ĐỀ SỐ 2

Khoanh vào chữ cái trước câu trả lời đúng

Câu 1: Trong số 18027645

- A. Chữ số 4 ở hàng nghìn, lớp nghìn
B. Chữ số 4 ở hàng chục, lớp đơn vị
C. Chữ số 4 ở hàng chục, lớp nghìn
D. Chữ số 4 ở hàng chục, lớp chục

Câu 2: Hình vuông có diện tích 12 m^2 , hình thoi có diện tích 14 m^2 . Tỷ số giữa diện tích hình thoi và diện tích hình vuông là:

- A. $\frac{6}{7}$ B. $\frac{14}{12} \text{ m}^2$ C. $\frac{7}{6}$ D. $\frac{12}{14} \text{ m}^2$

Câu 3: Trong các khoảng thời gian sau, khoảng thời gian nào là dài nhất?

- A. 2940 giây B. 47 phút C. $\frac{4}{5}$ giờ D. $\frac{3}{4}$ giờ

Câu 4: Quãng đường từ bản A đến bản B dài 12km. Trên bản đồ tỉ lệ 1 : 100000 quãng đường đó dài:

- A. 1200 cm B. 1200 mm C. 120 cm D. 120 mm

Câu 5: Tổng của hai số là 120, thương hai số là 5. Tìm hai số đó.

- A. 20 và 100 B. 24 và 96 C. 30 và 90 D. 10 và 50

Câu 6: Một hình thoi có diện tích $\frac{1}{2} \text{ m}^2$, biết độ dài một đường chéo hình thoi là $\frac{1}{4} \text{ m}$. Tính độ dài đường chéo còn lại.

- A. 2m B. $\frac{1}{2} \text{ m}$ C. $\frac{1}{4} \text{ m}$ D. 4 m

Câu 7. Viết số thích hợp vào chỗ chấm:

a/ 700 kg =tạ

b/ $8 \text{ m}^2 50 \text{ cm}^2 = \dots\dots\dots \text{cm}^2$

$\frac{4}{5}$ tấn =kg

$407 \text{ cm}^2 = \dots\dots\dots \text{dm}^2 \dots\dots\dots \text{cm}^2$

Câu 8. Tính:

a/ $\frac{7}{16} \times \frac{2}{21} = \dots\dots\dots$

b/ $\frac{11}{10} - \frac{2}{5} : \frac{2}{3} = \dots\dots\dots$

ĐỀ SỐ 3

Khoanh vào chữ cái đặt trước câu trả lời đúng

Câu 1. Giá trị của chữ số 7 trong số 2 378 023 là:

- A. 700 B. 7 000 C. 70 000 D. 700 000

Câu 2. Để $145a$ là số chia hết cho cả 2 và 3 thì $a = \dots\dots$. Số điền vào chỗ chấm là :

- A: 0, 2, 4, 6 và 8 B: 2 và 8 C. 4 và 6 D. 4

Câu 3 .a. Số thích hợp để điền vào ô trống của $\frac{\square}{9} = \frac{4}{36}$ là:

- A. 1 B. 50 C. 9 D. 36

b. Trong các phân số $\frac{2}{3}; \frac{7}{3}; \frac{2}{5}; \frac{7}{4}$, phân số nào lớn nhất?

- A. $\frac{2}{3}$ B. $\frac{7}{3}$ C. $\frac{2}{5}$ D. $\frac{7}{4}$

Câu 4. Một cửa hàng có tất cả 60 tạ gạo. Sau hai ngày cửa hàng đó đã bán $\frac{4}{5}$ số gạo đó. Số gạo cửa hàng đã bán số gạo là:

- A. 12 tạ B. 48 tạ C. 15 tạ D. 75 tạ

Câu 5. Hình thoi ABCD có độ dài đường chéo AC là 20cm, độ dài đường chéo BD bằng $\frac{3}{5}$ độ dài đường chéo AC. Diện tích hình thoi là:

- A. 120cm² B. 120cm C. 240cm² D. 240cm

Câu 6. Trên bản đồ tỉ lệ 1: 500, chiều dài một mảnh đất hình chữ nhật đo được 4cm. Chiều dài trên thực tế của mảnh đất đó là bao nhiêu mét?

- A. 2 000cm B. 20m C. 125cm D. 125m

Câu 7. Tính:

a. $\frac{7}{8} + \frac{1}{6} = \dots\dots\dots$

b. $3 : \frac{4}{5} = \dots\dots\dots$

c. $(\frac{31}{35} - \frac{4}{7}) \times \frac{8}{7} = \dots\dots\dots$

Câu 8. Đổi đơn vị đo

a. $\frac{2}{5}$ m =cm

c. 36 kg 4dag =g

b. 2011 năm = thế kỉ năm

d. 900m² =dm²

Câu 9. (2đ) Giải toán: Một căn phòng hình chữ nhật có chu vi là 28m, tỉ số giữa chiều dài và chiều rộng là $\frac{4}{3}$. Người ta lát nền căn phòng đó bằng gạch vuông cạnh 2 dm. Hỏi căn phòng đó lát hết bao nhiêu viên gạch? (Diện tích phần mạch vữa không đáng kể)

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

Câu 10. (1đ) Tính bằng cách thuận tiện nhất

$$\frac{17}{2} \times \frac{3}{5} + \frac{3}{5} \times \frac{1}{2} + \frac{3}{5}$$

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

ĐỀ SỐ 4

Khoanh vào chữ cái trước câu trả lời đúng

Câu 1. Chữ số 5 trong số 435 869 chỉ :

- A. 5 B. 50 C. 500 D. 5000

Câu 2. Phân số $\frac{5}{6}$ bằng phân số nào dưới đây ?

- A. $\frac{20}{24}$ B. $\frac{24}{20}$ C. $\frac{20}{18}$ D. $\frac{18}{20}$

Câu 3: Trên bản đồ tỉ lệ 1 : 2 000 000, quãng đường từ tỉnh A tới tỉnh B dài 45mm. Hỏi trên thực tế quãng đường đó dài bao nhiêu ki-lô-mét?

- A. 80km B. 90km C. 110km D. 190km

Câu 4. Cho phép tính : $\frac{x}{36} = \frac{3}{4}$. Khi đó $x = ?$

- A. $x = 3$ B. $x = 4$ C. $x = 36$ D. $x = 27$

Câu 5. Các phân số $\frac{4}{5}$; $\frac{2}{3}$; $\frac{3}{4}$ được viết theo thứ tự từ bé đến lớn là:

- A. $\frac{2}{3}$; $\frac{4}{5}$; $\frac{3}{4}$ B. $\frac{4}{5}$; $\frac{3}{4}$; $\frac{2}{3}$ C. $\frac{2}{3}$; $\frac{3}{4}$; $\frac{4}{5}$ D. $\frac{4}{5}$; $\frac{2}{3}$; $\frac{3}{4}$

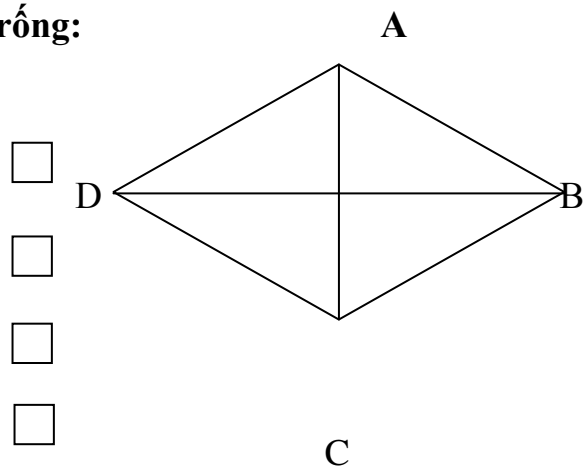
Câu 6. Cho số A là 12. Vậy $\frac{2}{3}$ số đó sẽ là:

- A. 12 B. 6 C. 8 D. 24

Câu 7 . (1đ) Đúng ghi Đ, sai ghi S vào ô trống:

Cho hình thoi ABCD:

- Cạnh AB và cạnh CD không bằng nhau
- Cạnh AB không song song với cạnh BC
- Các cặp cạnh đối diện song song
- Bốn cạnh đều bằng nhau



Câu 8. Tính :

a) $\frac{3}{5} : \frac{9}{25} = \dots\dots\dots$

b) $\frac{4}{7} \times \frac{5}{8} = \dots\dots\dots$

c) $\frac{3}{2} - \frac{1}{10} \times 2 = \dots\dots\dots$
 $= \dots\dots\dots$

Câu 9 Viết số thích hợp vào chỗ chấm:

a/ 700 kg =tạ

b/ 8 m² 50 cm² =cm²

$\frac{4}{5}$ tấn =kg

407 cm² =dm²cm²

Câu 10. Giải toán:

Một vườn hoa hình thoi có trung bình cộng độ dài hai đường chéo là 15 m. Tính diện tích vườn hoa hình thoi đó biết tỉ số độ dài hai đường chéo là $\frac{2}{3}$

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

Câu 11 Tính bằng cách hợp lí:

$\frac{1515}{2323} \times \frac{696969}{545454} \times \frac{2727}{1515} = \dots\dots\dots$
 $= \dots\dots\dots$
 $= \dots\dots\dots$

ĐỀ SỐ 5

Khoanh vào chữ đặt trước câu trả lời đúng

Câu 1: Phân số $\frac{181818}{545454}$ rút gọn thành phân số tối giản là:

- A. $\frac{1}{3}$ B. $\frac{9}{27}$ C. $\frac{3}{9}$ D. $\frac{18}{54}$

Câu 2: Tỉ số giữa số trâu và số bò là $\frac{3}{7}$. Biết rằng có 21 con bò, hỏi có bao nhiêu con trâu?

- A. 3 B. 9 C. 7 D. 31

Câu 3: Khoảng cách thực sự từ Hà Nội đến Hải Dương là 60km. Trên bản đồ thì khoảng cách đó là 4cm. Hỏi tỉ lệ của bản đồ ấy là bao nhiêu?

- A. 1 : 150 000 B. 1 : 15 000 000 C. 1 : 150 000 D. 1 : 1 500 000

Câu 4: Trong các số đo khối lượng dưới đây, số đo nào lớn nhất?

- A. $\frac{1}{4}$ tấn B. 275 kg C. 38 yến D. 4 t^l

Câu 5: Cho: $\frac{7-x}{9} = \frac{1}{3}$. Giá trị của x là:

- A. X = 6 B. x = 4 C. x = 10 D. x = 8

Câu 6: Biết $\frac{1}{5}$ bao ngô cân nặng 20 kg. Hỏi $\frac{3}{4}$ bao ngô đó cân nặng bao nhiêu ki-lô-gam?

- A. 50 kg B. 75 kg C. 16 kg D. 3kg

Câu 7. Tính :

a) $\frac{5}{7} + \frac{3}{4} - \frac{13}{14} = \dots\dots\dots$

b) $\frac{13}{14} : \frac{13}{14} \times \frac{13}{14} = \dots\dots\dots$

Câu 8 Điền dấu thích hợp: >, <, =:

2 tạ + 26 yến 40 yến $\frac{3}{4}$ giờ 15 phút 1 giờ

$\frac{2}{5}$ thế kỉ 20 năm $4m^2 + 5dm^2$ $45dm^2$

Câu 9.

Một lớp học có số học sinh nữ gấp đôi số học sinh nam. Sau khi 3 học sinh nữ chuyển đi lớp khác thì số học sinh nữ của lớp đó nhiều hơn số học sinh nam là 8 em. Hỏi sau khi chuyển lớp học có bao nhiêu học sinh?

Câu 10. Tính bằng cách thuận tiện nhất: $15 \times \frac{2121}{4343} + 15 \times \frac{222222}{434343}$

ĐỀ SỐ 6

PHẦN I. TRẮC NGHIỆM KHÁCH QUAN

1. Phân số bằng phân số $\frac{5}{6}$ là:

a. $\frac{12}{20}$

b. $\frac{20}{24}$

c. $\frac{10}{14}$

d. $\frac{35}{50}$

2. Giá trị thích hợp của y để $y : \frac{3}{7} = \frac{13}{15} - \frac{2}{5}$ là y =

3. Điền dấu >, < hoặc = thích hợp vào chỗ chấm:

a) $\frac{1}{2} - \frac{2}{9} \dots \frac{5}{6} \times \frac{3}{25}$ $\frac{1}{2} - \frac{2}{9} \dots \frac{5}{6} \times \frac{3}{25}$

b) $\frac{4}{9} : \frac{8}{3} \dots \frac{3}{4} + \frac{2}{3}$

4. Nói (theo mẫu):

1) 2 tạ + 4 yến + 38 kg =
2) 5 tấn - (12 tạ + 12 kg) =
3) 6 yến 5kg x 8 - 3 tạ =
4) 24 tạ 9 yến : 4 + 25kg =
5) (3 tấn + 7 tạ 6 yến) : 2 =

a) 645kg
b) 278kg
c) 3788kg
d) 220kg
e) 1880kg

Viết vào chỗ chấm cho thích hợp:

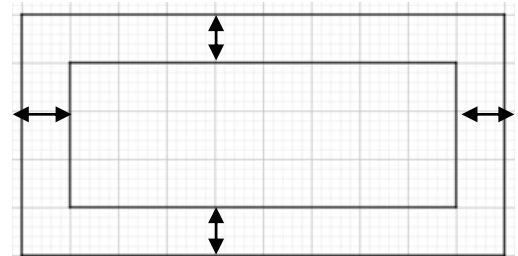
5. Điền số thích hợp vào chỗ chấm:

A. Diện tích của một hình thoi có độ dài hai đường chéo 3dm và 25cm là

B. Trên bản đồ tỉ lệ 1 : 200, chiều dài phòng học lớp đo được là 5cm. Vậy chiều dài thật của phòng học là m.

6. Khu đất hình chữ nhật có chiều dài 35m và chiều rộng 20m. người ta đào một cái ao hình chữ nhật ở giữa khu đất. Biết khoảng cách từ cạnh khu đất đến cạnh ao là 5m.

Chu vi ao là :



PHẦN II. TỰ LUẬN

7. Tính bằng cách hợp lý

$$\frac{3}{4} \times \frac{8}{9} + \frac{3}{4} \times \frac{2}{3} = \dots\dots\dots$$

8. Một cửa hàng trong một ngày nhập về được 2 tấn đường. Số đường buổi sáng nhập về gấp rưỡi số đường nhập về buổi chiều. Tính số ki lô gam đường nhập về mỗi buổi?

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

9. Người ta trồng hết 65 cây xung quanh một sân chơi hình chữ nhật có chiều rộng bằng $\frac{4}{7}$ chiều dài. Hỏi cần bao nhiêu viên gạch hình vuông có cạnh 50cm để lát kín sân chơi đó? Biết rằng diện tích các mạch vữa không đáng kể, khoảng cách giữa hai cây liên tiếp bằng 2m và ở một góc người ta để lối ra vào rộng 4m.

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

ĐỀ SỐ 7

PHẦN I. TRẮC NGHIỆM KHÁCH QUAN

Câu 1. Giá trị của chữ số 9 trong số 679 500 là:

- A. 9 B. 900 C. 9000 D. 900 000

Câu 2. a) Số thích hợp điền vào chỗ chấm của $8\text{m}^2\ 27\text{dm}^2 = \dots \text{dm}^2$ là:

- A. 827 B. 8027 C. 8270 D. 8720

b) Hình thoi có hai đường chéo lần lượt là 30cm và 60cm thì diện tích hình thoi là:

- A. 18dm B. 90cm^2 C. 1800cm^2 D. 1800dm^2

3. Điền dấu >, < hoặc = thích hợp vào chỗ chấm:

- a) $2\text{km}^2 45\text{m}^2 \dots\dots\dots 200\ 045\text{m}^2$ b) $\frac{3}{4}$ thế kỉ $\dots\dots\dots 80$ năm
c) $8400\text{kg} \dots\dots\dots 8$ tấn 4 tạ d) 3 giờ 5 phút $\dots\dots\dots 35$ phút

4*. Điền số thích hợp vào chỗ chấm:

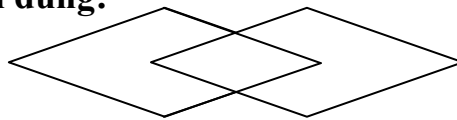
Cô Hoa đổi một tờ giấy bạc loại 500 000 đồng lấy đủ ba loại giấy bạc có mệnh giá 50 000 đồng, 100 000 đồng và 200 000 đồng.

Vậy số tờ giấy bạc mỗi loại cô Hoa có thể nhận được là:

- a) $\dots\dots\dots$ tờ 50 000 đồng, $\dots\dots\dots$ tờ 100 000 đồng và 200 000 đồng.
b) Hoặc $\dots\dots\dots$ tờ 50 000 đồng, $\dots\dots\dots$ tờ 100 000 đồng và $\dots\dots\dots$ tờ 200 000 đồng.

5. Khoanh vào chữ đặt trước câu trả lời đúng:

Trong hình bên có:



- A. 3 hình thoi.
B. 4 hình thoi.
C. 5 hình thoi.

6. Em tìm hiểu rồi điền chữ hoặc số thích hợp vào chỗ chấm:

- a) Trung bình một tháng gia đình em ăn hết khoảng $\dots\dots\dots$ kg gạo.
b) Mỗi năm gia đình em ăn hết khoảng $\dots\dots\dots$ kg gạo.

c) Nếu mỗi ki-lô-gam gạo có giá 12 000 đồng thì mỗi năm gia đình em phải chi đồng để mua gạo.

PHẦN II. TỰ LUẬN

7. Tính:

a) $\frac{2}{7} : \left(\frac{2}{3} + \frac{4}{21} \right) = \dots\dots\dots$

b) $\frac{2}{5} \times \left(\frac{6}{7} - \frac{1}{2} \right) = \dots\dots\dots$

8. Một cửa hàng gạo đã bán được số gạo tẻ nhiều hơn gạo nếp là 480kg, trong đó số gạo nếp bằng $\frac{2}{5}$ số gạo tẻ. Tính số gạo mỗi loại cửa hàng đã bán được?

9*. Một hội trường hình chữ nhật có chiều rộng bằng $\frac{3}{5}$ chiều dài. Trên bản đồ có tỉ lệ 1:500, chiều dài của hội trường đó đo được là 6cm. Tính diện tích thực tế của hội trường đó.

ĐỀ SỐ 8

PHẦN I. TRẮC NGHIỆM KHÁCH QUAN

1.

a) (0,5 điểm) Trong các số 59 784; 68 274; 68 574; 59 748, số lớn nhất là:

- A. 59 784 B. 68 274 C. 68 574 D. 59 748

b) (0,5 điểm) Số nào dưới đây vừa chia hết cho 3 vừa chia hết cho 9?

- A. 20130 B. 320570 C. 53902 D. 19260

c) Số thích hợp viết vào chỗ chấm để 4 phút 15 giây = giây.

- A. 19 B. 245 C. 355 D. 255

d) Số thích hợp viết vào chỗ chấm để $3\text{m}^2 58\text{cm}^2 = \dots\dots\dots \text{cm}^2$

- A. 3058 B. 61 C. 30058 D. 35800

2. Một tấm tôn hình thoi có độ dài hai đường chéo lần lượt là 15 cm và 8 cm. Diện tích tấm tôn là:

- A. 60cm B. 23cm^2 C. 60cm^2 D. 120cm^2

3. Tổng số tuổi của hai cha con là 56. Tuổi con bằng $\frac{1}{6}$ tuổi bố. Hỏi con bao nhiêu tuổi?

- A. 8 tuổi B. 48 tuổi C. 50 tuổi D. 16 tuổi

4. a) Phép tính sau có kết quả là :

$$485 \times 365 + 485 \times 635$$

- A. 4850 B. 485 C. 485 000 D. 85 400

b) Giá trị biểu thức $(\frac{3}{7} + \frac{2}{7}) - \frac{1}{5} = \dots\dots\dots$

- A. $\frac{15}{35}$ B. $\frac{18}{35}$ C. $\frac{15}{7}$ D. $\frac{4}{9}$

5. Điền dấu >, < hoặc = thích hợp vào chỗ chấm:

a) 2 tạ + 26 yến 40 yến

b) $\frac{3}{4}$ giờ 15 phút 1 giờ

c) $\frac{2}{5}$ thế kỉ 20 năm

d) $4m^2 + 5dm^2$ $45dm^2$

6. Em tìm hiểu rồi điền chữ hoặc số thích hợp vào chỗ chấm:

a) Diện tích cửa ra vào lớp ọc của em khoảng dm^2 ; diện tích bảng viết của lớp em khoảng dm^2 .

b) Chiều dài từ cổng trường đến lớp học của em khoảng m.

c) Chiều cao của bàn em ngồi học khoảng dm, chiều cao của ghế em ngồi học khoảng dm.

PHẦN II. TỰ LUẬN

7. Tính giá trị của biểu thức:

$$\frac{5}{7} \times \frac{3}{5} - \frac{10}{14} \times \frac{2}{15}$$

.....

8. Chú Quang đánh bắt trong ba đêm được 6 tấn 8 yến cá. Số cá đánh bắt được trong đêm thứ nhất ít hơn đêm thứ hai 3 tạ 50kg và nhiều hơn đêm thứ ba 240kg. Hỏi chú Quang đánh bắt được trong mỗi đêm bao nhiêu ki-lô-gam cá?

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

ĐỀ SỐ 9

I. Khoanh tròn chữ cái trước câu trả lời đúng nhất.

1. “Một trăm linh năm triệu không trăm bảy mươi hai nghìn không trăm linh chín” được viết là:

- A. 150 072 090 B. 105 070 090 C. 105 072 009 D. 105 070 009

2. Tổng của 123987 và 789213 là:

- A. 92320 B. 913200 C. 912200 D. 903200

3. Cho số 48630. Để số còn lại là số có 4 chữ số chia hết cho cả 2; 5; 9 thì phải xoá đi chữ số:

- A. 3 B. 4 C. 6 D. 0

4. Các phân số $\frac{5}{4}$; $\frac{1}{2}$; $\frac{3}{4}$; $\frac{1}{6}$; $\frac{2}{3}$ xếp theo thứ tự tăng dần là:

- A. $\frac{5}{4}$; $\frac{1}{2}$; $\frac{3}{4}$; $\frac{1}{6}$; $\frac{2}{3}$ C. $\frac{1}{2}$; $\frac{2}{3}$; $\frac{3}{4}$; $\frac{1}{6}$; $\frac{5}{4}$
B. $\frac{2}{3}$; $\frac{5}{4}$; $\frac{1}{2}$; $\frac{3}{4}$; $\frac{5}{6}$ D. $\frac{1}{6}$; $\frac{1}{2}$; $\frac{2}{3}$; $\frac{3}{4}$; $\frac{5}{4}$

5. Trung bình cộng của hai số bằng 135. Biết số thứ nhất là 246. Số thứ hai là:

- A. 24 B. 111 C. 135 D. 270

6. Trong cuộc thi chạy 200m có ba bạn tham gia là Hà, Nam và Ninh. Hà chạy hết 3 phút 25 giây, Nam chạy hết 110 giây, Ninh chạy hết $\frac{7}{2}$ phút. Bạn giành chiến thắng trong cuộc thi là:

- A. Hà B. Nam C. Ninh D. Hà và Nam

7. Mẹ sinh con năm 24 tuổi. Hiện nay tuổi mẹ gấp 4 lần tuổi con. Vậy tuổi mẹ và tuổi con hiện nay lần lượt là:

- A. 24 tuổi; 4 tuổi. B. 28 tuổi; 8 tuổi
C. 32 tuổi; 8 tuổi. D. 32 tuổi; 6 tuổi.

8. Vườn hoa hình thoi vẽ trên bản đồ tỉ lệ 1: 500 có độ dài đường chéo lớn là 5cm và độ dài đường chéo nhỏ là 2cm. Diện tích thật của vườn hoa là:

A. 250cm^2

B. 125m^2

C. 250m^2

D. 125cm^2

II. Trình bày chi tiết các bài toán sau:

1. Tính:

a) $\frac{3}{4} \times \frac{2}{9} + \frac{1}{3} =$

.....

b) $\frac{11 \times 21 \times 18}{9 \times 22 \times 14} =$

.....

2. Tìm X:

a) $x : \frac{4}{3} = \frac{7}{8} - \frac{1}{4}$

b) $x \times \frac{3}{5} + x \times \frac{1}{2} = \frac{11}{15}$

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

3. Một mảnh vườn hình chữ nhật có chu vi 144m, chiều rộng bằng $\frac{3}{5}$ chiều dài. Tính diện tích mảnh vườn đó.

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

4. Tính giá trị biểu thức sau:

$$A = \frac{1}{2} + \frac{1}{6} + \frac{1}{12} + \frac{1}{20} + \frac{1}{30} \dots \dots \dots + \frac{1}{9900}$$

5. Chi đội Tiền Phong có 19 đội viên tham gia hội trại. Cô chủ nhiệm phân công: một nửa số người ở lại dựng trại, $\frac{1}{4}$ số người đi mua bánh kẹo về liên hoan và $\frac{1}{5}$ số người cắt hoa, trang trí trại. Khi đội trưởng đưa ra phương án phân chia theo yêu cầu của cô chủ nhiệm thì cả đội đều nhất trí! Em hãy cho biết đội trưởng đã phân công như thế nào.

ĐỀ SỐ 10

I. Trắc nghiệm (4 điểm)

- (0,5 điểm) Điền chữ hoặc số thích hợp vào chỗ chấm:
Phân số có tử số bằng 3 và mẫu số bằng 8 viết là: và đọc là.....
- (0,5 điểm) Điền dấu $>$, $<$, $=$ hoặc số thích hợp vào chỗ chấm:
 3km^2 $150\text{ m}^2 = \dots \text{ m}^2$ 4 tấn 2 tạ 4 tấn 220 kg
- (0,5 điểm) Khoanh vào chữ cái đặt trước câu trả lời đúng:
Bốn giờ bằng một phần mấy của một ngày?
A. $\frac{1}{4}$ ngày B. $\frac{1}{12}$ ngày C. $\frac{1}{6}$ ngày D. $\frac{1}{3}$ ngày
- (0,5 điểm) Khoanh vào chữ cái đặt trước câu trả lời đúng:
Giảm $\frac{3}{2}$ đi 3 lần ta được:.....
A. $\frac{1}{2}$ B. $\frac{1}{4}$ C. $\frac{3}{4}$ D. $\frac{9}{2}$
- (0,5 điểm) Khoanh vào chữ cái đặt trước câu trả lời đúng:
Phân số nào dưới đây nằm giữa $\frac{1}{3}$ và $\frac{5}{6}$?
A. $\frac{2}{3}$ B. $\frac{2}{2}$ C. $\frac{4}{3}$ D. $\frac{1}{4}$
- (0,5 điểm) Khoanh vào chữ cái đặt trước câu trả lời đúng:
Có 3 viên bi màu xanh và 7 viên bi màu đỏ. Vậy phân số chỉ số viên bi màu xanh so với tổng số viên bi là:
A. $\frac{3}{10}$ B. $\frac{7}{10}$ C. $\frac{3}{7}$ D. $\frac{7}{3}$
- (0,5 điểm) Điền số thích hợp vào chỗ chấm
Một cửa hàng trong tuần đầu bán được 124 tấn lương thực, tuần thứ hai bán được 148 tấn lương thực. Vậy trung bình mỗi tuần cửa hàng đó bán được.....tấn
- (0,5 điểm) Điền số thích hợp vào chỗ chấm
Hình vẽ bên có: hình thoi



II. Tự luận (6 điểm)

Bài 1. (2 điểm) Tính:

a/ $\frac{1}{3} + \frac{7}{9} = \dots\dots\dots$
= $\dots\dots\dots$

b/ $\frac{5}{6} - \frac{3}{4} = \dots\dots\dots$
= $\dots\dots\dots$

c/ $\frac{7}{12} \times \frac{9}{14} = \dots\dots\dots$
= $\dots\dots\dots$

d/ $\frac{3}{5} + \frac{5}{9} : \frac{4}{6} = \dots\dots\dots$
= $\dots\dots\dots$

Bài 2. (1 điểm) Tìm x, biết: $x - \frac{3}{4} = \frac{5}{12} : \frac{10}{3}$

.....
.....
.....
.....

3. Tính bằng cách thuận tiện:

a) $\frac{5}{11} \times \frac{7}{25} + \frac{15}{11} \times \frac{1}{5} = \dots\dots\dots$

b) $\frac{3}{7} \times \frac{25}{19} - \frac{1}{7} \times \frac{18}{19} = \dots\dots\dots$

4. (2 điểm) Một hình chữ nhật có chiều rộng bằng $\frac{5}{7}$ chiều dài. Tính chu vi và diện tích hình chữ nhật đó, biết chiều rộng kém chiều dài 56 m.

.....
.....
.....

5. (1 điểm) Tính giá trị sau bằng cách hợp lí : $\frac{240 \times 50 + 48 \times 100}{42 \times 37 + 21 \times 126}$

6. Một sân chơi hình chữ nhật có chiều rộng 28m và chiều dài gấp 4 lần chiều rộng. Người ta dùng loại gạch hình vuông có cạnh 50cm để lát kín sân chơi đó. Hỏi cần ít nhất bao nhiêu chuyến xe để chở đủ gạch lát sân chơi nói trên? Biết rằng mỗi chuyến xe chở được 350 viên và diện tích các mạch vữa không đáng kể.

7*. Mẹ mang một tờ 500 000 đồng và cho Sáng đi cùng ra siêu thị mua hàng. Giá 1kg thịt bò là 200 000 đồng, 1 kg thịt lợn là 100 000 đồng và 1 can dầu ăn là 50 000 đồng. Mẹ đó Sáng làm thế nào mua hết số tiền tiền mang đi để được cả ba loại hàng nói trên Sáng đã nói được hai cách mua theo yêu cầu của mẹ.

ĐÁP ÁN
10 ĐỀ ÔN CUỐI KÌ II
ĐỀ SỐ 1

Câu	1	2	3	4	5	6
Đáp án	C	D	D	A	D	A

Câu 7.

a. $1200\text{kg} = 12 \text{ tạ}$

b. $\frac{2}{5}\text{m} = 40 \text{ cm}$

c. $60182 \text{ cm}^2 = 6 \text{ m}^2 182 \text{ cm}^2$

d. $3\text{m}^2 500\text{cm}^2 = 305\text{dm}^2$

Câu 8.

a. D b. A c. C

Câu 10: Đ; S; S; Đ

TỰ LUẬN.

Bài 1:

a. $\frac{35}{2}$

b. $\frac{5}{63}$

c. $\frac{14}{15}$

Bài 2. Diện tích hình bình hành là: $25 \times 50 = 1250 \text{ (dm}^2\text{)}$

Bài 3. Gạo nếp: 56 kg; Gạo tẻ: 112kg

Bài 4. Giải toán

Chu vi khu vườn là:

$$25 \times 4 = 100(\text{m})$$

Số cọc cần phải đóng là:

$$100 : 1 = 100 \text{ (cọc)}$$

Tiền nửa và tiền cọc là:

$$2500 \times 3 \times 100 + 3000 \times 100 = 1050000 \text{ (đồng)}$$

Đáp số: 1050000 đồng.

Bài 5

$$\frac{1}{1 \times 2} + \frac{1}{2 \times 3} + \frac{1}{3 \times 4} + \dots + \frac{1}{X(X+1)} = \frac{1}{2}$$

$$\frac{1}{1} - \frac{1}{2} + \frac{1}{2} - \frac{1}{3} + \frac{1}{3} - \frac{1}{4} + \dots + \frac{1}{X} - \frac{1}{X+1} = \frac{1}{2}$$

$$\frac{1}{1} - \cancel{\frac{1}{2}} + \cancel{\frac{1}{2}} - \cancel{\frac{1}{3}} + \cancel{\frac{1}{3}} - \cancel{\frac{1}{4}} + \dots + \cancel{\frac{1}{X}} - \frac{1}{X+1} = \frac{1}{2}$$

$$1 - \frac{1}{X+1} = \frac{1}{2}$$

$$\frac{X}{X+1} = \frac{1}{2}$$

$$X \times 2 = X + 1$$

$$X \times 2 - X = 1 \Rightarrow X = 1$$

ĐỀ SỐ 2

Bài 1

Câu	1	2	3	4	5	6
Đáp án	B	C	A	D	A	D

Bài 7

a/ $700 \text{ kg} = 7 \text{ tạ}$

$\frac{4}{5} \text{ tấn} = 800 \text{ kg}$

b/ $8 \text{ m}^2 50 \text{ cm}^2 = 80050 \text{ cm}^2$

$407 \text{ cm}^2 = 4 \text{ dm}^2 7 \text{ cm}^2$

Bài 8

a/ $\frac{7}{16} \times \frac{2}{21} = \frac{7 \times 2}{16 \times 21} = \frac{1}{24}$

b/ $\frac{11}{10} - \frac{2}{5} : \frac{2}{3} = \frac{11}{10} - \frac{2}{5} \times \frac{3}{2} = \frac{11}{10} - \frac{3}{5} = \frac{11}{10} - \frac{6}{10} = \frac{5}{10} = \frac{1}{2}$

Bài 9

Tổng 2 đường chéo mảnh đất hình thoi là:

$45 \times 2 = 90 \text{ (dm)}$

Tổng số phần bằng nhau là:

$4 + 5 = 9 \text{ (phần)}$

Giá trị một phần là:

$90 : 9 = 10 \text{ (dm)}$

Độ dài đường chéo thứ nhất là:

$10 \times 4 = 40 \text{ (dm)}$

Độ dài đường chéo thứ hai là:

$90 - 40 = 50 \text{ (dm)}$

Diện tích mảnh đất hình thoi là:

$$40 \times 50 : 2 = 1000 \text{ (dm}^2\text{)}$$

$$\text{Đổi: } 1000\text{dm}^2 = 10\text{m}^2$$

Đáp số: 10m^2

Bài 10

$$\text{Vì : } \frac{2010}{2011} < 1$$

$$\frac{2011}{2012} < 1$$

$$\frac{2012}{2013} < 1$$

$$\frac{2013}{2014} < 1$$

Nên : $M < 4$

ĐỀ SỐ 3

Câu	1	2	3	4	5	6
Đáp án	C	B	A,B	A	A	B

Câu 8.

a. $\frac{2}{5} \text{ m} = 40 \text{ cm}$

c. $36 \text{ kg } 4\text{dag} = 36040 \text{ g}$

b. $2011 \text{ năm} = 20 \text{ thế kỉ } 11 \text{ năm}$

d. $900\text{m}^2 = 9 \text{ dm}^2$

Câu 9.

Nửa chu vi căn phòng là:

$$28 : 2 = 14 \text{ (m)}$$

Tổng số phần bằng nhau là:

$$4 + 3 = 7 \text{ (phần)}$$

Chiều dài căn phòng là:

$$14 : 7 \times 4 = 8 \text{ (m)}$$

Chiều rộng căn phòng là:

$$14 - 8 = 6 \text{ (m)}$$

Diện tích căn phòng đó là:

$$8 \times 6 = 48 \text{ (m}^2\text{)}$$

$$\text{Đổi } 48\text{m}^2 = 4800\text{dm}^2$$

Diện tích 1 viên gạch là:

$$2 \times 2 = 4 \text{ (dm}^2\text{)}$$

Căn phòng cần số viên gạch là:

$$4800 : 4 = 1200 \text{ (viên)}$$

Đáp số: 1200 viên gạch

Bài 5

$$\frac{17}{2} \times \frac{3}{5} + \frac{3}{5} \times \frac{1}{2} + \frac{3}{5} = \frac{3}{5} \times \left(\frac{17}{2} + \frac{1}{2} + 1 \right) = \frac{3}{5} \times 10 = \frac{30}{5} = 6$$

$$4) x - \frac{11}{5} = \frac{2}{5} : \frac{2}{3}$$

$$x - \frac{11}{5} = \frac{3}{5}$$

$$x = \frac{3}{5} + \frac{11}{5} = \frac{14}{5}$$

Câu 10. $\frac{17}{2} \times \frac{3}{5} + \frac{3}{5} \times \frac{1}{2} + \frac{3}{5} = \frac{3}{5} \times \left(\frac{17}{2} + \frac{1}{2} + 1 \right) = \frac{3}{5} \times (9 + 1) = \frac{3}{5} \times 10 = 6$

ĐỀ SỐ 4

PHẦN TRẮC NGHIỆM:

Câu	1	2	3	4	5	6
Đáp án	D	A	B	D	C	C

Câu 7

Thứ tự cần điền là S; Đ; Đ; Đ

PHẦN TỰ LUẬN:

Câu 8

$$a) \frac{3}{5} : \frac{9}{25} = \frac{3}{5} \times \frac{25}{9} = \frac{5}{3}$$

$$b) \frac{4}{7} \times \frac{5}{8} = \frac{4 \times 5}{7 \times 8} = \frac{5}{14}$$

$$c) - \quad \times 2 = \frac{3}{2} - \frac{1}{5} = \frac{13}{10}$$

Câu 9.

$$a/ 700 \text{ kg} = 7 \text{ tạ}$$

$$b/ 8 \text{ m}^2 50 \text{ cm}^2 = 80050 \text{ cm}^2$$

$$\frac{4}{5} \text{ tấn} = 800 \text{ kg}$$

$$407 \text{ cm}^2 = 4 \text{ dm}^2 7 \text{ cm}^2$$

Câu 10

Bài giải

Tổng độ dài hai đường chéo vườn hoa là:

$$15 \times 2 = 30(\text{m})$$

Độ dài đường chéo thứ nhất của vườn hoa là:

$$30 : (3+2) \times 2 = 12 \text{ (m)}$$

Độ dài đường chéo thứ hai của vườn hoa là:

$$30 - 12 = 18 \text{ (m)}$$

Diện tích vườn hoa là:

$$12 \times 18 : 2 = 108 \text{ (m}^2\text{)}$$

Đáp số : 108 m^2

Câu 11

$$\frac{1515}{2323} \times \frac{696969}{545454} \times \frac{2727}{1515} = \frac{15}{23} \times \frac{69}{54} \times \frac{27}{15} = \frac{15 \times 23 \times 3 \times 27}{23 \times 27 \times 2 \times 15} = \frac{3}{2}$$

ĐỀ SỐ 5

Câu	1	2	3	4	5	6
Đáp án	A	B	D	D	B	B

Câu 7.

a. $\frac{15}{28}$ b. $\frac{13}{14}$

Câu 8.

$2 \text{ tạ} + 26 \text{ yến} > 40 \text{ yến}$ $\frac{3}{4} \text{ giờ } 15 \text{ phút} = 1 \text{ giờ}$

$\frac{2}{5} \text{ thế kỉ} > 20 \text{ năm}$ $4\text{m}^2 + 5\text{dm}^2 > 45\text{dm}^2$

Câu 9.

Sau khi 3 học sinh nữ chuyển đi lớp khác thì số học sinh nữ của lớp đó nhiều hơn số học sinh nam là 8 em. Vậy ban đầu số học sinh nữ nhiều hơn số học sinh nam là:

$8 + 3 = 11$ (học sinh)

Ta có sơ đồ:



Hiệu số phần bằng nhau là: $2 - 1 = 1$ (phần)

Số HS nam là: $11 : 1 = 11$ (học sinh)

Số HS nữ là: $11 \times 2 = 22$ (học sinh)

Đáp số: 11 HS nam

22 HS nữ

Câu 10

$$\begin{aligned}
 15 \times \frac{2121}{4343} + 15 \times \frac{222222}{434343} &= 15 \times \frac{21}{43} + 15 \times \frac{22}{43} \\
 &= 15 \times \left(\frac{21}{43} + \frac{22}{43} \right) \\
 &= 15 \times \frac{43}{43} \\
 &= 15 \times 1 = 15
 \end{aligned}$$

ĐỀ SỐ 6

1. b

2. $y = \frac{1}{5}$

3. a) >

b) <

4. 2-c, 3-d, 4-a, 5-e

5. Thứ tự điền là: $375\text{cm}^2 - 10\text{m}$

6.

Chiều dài cái ao là: $35 - (5 + 5) = 25$ (m)

Chiều rộng cái ao là $20 - (5 + 5) = 10$ (m)

Chu vi cái ao là: $(25 + 10) \times 2 = 70$ (m)

Vậy điền: 70m

7. $\frac{7}{6}$

9*. *Gợi ý:* Chu vi sân chơi là: $(65-1) \times 2 + 4 = 132$ (m)

Chiều dài sân chơi là: 42m. Chiều rộng là: 24m

Đáp số: 4032 viên

10*. *Cách 1:* 1 xe loại 8 tấn, 2 xe loại 5 tấn và 5 xe loại 2 tấn.

Cách 2: 2 xe loại 8 tấn, 2 xe loại 5 tấn và 5 xe loại 2 tấn.

ĐỀ SỐ 7

1. C

2. a) A ; b) C

3. Điền dấu $>$, $<$ hoặc $=$ thích hợp vào chỗ chấm:

a) $2\text{km}^2 45\text{m}^2 < 200\ 045\text{m}^2$

b) $\frac{3}{4}$ thế kỉ < 80 năm

c) $8400\text{kg} = 8$ tấn 4 tạ

d) 3 giờ 5 phút > 35 phút

4*. a) 4 tờ 50 000 đồng, 1 tờ 100 000 đồng và 1 tờ 200 000 đồng.

b) Hoặc 2 tờ 50 000 đồng, 2 tờ 100 000 đồng và 1 tờ 200 000 đồng.

5. A

7) a) $\frac{1}{3}$

b) $\frac{1}{7}$

8.

$$2\text{tấn} = 2000\text{kg}$$

Tổng số phần bằng nhau là: $3 + 2 = 5$ (phần)

$$\text{Số đường buổi sáng nhập về là: } (2000 : 5) \times 3 = 1200 \text{ (kg)}$$

$$\text{Số đường buổi chiều nhập về là: } 2000 - 1200 = 800 \text{ (kg)}$$

Đáp số : 1200kg; 800kg

Hiệu số phần bằng nhau là: $5 - 2 = 3$ (phần)

$$\text{Cửa hàng đã bán được số ki-lô-gam gạo nếp là: } 480 : 3 \times 2 = 320 \text{ (kg)}$$

$$\text{Cửa hàng đã bán được số ki-lô-gam gạo tẻ là: } 320 + 480 = 800 \text{ (kg)}$$

Đáp số: Gạo nếp: 320 kg.

Gạo tẻ: 800 kg.

9*. 540m^2

10.

$$x \times 2 + x \times 3 + x \times 4 + x = 420$$

$$x \times 2 + x \times 3 + x \times 4 + x \times 1 = 420$$

$$x \times (2 + 3 + 4 + 1) = 420$$

$$x \times 10 = 420$$

$$x = 420 : 10$$

$$x = 42.$$

ĐỀ SỐ 8

1.

a) C. 68 574 b) D. 19260 c) D. 255 d) C. 30058

2. D. 120cm^2

3. A. 8 tuổi

4. a) C. 485 000

b) B. $\frac{18}{35}$

5. a) $>$ b) $=$ c) $>$ d) $>$

$$7. \dots = \frac{5}{7} \times \frac{3}{5} - \frac{5}{7} \times \left(\frac{3}{5} - \frac{2}{15} \right) = \frac{5}{7} \times \frac{9 \times 2}{15} = \frac{5}{7} \times \frac{7}{15} = \frac{1}{3}$$

8. Đầm thứ nhất: 1990kg; đầm thứ hai: 2340kg và đầm thứ ba: 1750kg

9*. Tổng số tuổi của 4 bạn là:

$$13 \times 4 = 52 \text{ (tuổi)}$$

Nếu không tính Lan thì tổng số tuổi của 3 bạn kia là:

$$14 \times 3 = 42 \text{ (tuổi)}$$

Tuổi của bạn Lan là:

$$52 - 42 = 10 \text{ (tuổi)}$$

Đáp số: 10 tuổi

ĐỀ SỐ 9

Câu	1	2	3	4	5	6	7	8
Đáp án	c	b	a	c	a	b	c	d
Điểm	0,5đ	0,5đ	0,5đ	0,5đ	0,5đ	0,5đ	0,5đ	0,5đ

I. Trắc nghiệm

II. Tự luận

1. Tính: (1đ)

$$a) \frac{3}{4} \times \frac{2}{9} + \frac{1}{3} = \frac{1}{6} + \frac{1}{3} = \frac{1}{2}$$

$$b) \frac{11 \times 21 \times 18}{9 \times 22 \times 14} = \frac{11 \times 7 \times 3 \times 9 \times 2}{9 \times 11 \times 2 \times 7 \times 2} = \frac{3}{2}$$

2. Tìm X: (1,5đ)

$$a) x : \frac{4}{3} = \frac{7}{8} - \frac{1}{4}$$

$$x : \frac{4}{3} = \frac{5}{8}$$

$$x = \frac{5}{8} \times \frac{4}{3}$$

$$x = \frac{5}{6}$$

$$b) x \times \frac{3}{5} + x \times \frac{1}{2} = \frac{11}{15}$$

$$x \times \left(\frac{3}{5} + \frac{1}{2} \right) = \frac{11}{15}$$

$$x \times \frac{11}{10} = \frac{11}{15}$$

$$x = \frac{11}{15} : \frac{11}{10}$$

$$x = \frac{2}{3}$$

3. (2đ)

Giải

Nửa chu vi mảnh vườn hình chữ nhật đó là: $144 : 2 = 72$ (m)

Vẽ sơ đồ:

Tổng số phần bằng nhau là: $5 + 3 = 8$ (phần)

Chiều rộng mảnh vườn đó là: $72 : 8 \times 3 = 27$ (m)

Chiều dài mảnh vườn đó là: $72 - 27 = 45$ (m)

Diện tích mảnh vườn đó là: $45 \times 27 = 1215$ (m²)

Đáp số: 1215 m²

4. (1đ)

$$\begin{aligned} A &= \frac{1}{2} + \frac{1}{6} + \frac{1}{12} + \frac{1}{20} + \dots + \frac{1}{9900} \\ &= \frac{1}{1 \times 2} + \frac{1}{2 \times 3} + \frac{1}{3 \times 4} + \frac{1}{4 \times 5} + \dots + \frac{1}{99 \times 100} \\ &= 1 - \frac{1}{2} + \frac{1}{2} - \frac{1}{3} + \frac{1}{3} - \frac{1}{4} + \frac{1}{4} - \frac{1}{5} \dots + \frac{1}{99} - \frac{1}{100} \\ &= 1 - \frac{1}{100} \\ &= \frac{99}{100} \end{aligned}$$

5*. (0,5 đ) *Gợi ý:* Đội trưởng nêu cách phân công như sau: Tính thêm có chủ nhiệm nữa là có 20 người. Cử 10 bạn ở lại dựng trại, 5 bạn đi mua bánh kẹo và 4 bạn cắt hoa, trang trí trại, tổng cộng là 19 bạn!

ĐỀ SỐ 10

I. Trắc nghiệm (4 điểm)

9. (0,5 điểm)

Phân số có tử số bằng 3 và mẫu số bằng 8 viết là: $\frac{3}{8}$ và đọc là **ba phần tám**.

10. (0,5 điểm)

$$3\text{km}^2 150 \text{ m}^2 = 3000150 \text{ m}^2$$

$$4 \text{ tấn } 2 \text{ tạ} < 4 \text{ tấn } 220 \text{ kg}$$

11. (0,5 điểm) C.

12. (0,5 điểm) A

13. (0,5 điểm) A

14. (0,5 điểm) A

15. (0,5 điểm)

Vậy trung bình mỗi tuần cửa hàng đó bán được **136** tấn

16. (0,5 điểm) Hình vẽ bên có: **5** hình thoi



II. Tự luận (6 điểm)

Bài 1. Tính:

a/ $\frac{10}{9}$

b/ $\frac{1}{12}$

c/ $\frac{3}{8}$

d/ $\frac{43}{30}$

Bài 2. $x - \frac{3}{4} = \frac{1}{8}$

$$x = \frac{1}{8} + \frac{3}{4}$$

$$x = \frac{7}{8}$$

3. a) $\frac{5}{11} \times \frac{7}{25} + \frac{15}{11} \times \frac{1}{5} = \frac{5}{11} \times \frac{3}{5} = \frac{5}{11} \times \left(\frac{7}{25} + \frac{3}{5} \right) = \frac{5}{11} \times \frac{7+15}{25} = \frac{2}{5}$

b) $\frac{3}{7}$

4. Chu vi: 192m, Diện tích: 2240 m²

5.

$$\frac{120 \times 2 \times 50 + 48 \times 100}{42 \times 37 + 21 \times 2 \times 63} = \frac{120 \times 100 + 48 \times 100}{42 \times 37 + 42 \times 63} = \frac{(120+48) \times 100}{42 \times (37+63)} = \frac{168 \times 100}{42 \times 100} = \frac{168}{42} = 4$$

6. Chiều dài sân chơi là: 112m

Diện tích sân chơi là: 3136m²

Số viên gạch đủ để lát kín sân chơi là : 12 544 viên.

Số chuyến xe ít nhất để chở đủ số gạch lát sân chơi là: 36 chuyến.

7*.*Cách 1:* Mua 1kg thịt bò, 1 kg thịt lợn và 4 can dầu ăn.

Cách 2: Mua 1kg thịt bò, 2 kg thịt lợn và 2 can dầu ăn. $\frac{3}{7}$